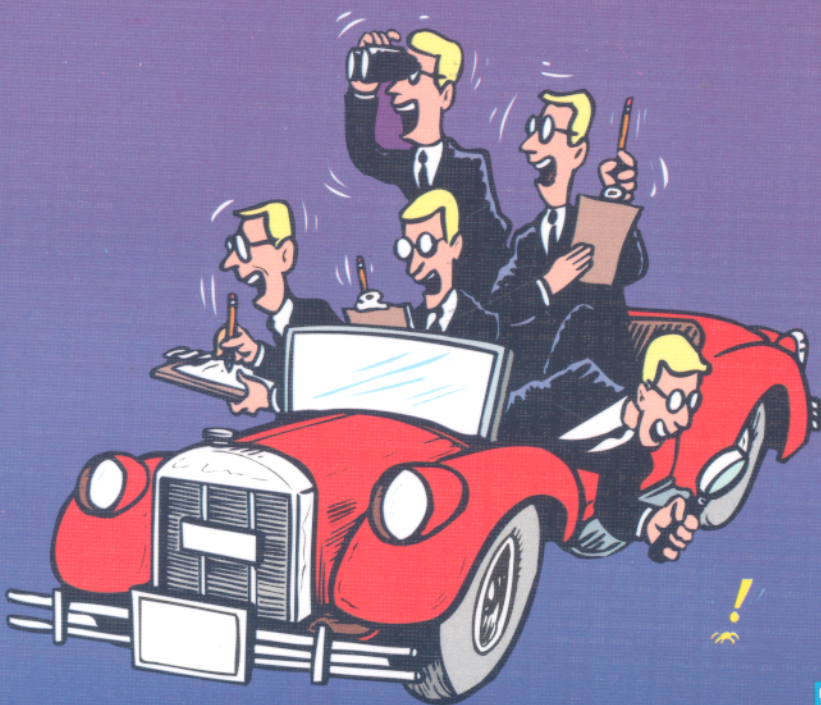


L.A. HILL

NỤ CƯỜI NƯỚC ANH

SONG NGỮ ANH - VIỆT



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN



L.A.HILL

**NỤ CƯỜI
NƯỚC ANH**

(Tái bản lần 4, có sửa chữa)

NGUYỄN QUỐC HÙNG

Dịch và biên soạn

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

LỜI NÓI ĐẦU

Một trong những chiến lược sử dụng tiếng Anh của người nước ngoài (theo S.Pit Corder: Ngôn ngữ trung gian) là "giản đơn hoá thông điệp" (message simplification). Để đáp ứng nhu cầu đó, giới giáo học Anh đã cho ra đời những bộ sách dễ đọc (simplified series) theo từng cấp độ từ dễ đến khó tính theo số lượng từ vựng và độ phức tạp của cấu trúc ngữ pháp. Số lượng từ vựng dùng để sáng tác và viết lại những tác phẩm văn học, những truyện ngắn, v.v. có thể là 300 từ, 500 từ, 850 từ (basic English), v.v. Các tác giả khác nhau có thể có những bảng từ vựng và cấu trúc ngữ pháp khác nhau để xây dựng hệ sách viết dễ lại của mình, gọi chung là "hệ sách viết dễ lại cho quy trình học tiếng Anh (Adapted/Simplified series for ELT)". Những chuyện viết dễ lại bao gồm nhiều chủ đề và loại hình khác nhau: chuyện cười, tiểu thuyết, chuyện khoa học, kịch ngắn, thơ ca, chuyện cổ tích, chuyện dân gian, v.v.

Hệ truyện viết dễ lại của L.A.Hill, sử dụng từ 750 từ đến khoảng 1000 từ (1,000 - headwords) cho cấp độ sơ đẳng (elementary), 1500 từ (1,500 headwords) cho cấp độ trung cấp (intermediate), và 2075 từ (2075 headwords) cho cấp độ cao cấp (advanced). Cấu trúc câu được sắp xếp theo một hệ thống tăng dần về mức độ khó.

Hệ sách này phục vụ cho những người đang học tiếng Anh ở các trình độ; nhưng đồng thời nó cũng phục vụ cho

những người muốn tiếp cận với nền văn hoá, văn học Anh. Tác giả đặc biệt muốn giới thiệu với bạn đọc tính "u-mua", một đặc trưng nổi tiếng thế giới của người Anh và nền văn học Anh, thông qua những câu chuyện dĩ dỏm.

Về phần chuyển sang tiếng Việt, chúng tôi cố gắng bám sát cấu trúc của nguyên bản, tận dụng phương pháp dịch sao chép để bạn đọc có thể so sánh, học cách sử dụng từ và cấu trúc câu tiếng Anh được thuận lợi hơn. Phần chú thích nêu những đặc điểm về ngôn ngữ hoặc văn hoá cần nhớ. Phần bài tập chủ yếu kiểm tra mức độ hiểu bài đọc.

Trong quyển sách này nếu còn chỗ nào sai sót hoặc chưa hoàn thiện, tác giả mong được lượng thứ.

Chúc các bạn thành công.

Hà nội, ngày 2 tháng 8 năm 2002

NGUYỄN QUỐC HÙNG, MA

1

A. Dave worked in a factory, and he always made sandwiches in the morning, took them to work and ate them at midday.

Then he married, so he thought: "Now my wife's going to make my sandwiches".

On the first day, she made him some, and when he got home in the evening, she said to him: "Were the sandwiches all right?".

"Oh. yes", he answered, "But you only gave me two slices of bread".

The next day she gave him four slices, but he said again: "Four slices aren't enough".

The third day she gave him eight slices, but those were not enough for him either, so on the fourth day she took a loaf of bread, cut in half and put a piece of meat in it.

In the evening she said to him: "Was your lunch nice?"

"Oh. yes", he answered, "But two slices of bread aren't enough".

B. Dave làm việc ở nhà máy. Buổi sáng anh làm bánh kẹp mang đi làm và ăn bánh vào buổi trưa.

Rồi anh lập gia đình, và anh nghĩ: "Bây giờ thì vợ sẽ làm bánh kẹp cho mình".

Hôm đầu tiên cô làm bánh cho anh và buổi tối khi anh trở về nhà cô hỏi: "Bánh ngon chứ anh?"

"Ồ, ngon", anh trả lời, "Nhưng em cho anh có mỗi hai lát bánh mì".

Ngày hôm sau cô cho anh bốn lát bánh song tối về anh lại nói: "Bốn lát vẫn không đủ".

Hôm thứ ba cô cho anh tám lát bánh, nhưng với anh như thế cũng vẫn chưa đủ. Thế là vào hôm thứ tư cô lấy cả một ổ bánh mì, cắt làm đôi rồi kẹp một miếng thịt to tướng vào giữa.

Buổi tối cô hỏi anh, "Bữa trưa của anh có ngon không?".

"Ồ, ngon", anh đáp, "Nhưng hai lát bánh mì thì vẫn chưa đủ đâu, em ạ".

C. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Dave worked in an office. ☐
2. Dave always makes sandwiches for lunch ☐
3. Dave like sandwiches ☐
4. Four slices of bread were not enough for Dave ☐

5. Dave's wife gave him only two slices of bread on the fourth day.

6. Dave ate a lot of bread.

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. Who made Dave's sandwiches before he married.
2. Who made them after he married?
3. What did his wife say in the evening?
4. What did Dave answer?
5. What did Dave tell his wife on the second evening?
6. What did she do on the fourth day?
7. What did she ask him in the evening?
8. What did Dave answer?

C. WRITE THIS STORY, BUT PUT ONE OF THESE WORDS IN EACH EMPTY PLACE

bread butter fingers loaf meat sandwich slice slices.

"I want to make some sandwiches".

"Well, go and buy a... of... Cut in into... Put some... on one side of each... Then cut some... up, and put some of it between each two... of the...".

"Do I put the sides with... on them inside or outside?"

"Don't be stupid! Inside, of course, or your... will be covered with... when you pick a... up!"

2

A. Harry didn't stop his car at some traffic-lights when they were red, and he hit another car. Harry jumped out and went to it. There were an old man in the car. He was very frightened and said to Harry: "What are you doing? You nearly killed me!".

"Yes", Harry answer, "I am very sorry". He took a bottle out of his car and said: "Drink some of this. Then you'll fell better". He gave the man some whisky, and the man drank it, but then he shouted again: "You nearly killed me!".

Harry gave him the bottle again, and the old man drank a lot of the whisky. Then he smiled and said to Harry: "Thank you. I feel much better now. But why aren't you drinking?".

"Oh, well". Harry answer, "I don't want any whisky now. I'm going to sit here and wait for police".

B. Harry không đỗ xe lại ở chỗ đèn giao thông khi đèn đỏ, và anh đâm phải một chiếc xe khác. Harry nhảy ra khỏi xe, tiến đến chiếc xe kia. Trong xe có một

ông già. Ông già rất kinh hoàng và nói với Harry: "Anh làm gì thế? Suýt nữa thì anh giết tôi rồi còn gì!"

"Vâng", Harry đáp, "Tôi xin lỗi". Anh lấy ở trong xe ra một chai rượu và nói: "Hãy uống một chút rồi ông sẽ thấy khá hơn". Anh cho ông già uống một ít rượu whisky, nhưng rồi ông ta lại hét lên: "Tí nữa thì anh giết tôi rồi đây!"

Harry lại đưa cho ông ta chiếc chai và ông uống rất nhiều. Đoạn ông mỉm cười nói với Harry: "Cảm ơn. Bây giờ tôi thấy khá hơn rồi. Nhưng tại sao anh lại không uống nhỉ?"

"Ồ", Harry trả lời, "Bây giờ thì tôi chẳng muốn một chút whisky nào hết. Tôi sẽ ngồi đây đợi cảnh sát đến".

C. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Harry hit an old man.
2. Harry hit another car.
3. The old man was very frightened.
4. Harry gave the old man some water.
5. The old man drank a lot of whisky.
6. Harry did not drink any whisky.

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. Why did Harry hit another car?
2. What did the old man say?
3. What did Harry answer, and What did he do?
4. What did the old man do?
5. What did the old man say then?
6. What did Harry do?
7. What did the old man do and say then?
8. What did Harry say?

3

A. John lived with his mother in a rather big house, and when she died, the house became too big for him -so he bought a smaller one in the next street. There was a very nice old clock in his first house, and when the men came to take his furniture to the new house, John thought: "I'm not going to let them carry my beautiful old clock in their truck. Perhaps they'll break it, and then mending it will be very expensive". So he picked it up and began to carry it down the road in his arms.

It was heavy, so he stopped two or three times to have a rest.

Then suddenly a small boy came along the road. He stopped and looked at John for a few seconds. Then he said to John: "You're a stupid man, aren't you? Why don't you buy a watch like everybody else?".

B. John sống cùng với mẹ trong một ngôi nhà khá to và khi mẹ anh qua đời, ngôi nhà trở nên quá rộng đối với anh, vì thế anh mua một căn nhà nhỏ hơn ở phố bên cạnh. Ở ngôi nhà cũ có một chiếc đồng hồ cổ rất đẹp. Lúc người ta đến khuôn đồ đạc của anh đến nhà mới, John nghĩ: "Không thể để họ chở chiếc đồng hồ cổ này của ta trên xe tải được. Có thể họ sẽ làm vỡ nó mất, mà sửa chữa thì rất đắt tiền". Thế là anh nhấc chiếc đồng hồ lên và ôm xuống đường.

Chiếc đồng hồ rất nặng nên anh phải dừng lại hai, ba lần để nghỉ. Bỗng nhiên một cậu bé đang đi trên đường đứng lại nhìn John một lúc rồi nói với John: "Ông thật là một người ngớ ngẩn. Tại sao ông không mua đồng hồ đeo tay như mọi người khác?".

C. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. John and his mother lived in a big house. ☐
2. John bought a small house in the next street. ☐
3. John had a beautiful new clock. ☐
4. John and his friend carried the clock to his new house. ☐
5. The clock was heavy. ☐
6. John was a stupid man. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. Why did John buy a smaller house?
2. Was it a long way from his old house?
3. Why did he not want to let the men carry his clock in their truck?
4. How did he take it to the new house?
5. What did he do two or three times on the way?
6. Why did he do this?
7. Who arrived then?
8. What did the boy say?

4

A. Two soldiers were in camp. The first one's name was George, and the second one's name was Bill. George said: "Have you got a piece of paper and an envelope, Bill?".

Bill said: "Yes, I have" and he gave them to him.

Then George said: "Now I haven't got a pen". Bill gave him his, and George wrote his letter. Then he put it in the envelope and said: "Have you got a stamp, Bill?", Bill gave him one.

Then Bill got up and went to the door, so George said to him: "Are you going out?"

Bill said: "Yes, I am", and he opened the door.

George said: "Please put my letter in the box in the office, and..." He stopped.

"What do you want now?", Bill said to him.

George looked at the envelope of his letter and answered: "What's your girl-friend's address?".

B. Trong doanh trại có hai chàng lính. Anh thứ nhất tên là George còn anh thứ hai tên là Bill. George hỏi: "Bill, cậu có giấy và phong bì không?".

"Có". Bill nói rồi lấy đưa cho George.

George nói: "Mình không có bút". Bill đưa bút của mình cho George viết thư. Đoạn anh ta bỏ thư vào phong bì và hỏi: "Cậu có tem không Bill?", Bill cho anh ta một chiếc tem.

Bill đứng dậy và đi ra cửa, George lại hỏi: "Cậu đi ra phố đấy à?"

"Ừ", Bill vừa đáp vừa mở cửa ra. George nói: "Làm ơn bỏ hộ mình bức thư này vào thùng thư ở bưu điện và... ". anh ta dừng lại.

"Cậu còn muốn gì nào?" Bill nói với anh ta. George nhìn chiếc bì thư và trả lời: "Thế địa chỉ của người yêu cậu ở đâu?".

C. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. George wanted Bill to write a letter for him.
2. George gave Bill a piece of paper and an envelope.
3. George got a stamp from Bill.
4. George wanted Bill to take his letter to the office.
5. Bill had a girl - friend.
6. George wanted to write to Bill's girl - friend.

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. What did George say at the beginning of this story?
2. What did Bill say, and What did he do?
3. What did George say then?
4. What did Bill give him?
5. What did George ask after that?
6. What did Bill do?
7. What did George want Bill to do when he went out?
8. What did he ask Bill for at the end of this story?

C. WRITE THIS STORY, PUT ONE WORD IN EACH EMPTY PLACE. YOU WILL FIND ALL THE CORRECT WORDS IN THE STORY ON PAGE 10.

Bill's... lives in London and works in an... Her... is 21, Green Street. She gave him a beautiful... last summer, and he writes a... to her with it every week. She write to him every week too. She writes on blue..., and then puts in a blue... Sometimes she finds a blue... and puts that on her letter! Then everything is blue! When her letter is ready, she puts it in a... in her office, and a man takes it away at 12 o'clock. It usually gets to Bill's... the next day.

5

A. General Pershing was a famous American officer. He was in the American army, and fought in Europe in the First World War.

After he died, some people in his home town wanted to remember him, so they put up a big statue of him on a horse.

There was a school near the statue, and some of the boys passed it every day on their way to school and again on their way home. After a few months some of them began to say: "Good morning, Pershing", whenever they passed the statue, and soon all the boys at the school were doing this.

One Saturday one of the smallest of these boys was walking to the shops with his mother when he passed the statue. He said: "Good morning, Pershing" to it, but then he stopped and said to his mother, "I like Pershing very much, Ma, but Who's that funny man on his back?"

B. Tướng Pershing là một sĩ quan Mỹ nổi tiếng. Ông ở trong quân đội Mỹ và chiến đấu ở châu Âu trong Đại chiến thế giới lần thứ nhất.

Sau khi ông mất, một số người ở thành phố quê hương ông muốn ghi nhớ ông nên họ dựng một bức tượng ông đang cưỡi ngựa.

Gần bức tượng đó có một trường học. Hàng ngày một số học trò thường đi ngang qua bức tượng trên đường đi học và trên đường về nhà. Sau vài tháng cứ khi nào đi ngang qua bức tượng các cậu bé lại nói: "Chào Pershing" và chẳng bao lâu tất cả những đứa trẻ khác ở trường đều làm như vậy.

Vào một ngày thứ bảy, một cậu học sinh bé nhất trong số những cậu bé này đi ngang qua bức tượng khi cậu đang cùng mẹ đi đến cửa hàng. Cậu nói: "Chào Pershing", với bức tượng, nhưng rồi cậu dừng lại và nói với mẹ: "Con rất thích Pershing, mẹ ạ, nhưng cái ông trông tức cười ngồi trên lưng nó là ai vậy hả mẹ?".

C. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. General Pershing was British.
2. Some people put up a statue of him in his home town.
3. The statue was in a school.
4. The boys at the school always said: "Good morning, Pershing".
5. The little boy was walking with his mother.
6. The little boy thought: "Pershing is the horse".

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. Who was General Pershing?
2. What did he do in the first World War?
3. Why did people in his town put up a statue of him?
4. Who began to say "Good morning, Pershing" Whenever they passed the statue?
5. Who was walking past the statue on Saturday?
6. Who was with him?
7. What did he say to the statue?
8. What did he ask his mother then?

6

A. Jack worked in an office in a small town. One day his boss said to him: "Jack, I want you to go to Manchester, to an office there, to see Mr Brown. Here's the address".

Jack went to Manchester by train. He left the station, and thought: "The Office isn't far from the station. I'll find it easily".

But after an hour he was still looking for it, so he stopped and asked an old lady. She said: "Go straight along this street, turn to the left at the end, and it's the second building on the right". Jack went and found it.

A few days later he went to the same city, but again he did not find the office, so he asked someone the way. It was the same old lady! She was very surprised and said: "Are you still looking for that place?".

B. Jack làm việc ở văn phòng tại một thị trấn nhỏ. Một hôm ông chủ của anh bảo: "Này Jack tôi muốn anh đi Manchester, đến một văn phòng ở đó gặp ông Brown. Địa chỉ đây!".

Jack đáp tàu đi Manchester. Anh rời nhà ga và nghĩ: "Văn phòng cách nhà ga không xa. Dễ tìm thôi".

Nhưng sau một tiếng đồng hồ anh vẫn còn đang đi tìm văn phòng đó. Nên anh dừng lại hỏi một bà lão. Bà nói: "Đi thẳng dọc theo phố này, rẽ trái ở cuối phố. Đó là ngôi nhà thứ hai bên tay phải". Jack đi theo lời chỉ dẫn và tìm thấy.

Ít hôm sau anh lại đến thành phố này, nhưng lại không tìm ra được văn phòng đó, thành thử phải hỏi đường. Anh lại hỏi đúng bà lão hôm nọ! Bà ta rất ngạc nhiên và nói: "Anh vẫn đang đi tìm ngôi nhà ấy đấy à?"

C. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Jack worked in an office in a large town. ☐
2. Jack's boss wanted him to go to Manchester. ☐
3. Jack did not have the address of the office in Manchester. ☐
4. Jack did not find the office easily. ☐
5. Jack went to Manchester again a few months later. ☐
6. He asked the same old lady the way again. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. What did Jack's boss want him to do?
2. How did Jack go to Manchester?
3. What did he think as he left the station?
4. What happened then?
5. What did the lady say to Jack?
6. Where did he go a few days later?
7. What happened to him again?
8. Whom did he ask the way?

7

A. When Billy was very small, he loved pictures. His mother often drew some for him on old pieces of paper. She was very bad at drawing, but Billy enjoyed her pictures and always wanted more.

Then, when he was a little older, Billy's mother gave him some pencils and a drawing book, and he began drawing pictures too, but they were never good.

When Billy was five years old, his mother gave him a small blackboard, some pieces of chalk, and a duster. He liked those very much. One day he was trying to draw a picture of his father on the blackboard. He drew lines and rubbed them out, drew more and rubbed those out too for ten minutes, but when he looked at his picture, he was not happy.

"Well", he said at last to his mother, "I'll put a tail on it and make it a monkey".

B. Hồi nhỏ Billy rất thích tranh vẽ. Mẹ cậu thường vẽ tranh cho cậu vào giấy cũ. Bà vẽ rất kém nhưng Billy rất thích tranh của mẹ vẽ và lúc nào cũng muốn có nhiều tranh nữa.

Khi Billy lớn hơn một chút, mẹ cậu cho cậu mấy cây bút chì và một quyển sách vẽ, Billy cũng bắt đầu vẽ tranh nhưng chẳng có tranh nào ra hồn cả.

Khi Billy 5 tuổi, mẹ cậu cho cậu một chiếc bảng đen nhỏ, vài viên phấn và một chiếc giẻ lau. Billy thích lắm. Một hôm cậu cố thử vẽ bố lên bảng. Cậu cứ vẽ rồi lại xóa, vẽ rồi lại xóa đến mười phút, nhưng khi nhìn lại bức tranh, Billy không hài lòng lắm.

"Ồi", cuối cùng cậu nói với mẹ: "Con sẽ vẽ thêm một cái đuôi vào bức tranh và biến nó thành con khỉ vậy".

C. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Billy's mother often drew pictures for him. ☐
2. She was very good at drawing. ☐
3. Billy's drawings were not very good. ☐
4. Billy liked his blackboard very much. ☐
5. Billy drew a good picture of his father. ☐
6. Billy drew a good picture of a monkey. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. What did Billy like very much when he was small?

2. What did Billy's mother give him when he was a little older?

3. What did he do?

4. Was he good at drawing?

5. What did his mother give him when he was five years old?

6. What did he try to do one day?

7. What happened then?

8. What did Billy say?

C. OPPOSITES: FIND WORDS IN THE STORY WHICH MEAN THE OPPOSITE OF:

1. Big

2. Hated

3. Good

4. New

5. Sad

6. Younger

8

A. There were men soldiers and women soldiers in an army camp, and every Sunday morning they all went to church, but a lot of the soldiers did not like it much. There was a choir of men soldiers, and Captain Jones was trying to find women soldiers to sing in it too, but none of the ones in the camp offered to do this.

Then one day Captain Jones saw a new girl soldier. She was a tall, very beautiful girl. Captain Jones went to her and said: "Will you come and sing in the choir at our church, please?"

The girl was very surprised and said: "But, sir, I can't sing at all".

"Oh, that's all right", answered Captain Jones. "That doesn't matter at all. You don't need to sing. I only want someone to keep the men soldiers looking in front of them when they are in the church".

B. Trong một doanh trại quân đội có cả nam lẫn nữ quân nhân. Sáng chủ nhật nào họ cũng đều đi lễ nhà thờ, nhưng nhiều binh lính không thích đi lễ lắm. Có một dàn đồng ca của các nam quân nhân và đại úy Jones đang cố tìm một số nữ quân nhân để đứng vào dàn đồng ca đó nhưng chẳng cô nào thích.

Một hôm đại úy Jones trông thấy một nữ quân nhân mới. Cô ta người cao và rất xinh đẹp. Đại úy Jones đến bên cô nói: "Cô đến hát cho dàn đồng ca ở nhà thờ nhé?".

Cô gái lấy làm ngạc nhiên và nói: "Nhưng, thưa ngài chỉ huy, tôi không biết hát một chút nào cả".

"Ồ, được rồi", đại úy Jones đáp "Chẳng sao cả. Cô không phải hát. Tôi chỉ cần một người khiến cho các nam quân nhân nhìn về phía trước khi họ đang ở trong nhà thờ, thế thôi".

C. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. There were only men soldiers in the camp. ☐
2. There were men and women soldiers in camp. ☐
3. There was a choir of women soldiers. ☐
4. None of the women soldiers wanted to sing in the choir. ☐
5. The new girl soldier was a good singer. ☐
6. Captain Jones wanted the women soldiers to sing. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. What did the soldiers do every Sunday?
2. Did they all enjoy doing this?
3. What was Captain Jones trying to do?
4. What did the women soldiers do about this?
5. What was the new girl soldier like?
6. What did Captain Jones say to her?
7. What did she answer?
8. What did Captain Jones say to them?

C. WRITE THIS STORY, PUT ONE WORD IN EACH EMPTY PLACE. YOU WILL FIND ALL THE CORRECT WORDS IN THE STORY ON PAGE 23.

Captain Jones works in an army... Some of the... are... and some of them are... There is a... in their..., and Captain Jones wants girls for it. But they do not need to... They only need to look... Then the men will look in... of them and not behind them.

9

A. Len was thirty years old, and he had very long hair. He lived in a big city, but one year he did not find any work there, so he went to a small town and began looking for work there, he went to a lot of places, but nobody wanted him.

Then he met an old friend, and this man said to him: "People in this town don't like long hair. Why don't you go to a barber? He can cut a lot of it off, and then you can get some work".

Len went to a baber and said: "Please cut most of my hair off".

The barber begin. He cut and cut for a long time and then he said to Len: "Were you in the army a few years ago?"

"Yes, I was", Len answered, "Why did you ask that?"

"Because I've found your cap", the barber said.

B. Len 30 tuổi và anh để tóc dài. Anh sống ở thành phố lớn, nhưng có một năm anh không tìm được việc làm ở đó. Nên anh đến một thành phố nhỏ để tìm việc làm. Anh đã đi nhiều nơi nhưng chẳng ai cần anh cả.

Rồi anh gặp một người bạn cũ. Anh ta bảo anh: "Ở thành phố này người ta không thích tóc dài đâu. Tại sao cậu không đi cắt tóc nhỉ? Ông thợ sẽ cắt bớt tóc cho cậu, rồi cậu có thể kiếm được một việc làm nào đó".

Len đi đến hiệu cắt tóc và nói: "Xin cắt thật nhiều tóc đi cho tôi".

Người thợ cắt tóc bắt đầu cắt. Ông ta cắt và cắt mãi rất lâu đoạn ông nói với Len: "Cách đây vài năm ông phục vụ trong quân đội có phải không?".

"Vâng", Len đáp, "Tại sao ông hỏi vậy?".

"Bởi vì tôi thấy chiếc mũ vải của ông trong tóc", người thợ cắt tóc nói.

C. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

- | | |
|--|--------------------------|
| 1. Len was twenty years old. | <input type="checkbox"/> |
| 2. Len had very long hair. | <input type="checkbox"/> |
| 3. Nobody wanted Len for work. | <input type="checkbox"/> |
| 4. Len met an old friend. | <input type="checkbox"/> |
| 5. The barber cut off a lot of Len's hair. | <input type="checkbox"/> |
| 6. Len was in the army a few years ago. | <input type="checkbox"/> |

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. Why did Len go to a small town?
2. Did he find work at once?
3. What did his old friend say to him?
4. Where did Len go then?
5. What did he say to the barber?
6. What did the barber ask Len?
7. What did Len say?
8. And What did the barber answer?

10

A. Mrs Robinson was a teacher in a big school in a city in America. She had boys and girls in her class, and she always enjoyed teaching them, because they were quick, and because they thought about everything carefully. One day she said to the children: "People in a lot of countries in Asia wear white clothes at funerals, but people in America and in Europe wear white clothes when they're happy. What colour does a woman wear in this country when she marries, Mary?"

Mary said: "White, Miss, because she's happy".

"That's good, Mary", Mrs Robinson said, "You're quite right. She wear white because she's happy".

But then one of the boys in the class put his hand up.

"Yes. Dick!", Mrs Robinson said, "Do you want to ask something?"

"Yes, please, Miss". Dick said, "Why do men wear black in this country when they marry, Miss?"

B. Cô Robinson là một cô giáo ở một trường học lớn tại Mỹ. Trong lớp cô có cả học sinh nam lẫn học sinh nữ và cô rất thích dạy các em, vì chúng nhanh trí và suy nghĩ về mọi thứ rất cẩn thận. Một hôm cô nói với các em: "Ở nhiều nước châu Á, người ta mặc quần áo trắng tại các lễ tang, nhưng ở châu Mỹ và châu Âu người ta lại mặc đồ trắng khi người ta hạnh phúc. Thế ở nước ta khi cưới người phụ nữ mặc quần áo màu gì hả Mary?".

Mary nói: "Thưa cô, màu trắng ạ, bởi vì người đó đang hạnh phúc mà".

"Tốt lắm, Mary", cô Robinson nói, "Em nói đúng cô ta mặc quần áo trắng bởi vì cô ta hạnh phúc".

Nhưng rồi một em trai ở trong lớp giơ tay lên, "Dick, gì vậy?". Cô Robinson hỏi, "Em muốn hỏi gì không?".

"Thưa cô, có ạ", Dick nói, "Vậy tại sao ở nước ta đàn ông lại mặc đồ đen khi họ cưới hả cô?".

C. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. There were boys and girls in Mrs Robinson's class. ☐
2. Mrs Robinson enjoyed teaching her class. ☐
3. The children in Mrs Robinson's class were clever and careful. ☐
4. People in a lot of countries in Asia wear black at funerals. ☐
5. A lot of women in America wear white when they marry. ☐
6. Men wear white in America when they marry. ☐

A. A few years ago, there were a lot of hijackings on aeroplanes, so now people always search passengers and their luggage at airports before they let them get into an aeroplane, because they do not want them to take guns or bombs or other dangerous things on to the plane with them.

Mr and Mrs Smith were singers, and they travelled a lot. Whenever they went by plane, people searched them and their luggage, of course.

One day, Mr Smith came to the airport, and the men searched him and his luggage first. He was ready to get on the plane. Then Mrs Smith arrived. She was late and in a hurry, but the people searched her and her bag carefully. Then Mr Smith heard her laugh and said to the men happily: "Oh, that's very good! I've looked for those scissors for several days, and now you've found them for me! Thank you very much!".

B. Cách đây vài năm có rất nhiều vụ cướp máy bay, cho nên bây giờ người ta luôn luôn kiểm tra hành khách và hành lý ở các sân bay trước khi cho lên máy bay, bởi vì người ta không muốn hành khách mang theo súng hay bom hay những thứ nguy hiểm khác lên máy bay.

Ông bà Smith là ca sĩ. Họ đi du lịch rất nhiều nơi. Tất nhiên là cứ khi nào họ đi bằng máy bay thì lại bị kiểm tra người và hành lý.

Một hôm, ông Smith đến sân bay. Người ta kiểm tra ông và hành lý của ông đầu tiên. Ông đã xong xuôi và sẵn sàng lên máy bay. Lúc đó bà Smith mới đến. Bà đến muộn và đang vội nhưng người ta vẫn kiểm tra bà và túi xách tay rất kỹ. Sau đó ông Smith nghe thấy bà cười và vui vẻ nói với những người kiểm soát:

"Ồ, tốt quá! Tôi tìm chiếc kéo này mấy ngày nay rồi. Các ông đã tìm thấy nó giúp tôi. Rất cảm ơn các ông".

C. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Mr Smith sometimes carried guns and bombs. ☐
2. Mrs Smith arrived after her husband. ☐
3. She was in a hurry because she was late. ☐
4. She was happy because the men searched her luggage. ☐
5. She lost her scissors. ☐
6. The men stole her scissors. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. Why do people search passengers and their luggage at airports now?
2. What was Mr and Mrs Smith's work?
3. Did they travel much?
4. What happened whenever they went by plane?
5. Who arrived one day when Mr Smith was ready to get on the plane?
6. Why was she in a hurry?
7. What happened to her?
8. What did she say?

C. WRITE THIS STORY, BUT PUT ONE WORD IN EACH EMPTY PLACE. YOU WILL FIND ALL THE CORRECT WORDS IN THE STORY.

Miss Jones worked in an airport. Before women... to an aeroplane, she... them and their... to stop them taking... things on to the plane. Some people take... on to aeroplanes to shoot with, and some take... to throw. Sometimes women say: "I am in a...! There is no time to look in my bags! My bus was...!". But Miss Jones never lets them get on to the aeroplane without searching them. Has she ever... anything dangerous? No, she hasn't; but... have become very much fewer now because she and her friends do their work well.

12

A. Mick lived in the country, and he had quite a big garden. He grew vegetables, and he had some nice, fat chickens too. He sold the eggs and the meat, and got quite a lot of money for them.

His neighbour had a big garden too, and he also had vegetables and nice, fat chickens in it. There was a wire fence between the gardens, but it was very old, and the chickens often found holes in it and went through.

Now Mick wanted a new fence between his garden and his neighbour's, so Mr Biggs came to build it. Mick said to him: "Please make the fence out of strong wood. And I want a hole in it. Make it big enough for my chickens to get into my neighbour's garden and eat his vegetables, but too small for his to get into mine and eat mine".

B. Mick sống ở nông thôn. Ông có một khu vườn rất rộng, trồng rau và nuôi vài chú gà béo đẹp. Ông bán trứng và thịt gà, kiếm được rất nhiều tiền.

Người hàng xóm của ông cũng có một khu vườn rộng và ông ta cũng có rau và những chú gà béo đẹp ở trong vườn. Giữa hai khu vườn có một chiếc hàng rào bằng dây thép nhưng đã rất cũ và các chú gà thường tìm các lỗ hổng trong hàng rào để chui qua.

Bây giờ Mick muốn dựng hàng rào mới giữa vườn của ông và vườn của hàng xóm, vì thế ông Biggs được mời đến làm hàng rào đó.

Mick nói với ông ta: "Ông làm ơn làm hàng rào bằng gỗ tốt vào đây. Làm cho tôi một lỗ hổng ở hàng rào. Lỗ hổng phải đủ rộng để cho gà của tôi chui sang ăn rau trong vườn của người hàng xóm, nhưng lại quá nhỏ đối với gà của ông ta để chúng không thể chui sang ăn rau trong vườn của tôi được".

C. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Mick had a big garden. ☐
2. He grew vegetables and had some chickens. ☐
3. Mick was very poor. ☐
4. The wire fence was old, and it had holes in it. ☐
5. Mick wanted a strong fence with a hole in it. ☐
6. Mick wanted his neighbours's chickens to come into his garden. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. Where did Mick live?
2. What did he do in his garden?
3. What did he do with his eggs and chickens?
4. What did his neighbour have?
5. What was there between Mick's garden and his neighbour?
6. Why did the chickens often get through it?
7. What did Mick want Mr Biggs to do?
8. What did he say to him?

13

A. It was winter, and Mrs Hermann wanted to do a lot of shopping, so she waited until it was Saturday, when her husband was free, and she took him to the shops with her to pay for everything and to carry her parcels. They went to a lot of shops, and Mrs Hermann bought a lot of things. She often stopped and said: "Look, Jeo! Isn't that beautiful?".

He then answered: "All right, dear. How much is it?". And took his money out to pay for it.

It was dark when they came out of the last shop, and Mr Hermann was tired and thinking about other things, like a nice drink by the side of a warm fire at home. Suddenly his wife looked up at the sky and said: "Look at that beautiful moon, Jeo!".

Without stopping, Mr Hermann answered: "All right. dear. How much is it?".

B. Trời mùa đông, bà Hermann muốn đi mua sắm nhiều thứ. Bà đợi đến ngày thứ bảy khi chồng bà rảnh rỗi và dẫn ông đến các cửa hiệu cùng với bà để trả tiền mua hàng và khâu những gói hàng cho bà. Họ qua nhiều cửa hiệu và bà Hermann mua rất nhiều thứ. Bà thường dừng lại và nói: "Nhìn này Jeo! Cái này mới đẹp làm sao!"

Sau đó ông trả lời: "Ừ đẹp đấy, bà ạ. Thế giá bao nhiêu?" và ông lấy tiền ra trả.

Khi họ bước ra khỏi cửa hiệu cuối cùng thì trời đã tối. Ông Hermann mệt mỏi và đang nghĩ đến những thứ khác, chẳng hạn một cốc nước ngon lạnh bên cạnh chiếc lò sưởi ấm áp ở nhà. Bỗng nhiên vợ ông nhìn lên trời và nói:

"Nhìn mặt trăng đẹp chưa kìa, Jeo!"

Chẳng cần dừng lại ông Hermann đáp, "Ừ, đẹp đấy bà ạ. Cái đó giá bao nhiêu?".

C. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Mr Hermann did not go to work on Saturdays. ☐
2. Mr Hermann bought the things and paid for them, and Mr Hermann carried them. ☐
3. Mr Hermann came out of the last shop and had a nice drink. ☐
4. Mr Hermann came out of the last shop and wanted a drink and to sit by the fire at home. ☐

5. Then his wife saw a beautiful picture of the moon in a shop. ☐

6. Mr Hermann offered to buy the moon for her. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. Why did Mrs Hermann go shopping on Saturday?

2. What did she buy?

3. What did she often say?

4. What did he answer?

5. And What did he do then?

6. What was Mr Hermann thinking about when they came out of the last shop?

7. What did his wife say to him?

8. What did he answer?

14

A. Mr and Mrs Smith married thirty years ago, and they have lived in the same house since then. Mr Smith goes to work at eight o'clock every morning, and he gets home at half past seven every evening, from Monday to Friday.

There are quite a lot of houses in their street, and most of the neighbours are nice. But the old lady in the house opposite Mr and Mrs Smith died, and after a few weeks a young man and woman came to live in it.

Mrs Smith watched them for a few days from her window and then she said to her husband: "Bill, the man in that house opposite always kisses his wife when he leaves in the morning. And he kisses her again when he comes home in the evening. Why don't you do that too?".

"Well", Mr Smith answered, "I don't know her very well yet".

B. Ông bà Smith lấy nhau cách đây 30 năm và suốt từ đó đến nay họ vẫn sống trong một ngôi nhà. Sáng sáng ông Smith đi làm lúc 8 giờ và trở về nhà lúc 7 giờ 30 tối đều đặn từ thứ hai đến thứ sáu.

Trong phố đó có rất nhiều nhà. Hầu hết hàng xóm láng giềng đều rất tốt. Nhưng rồi bà lão ở ngôi nhà đối diện với ông bà Smith chết và vài tuần sau một đôi nam nữ trẻ đến ở trong ngôi nhà đó.

Trong mấy hôm liền bà Smith quan sát họ qua cửa sổ và nói với chồng: "Bill, anh chàng ở căn nhà đối diện kia sáng nào cũng hôn vợ khi anh ta rời nhà và buổi tối khi trở về anh ta lại hôn vợ. Tại sao ông không làm thế nhỉ?"

"À", ông Smith đáp, "Tôi chưa quen biết cô ta nhiều lắm!".

C. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Mr and Mrs Smith lived in the same house for thirty years. ☐
2. Mr Smith does not go to work on Saturday. ☐
3. Mr Smith comes home at six o'clock every day. ☐
4. Mrs Smith went to her new neighbour's house ☐
5. Mrs Smith watched her neighbours from her window. ☐
6. Mrs Smith wanted Mr Smith to kiss their neighbour. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. When did Mr and Mrs Smith marry?
2. Does Mr Smith go out to work?
3. What are the neighbours like?
4. What happened in the house opposite?
5. Who came to live in the house?
6. What did Mrs Smith do then?
7. What did she say to her husband?
8. And what did he answer?

15

A. Mrs Petes had two children. Sammy was seven years old, and his sister Annie was four. Sammy went to school, but Annie did not. When Sammy was at home, he often played with Annie while their mother was cooking or washing or cleaning, and he was usually very nice to his small sister, and Mrs Peters was free to do her work quietly.

One Saturday morning, the two children were playing in the garden while their mother was cooking the lunch. They were quite happy until Annie suddenly began to cry and ran into the kitchen to her mother.

Mrs Peters stopped cooking and said: "Why are you crying, Annie?"

"Sammy's broken my toy horse", Annie answered, crying more loudly.

"How did he break it?", her mother asked.

Annie stopped crying, but did not answer for a few seconds. Then she said: "I hit him on the head with it".

B. Bà Peters có hai con. Sammy 7 tuổi và em gái nó, Annie 4 tuổi. Sammy đã đi học, còn Annie thì chưa. Lúc ở nhà Sammy thường chơi đùa với Annie khi mẹ chúng nấu ăn hay giặt giũ hoặc lau chùi và cậu thường rất nhường nhịn đứa em gái bé nhỏ của mình, còn bà Peters được tự do làm công việc của mình một cách yên tĩnh.

Một buổi sáng thứ bảy, trong khi mẹ nấu bữa trưa, hai đứa trẻ chơi ở trong vườn. Chúng rất vui vẻ. Đột nhiên Annie khóc oà lên chạy vào bếp với mẹ.

Bà Peters đang nấu ăn dừng tay lại hỏi: "Tại sao con khóc thế, Annie?".

"Anh Sammy làm gãy con ngựa đồ chơi của con", Annie trả lời rồi khóc to hơn.

"Anh ấy làm gãy như thế nào?", mẹ bé hỏi.

Annie thối không khóc nữa, nhưng cũng không trả lời gì. Đoạn bé nói: "Con lấy nó đánh vào đầu anh ấy".

C. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Sammy was seven years old. ☐
2. Annie was three years old. ☐
3. Sammy went to school, but Annie did not. ☐
4. Sammy was nice to his sister. ☐
5. Sammy broke Annie's horse. ☐
6. Annie hit Sammy with her toy. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. What did Sammy do when he was at home?
2. Why was Mrs Peters usually free to do her work quietly when he was at home?
3. What were the children doing one Saturday morning while she was cooking the lunch?
4. What did Mrs Peters say to Annie?
5. And what did Annie answer?
6. What did Mrs Peters ask then?
7. And What was Annie's answer?

C. DRAW LINES FORM THE WORDS ON THE LEFT TO THE CORRECT WORDS ON THE RIGHT.

- | | |
|----------------------|---------------------------------|
| 1. Annie | a. broke |
| 2. Annie's toy horse | b. cooked the lunch. |
| 3. Mrs Peters. | c. ran into the kitchen crying. |
| 4. Sammy. | d. was nice to his sister. |
| 5. The children. | e. were quite happy at first. |

16

A. Ted worked in a factory in a big town. He liked fishing very much, and was very good at it. Whenever he was free, he went down to the small river behind the factory and tried to catch some fish, but there were very few there, because the water was dirty. Then one Summer he went to the seaside during his holidays and stayed at a small, cheap hotel.

"I've never fished in the sea before", he thought. "It will be rather different from fishing in our river".

On the first day he caught a lot of fish and was very happy. He gave them to the hotel, and they cooked them for all the guests, and they enjoyed them very much. After that, he did this every day. But when Ted got his bill at the end of the week, he saw on it:

"For oil to fry fish (7 days): £3.50".

B. Ted làm việc tại nhà máy ở một thị trấn lớn. Anh rất thích câu cá và câu rất giỏi. Cứ khi nào rảnh rỗi, anh lại đi xuống con sông nhỏ sau nhà máy và cố kiếm vài con cá, nhưng ở đó rất ít cá vì nước bẩn. Một mùa

hè anh đi nghỉ ở biển vài ngày và ở tại một khách sạn rẻ tiền.

"Từ trước đến nay mình chưa bao giờ câu cá ở biển cả", anh nghĩ, "Nó sẽ rất khác với câu cá ở sông".

Hôm đầu tiên, anh bắt được rất nhiều cá và rất vui mừng. Anh cho khách sạn số cá đó và họ nấu nướng cá cho tất cả các khách ăn. Ai cũng rất thích. Sau đó, ngày nào anh cũng làm như vậy. Nhưng khi nhận hóa đơn thanh toán lúc cuối tuần, Ted thấy trên hoá đơn ghi: "Mỡ rán cá (7 ngày): 3,50 bảng".

C. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Ted worked in an office in a big town. ☐
2. He was very good at fishing. ☐
3. During his holidays he went to the seaside. ☐
4. Ted caught a lot of fish. ☐
5. He sold the fish to the hotel. ☐
6. Ted stayed in the hotel for one week. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. What was Ted's hobby?
2. Where did he fish?
3. Why did he not catch many fish there?
4. Where did he go one Summer?
5. Where did he stay?
6. Where did he fish there?
7. When he caught a fish, what happened to it?
8. And what happened at the end of the week?

17

A. Nat lived in a small town in England. He always stayed in England for his holidays, but then last year he thought: "I've never been outside this country. All my friends go to Spain, and they like it very much, so this year I'm going to go there too".

First he went to Madrid and stayed in a small hotel for a few days. On the first morning he went out for a walk. In England people drive on the left, but in Spain they drive on the right. Nat forgot about this, and while he was crossing a busy street, a bicycle knocked him down.

Nat lay on the ground for a few seconds and then he sat up and said: "Where am I?".

An old man was selling maps at the side of the street, and he at once came to Nat and said: "Map of the city, sir?"

B. Nat sống ở một thị trấn nhỏ ở Anh. Trong những ngày nghỉ anh luôn luôn ở Anh, nhưng năm ngoái anh nghĩ: "Mình chưa bao giờ bước chân ra khỏi đất nước này. Tất cả bạn bè đều đi Tây Ban Nha và rất thích đất nước đó, vậy năm nay ta cũng sẽ đến đó nghỉ".

Đầu tiên anh đi Madrid và ở trong một khách sạn nhỏ vài ngày.

Buổi sáng hôm đầu tiên, anh ra ngoài đi dạo. Ở Anh, lái xe phải đi bên trái đường, nhưng ở Tây Ban Nha người ta lại đi bên phải đường. Nat quên mất điều này và khi anh đang bước sang đường ở một phố tấp nập thì một chiếc xe đạp đâm anh ngã nhào.

Nat nằm sõng soài trên mặt đường một lúc rồi ngồi dậy và nói "Tôi ở đâu thế này?"

Bên đường có một ông lão bán bản đồ. Ngay lập tức ông ta tiến đến chỗ Nat và nói: "Bản đồ thành phố, thưa ngài?".

C. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Nat lived in a large town in England. ☐
2. Nat never went outside England before last year. ☐
3. In England people drive on the left side. ☐
4. In Spain people drive on the right. ☐
5. A car knocked Nat down. ☐
6. Nat wanted a map of the city. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. Where did Nat always have his holidays?
2. What did he think one year?
3. Where did he go?
4. What did he do on the first morning?
5. What happened while he was crossing a busy street?
6. What did he say after a few seconds?
7. What was the old man doing?
8. What did he say to Nat?

18

A. Harry and Bob were neighbours, and they worked in the same bank. They were young, and they often went out together, then the bank sent both of them to a new town. They did not know any other people there, so on the first Saturday, Bob said to Harry: "There's a dance at the Bridge Hotel this evening. Let's go there. Perhaps we'll meet some nice girls".

Bob answered, "All right", and they went to the dance together. They danced several times with the girls there, and then Harry went to Bob and pointed to one girl.

"She's a nasty one", he said angrily, "Don't talk to her".

Bob was surprised. "Why? What happened?" he asked his friend.

Harry answered, "She said to me: "Do you dance?".

Bob laughed and said: "But that isn't a nasty thing to say!".

"She said it while I was dancing with her". Harry answered angrily.

B. Harry và Bob là hàng xóm của nhau và họ cùng làm trong một ngân hàng. Họ còn trẻ và thường hay đi chơi với nhau, rồi ngân hàng chuyển cả hai người đến một thị trấn mới. Họ chẳng quen biết ai ở đó nên hôm thứ bảy đầu tiên Bob nói với Harry: "Tối nay ở khách sạn Bridge có vũ hội đấy. Chúng ta đến đó đi. Có lẽ chúng ta sẽ gặp vài cô nàng xinh đẹp".

Bob trả lời: "Được thôi", và họ cùng đi đến vũ hội. Họ nhảy đôi lần với các cô gái ở đó. Một lúc sau Harry đến chỗ Bob và chỉ một cô gái: "Cô ta thật thô tục", anh ta giận dữ nói: "Đừng nói chuyện với cô ta".

Bob ngạc nhiên: "Sao vậy? Có chuyện gì thế?".

Harry đáp: "Cô ta bảo tôi là "Anh có biết nhảy không?".

Bob cười và nói: "Nhưng nói thế thì có gì xấu xa, tôi tệ cơ chứ!".

"Cô ta nói điều đó khi tôi đang nhảy với cô ta", Harry tức giận trả lời.

C. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Harry lived near Bob. ☐
2. Harry and Bob worked together till the bank sent them to a new town. ☐
3. They worked together before and after the bank sent them to a new town. ☐

4. They went to a dance in the new town. ☐
5. Bob was angry with one of the girls at the dance because she did not dance with him. ☐
6. Bob was angry with the girl because she said "Do you dance?", while they were dancing. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. Where did Harry and Bob work?
2. Where did the bank send them?
3. What did Bob say to Harry on the first Saturday?
4. Where did they go that evening?
5. What did they do there?
6. What did Harry do and say them?
7. What did the girl say to Harry?
8. When did she say it?

C. WRITE THIS STORY, PUT ONE WORD IN EACH EMPTY PLACE. ALL THE WORDS ARE IN THE STORY.

Harry and Bob went to a... at the Bridge Hotel. Harry saw a... and thought, "She looks...". He went to her and said, "Will you...?" She smiled and said: "Yes". They danced for minutes. Then the girl said to Harry, "Do you dance?" , Harry was angry. He stopped dancing and went to Bob. He... to the girl and said..., Don't dance with that girl. She said: "Do you dance?"... we were dancing".

19

A. Mr Miller had a shop in a big town. He sold ladies' clothes and he always had two or three shopgirls to help him. They were always young, because they were cheaper than older women, but none of them worked for him for very long, because they very young, and they did not meet many boys in a women's shop.

Last month a pretty girl came to work for him. Her name was Helen, and she was very good.

After a few days Mr Miller saw a young man come into the shop. He went straight to Helen, spoke to her for a few minutes and then went out of the shop again.

Mr Miller was rather surprised, and when the young man left, he went to Helen and said: "That young man didn't buy anything. What did he want to see?"

Helen answered, "Me, at half past five".

B. Ông Miller có một cửa hiệu ở một thị trấn lớn. Ông bán quần áo phụ nữ và bao giờ cũng có hai hay ba cô bán hàng giúp ông. Các cô rất trẻ vì thuê các cô rẻ hơn thuê các bà đứng tuổi. Nhưng chẳng có ai trong số các cô làm việc cho ông được lâu vì họ còn trẻ mà lại không gặp con trai trong cửa hiệu dành cho phụ nữ.

Tháng trước có một cô gái xinh đẹp đến làm việc

B. Ông Miller có một cửa hiệu ở một thị trấn lớn. Ông bán quần áo phụ nữ và bao giờ cũng có hai hay ba cô bán hàng giúp ông. Các cô rất trẻ vì thuê các cô rẻ hơn thuê các bà đứng tuổi. Nhưng chẳng có ai trong số các cô làm việc cho ông được lâu vì họ còn trẻ mà lại không gặp con trai trong cửa hiệu dành cho phụ nữ.

Tháng trước có một cô gái xinh đẹp đến làm việc cho ông. Tên cô là Helen. Cô rất tốt.

Vài ngày sau ông Miller thấy một thanh niên đi vào cửa hiệu. Anh ta đi đến thẳng chỗ Helen nói chuyện với cô vài phút rồi lại đi ra.

Ông Miller lấy làm ngạc nhiên và khi anh thanh niên đi khỏi ông tới chỗ Helen và nói: "Anh thanh niên kia chẳng mua gì cả. Anh ta muốn xem gì vậy?".

Helen trả lời: "Muốn gặp tôi, lúc 5 giờ 30".

C. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

- | | |
|--|--------------------------|
| 1. Mr Miller's shop was in a big town. | <input type="checkbox"/> |
| 2. He had a lot of girls to help him. | <input type="checkbox"/> |
| 3. The girls did not stay long. | <input type="checkbox"/> |
| 4. Not many men came to the shop. | <input type="checkbox"/> |
| 5. Helen was very good. | <input type="checkbox"/> |
| 6. The young man came to buy a dress. | <input type="checkbox"/> |

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. What did Mr Miller's shop sell?
2. Who worked there with him?

3. Why did he have young shopgirls?
4. Why did none of them stay very long?
5. Who began to work in the shop last month?
6. What did the young man do when he came into the shop?
7. What did Mr Miller ask Helen then?
8. What did Helen answer?

C. WRITE THESE SENTENCES, CHOOSE THE CORRECT WORDS

1. Helen came	to work	for Mr Miller
	work	
	working	

2. She enjoyed	to work	in the shop
	work	
	working	

3. Mr Miller let her	to work	alone after a few days.
	work	
	working	

4. A young man came into the shop, and Helen said to him:

"What can I	do	for you, sir?"
	doing	
	to do	

5. The young man wanted	see	Helen at half past five.
	seeing	
	to see	

20

A. When Jimmy was a boy, he always liked watches and clocks very much. When he was eighteen years old, he went into the army, and after a year, he began to teach himself to mend watches. A lot of his friends brought him broken watches, and he mended them for them.

Then his captain heard about this, and one day he brought him a watch too and said: "My watch has stopped. Can you mend it for me, please?"

Jimmy said, "Yes, sir, I can". After a few days, he brought the watch back to the captain.

"How much do I owe you?" the officer asked.

"One pound, sir" Jimmy answered. Then he took a small box out of his pocket and gave it to the captain, saying: "Here are three wheels from your watch. I didn't find a place for them when I put everything back".

B. Lúc còn bé Jimmy rất thích các loại đồng hồ. Khi 18 tuổi cậu nhập ngũ và sau một năm cậu bắt đầu tự học sửa đồng hồ. Rất nhiều bạn bè đem đồng hồ hỏng đến và anh sửa cho họ.

Viên đại úy biết chuyện này. Một hôm ông ta cũng mang một chiếc đồng hồ đến chỗ anh và nói: "Đồng hồ của tôi không chạy. Cậu có thể sửa nó cho tôi được chứ?".

Jimmy nói: "Vâng, thưa ngài tôi sửa được". Vài ngày sau anh ta mang trả lại viên đại úy chiếc đồng hồ.

"Tôi phải trả cậu bao nhiêu nhỉ", viên đại úy hỏi.

"Một bảng, thưa ngài", Jimmy trả lời. Đoạn anh móc túi lấy ra một chiếc hộp nhỏ, đưa cho viên đại úy và nói: "Đây, ba chiếc bánh xe ở đồng hồ của ngài. Khi tôi lắp lại các bộ phận thì chúng chẳng còn chỗ nữa".

C. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Jimmy learnt to mend watches from a teacher. ☐
2. He mended watches for an officer. ☐
3. Officers did not bring him watches. ☐
4. He mended a watch for an officer. ☐
5. He wanted the captain to pay him £1. ☐
6. He mended the captain's watch very well. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. What was Jimmy's hobby when he was a boy?
2. What did he do when he was nineteen?
3. What did he do for his friends?
4. Who brought him a watch then?
5. What happened after a few days?
6. What did the officer ask?
7. What did Jimmy answer?
8. What did he do and say then?

A. When Alan was young, he played a lot of football, and he was very good at it, but then he went and worked in a town, and there was no team for him there, so he stopped playing.

Then he began to get rather fat, so he thought, "I've stopped playing football, and now I'm getting fat. What am I going to do? He thought about it for a few days, and then he said to himself, "I know I'll play tennis".

He had a few lessons, and then played for a few months.

He met a nice girl at the tennis club one day, and they played a game of tennis against another young man and woman. Alan played very badly and was very angry with himself, "I've never played as badly as this before". he said to the girl.

"Oh", she said, "You have played before, have you?"

B. Khi còn trẻ Alan rất hay chơi bóng đá và anh đá rất giỏi. Sau đó anh đến làm việc ở một thị trấn và ở đó chẳng có đội bóng nào cả nên anh ngừng chơi.

Sau một thời gian anh bắt đầu béo ra, vì vậy anh nghĩ: "Mình đã thôi đá bóng và giờ thì đang béo ra đây. Mình phải làm gì bây giờ?".

Anh nghĩ vài ngày rồi tự nhủ: "Mình biết rồi. Mình sẽ chơi quần vợt".

Anh học vài bài rồi chơi trong mấy tháng.

Một hôm anh gặp một cô gái đẹp chơi ở câu lạc bộ quần vợt và họ chơi một ván với một đôi nam nữ thanh niên khác. Alan chơi rất tồi và rất bực với chính mình.

"Trước đây tôi chưa hề chơi tồi như thế này bao giờ", anh nói với cô gái.

"Ồ", cô gái nói, "Thế anh đã từng chơi rồi cơ à?"

C. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Alan was good at football. ☐
2. He stopped playing football because he was lazy. ☐
3. He learnt to play tennis. ☐
4. One day Alan played tennis with three other people. ☐
5. He played very badly. ☐
6. The girl said: "You have played before, haven't you?". ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. What did Alan play when he was young?
2. Why did he stop playing?
3. What happened to him then?
4. What did he think?
5. What did he say to himself a few days later?
6. What did he do about it?
7. What happened then?
8. Why was Alan angry with himself?

22

A. Bruce was an Australian and worked for a newspaper in Sydney. Then he thought, "I want to see Europe, so I'll go to England and work for a newspaper there for a few years".

He flew to London and soon got work, because he was good at his job.

He lived in a small but comfortable house near London, and he had a small garden. He enjoyed working in it on Saturdays and Sundays. He had nice neighbours on both sides, and they often worked in their gardens on Saturdays and Sundays too, and then they talked and joked together.

One day he was digging a hole in his garden to plant a bush when one of these neighbours came to the fence between the two gardens and looked at Bruce's work. He laughed and said: "Are you making a swimmingpool?"

"Oh, no", answered Bruce, "I'm going home".

B. Bruce là người Úc làm việc cho một tờ báo ở Sydney. Anh nghĩ: "Ta muốn đi thăm châu Âu. Ta sẽ đi Anh và làm việc cho một tờ báo ở đó vài năm".

Anh bay đến London và nhanh chóng kiếm được việc làm bởi vì anh rất thạo việc.

Anh sống trong một căn nhà nhỏ nhưng thoải mái ở gần London và anh có một mảnh vườn nhỏ. Anh rất thích làm vườn vào ngày thứ bảy và chủ nhật. Anh có những người hàng xóm tốt bụng ở hai bên cạnh nhà và họ cũng thường làm vườn vào ngày thứ bảy và chủ nhật. Họ cùng trò chuyện và trêu chọc nhau.

Một hôm anh đang đào hố ở trong vườn để trồng một bụi cây thì một người hàng xóm đến bên hàng rào giữa hai mảnh vườn và xem Bruce làm việc. Anh ta cười và nói: "Cậu đang đào bể bơi đấy à?".

Bruce trả lời: "Ồ, không, tôi đang về quê đây!".

C. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Bruce worked for a newspaper. ☐
2. Bruce was good at his job. ☐
3. Bruce worked in his garden on Saturdays and Sundays. ☐
4. Bruce did not like his neighbours. ☐
5. His neighbours thought, "Bruce is making a swimmingpool". ☐

6. Bruce wanted to go back to Australia.



B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. What was Bruce?

2. Why did he go to England?

3. Where did he live?

4. What were his neighbours like?

5. What did they often do on Saturdays and Sundays?

6. What was he doing in his garden one day?

7. What did one of his neighbours say to Bruce?

8. And what did Bruce answer?

23

A. Dick lived in Oxford, and he had a new girl friend. Her name was Daisy, and Dick liked her very much. One Sunday they went for a picnic in the country, and when they were walking to a nice place near a river, they saw a cow and its calf.

"Look, Daisy", Dick said, "that cow's giving its calf a kiss. Isn't that nice?".

Daisy stopped and looked. Then she smiled and said: "Yes, it is, Dick. It's very pretty".

"Doesn't it make you want to have a kiss too, Daisy?", Dick said then, looking at her.

Daisy thought for a few seconds and then she said: "No, it doesn't really, Dick. Does it make you want to have one?".

"Yes, it does, Daisy", Dick answered, holding her hand.

"All right, then go and get a kiss", Daisy answered, "and I'll wait here. It looks like a nice, quiet cow".

B. Dick sống ở Oxford và anh có một cô bạn mới. Cô tên là Daisy và Dick rất thích cô. Vào một ngày chủ nhật họ cùng nhau đi chơi ở vùng quê. Khi đến một chỗ rất đẹp gần sông họ nhìn thấy một con bò cái và con của nó.

"Nhìn này, Daisy", Dick nói, "Bò mẹ đang hôn bò con. Thế có hay không kìa".

Daisy đứng lại nhìn. Đoạn cô mỉm cười và nói: "Ừ, hay thật đấy, Dick ạ. Thật là tuyệt".

"Thế cảnh đó có khiến cho em muốn được hôn không?", Dick nhìn cô rồi nói.

Daisy nghĩ ngợi vài phút rồi nói: "Không, thực sự là không, Dick ạ. Thế cảnh đó có khiến anh muốn được hôn không?".

"Có chứ, Daisy". Dick nắm tay cô trả lời.

"Được thôi, thế thì ra bảo nó hôn anh đi". Daisy trả lời, "Và em sẽ đợi ở đây. Con bò cái trông có vẻ đẹp và lành đấy".

C. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

- | | |
|--|--------------------------|
| 1. Daisy was Dick's girl-friend. | <input type="checkbox"/> |
| 2. Dick liked her a little. | <input type="checkbox"/> |
| 3. They saw a cow and its calf near the sea. | <input type="checkbox"/> |
| 4. They saw two cows near a river. | <input type="checkbox"/> |
| 5. Dick wanted to kiss the cow. | <input type="checkbox"/> |
| 6. Dick wanted to kiss Daisy. | <input type="checkbox"/> |

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. Where did Dick and Daisy go one Sunday?
2. What did they see?
3. What did Dick say?
4. And what did Daisy answer?
5. What did Dick ask her then?
6. And what did Dick answer?
7. What did Dick say?
8. What did Daisy answer?

C. WRITE THESE SENTENCES, CHOOSE THE CORRECT WORDS IN EACH.

1. Daisy is a

prettily
pretty

 girl. She looks

prettily
pretty

 and dresses

prettily
pretty

2. The cow gave its

nice
nicely

 calf a

kiss
calf

. She kissed her

nice
nicely

 Does her calf smell

nice?
nicely?

 Yes, it does.

3. It is a

quiet
quietly

 cow. It

quiet
quietly

 walks

quiet
quietly

 and always

quiet
quietly

 seems

quiet
quietly

4. Whom did Dick

real
really

 want to kiss? Did the cow

real
really

 give her calf

real
really

 a kiss?

24

A. Joe and Fred were helping to build a house in a village. The weather was very warm, there was a lot of dust everywhere, and by half past twelve, they were very thirsty, so they stopped working to have their lunch. They found the nearest small bar, went in and sat down with their sandwiches.

"Good afternoon, gentlemen. What can I get you?" The man behind the bar asked.

Joe looked at Fred and said: "Beer, I think. Yes, a pint of beer each. Is that all right for you, Fred?"

"Yes, that's all right" Fred said. Then he turned to the man behind the bar and said, "And I want it in a clean glass! Don't forget that".

The man behind the bar filled the glasses and brought them to Joe and Fred. Then he said: "Which of you asked for the clean glass?"

B. Joe và Fred đang giúp xây dựng một ngôi nhà ở trong làng. Thời tiết ấm, khắp nơi đâu cũng bụi bặm. Vào lúc 12 giờ 30 họ rất khát nước nên nghỉ tay để ăn trưa. Họ tìm một quán nhỏ gần nhất, bước vào ngồi xuống ăn bánh kẹp.

"Chào các ông. Các ông cần gì ạ?", người đàn ông ở sau quầy hỏi.

Joe nhìn Fred và nói: "Bia nhé! Vâng, mỗi người nửa lít bia. Cậu thấy đủ không, Fred?"

"Ừ, được rồi". Fred nói. Đoạn anh quay về phía người đàn ông sau quầy rượu và nói: "Rót bia vào cốc sạch. Đừng quên nhé!".

Người đàn ông sau quầy rượu rót đầy cốc và mang đến cho Joe và Fred. Đoạn ông trả lời: "Anh nào yêu cầu cốc sạch đấy nhỉ?".

C. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Joe and Fred were working in the morning. ☐
2. The weather was warm. ☐
3. They had sandwiches for lunch. ☐
4. They had two pints of beer each. ☐
5. Joe asked for a clean glass. ☐
6. The man brought beer in two clean glasses. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. What were Joe and Fred doing in the village?
2. Why were they very thirsty by half past twelve?
3. What did they do at lunch time?
4. What did the man behind the bar say to them?
5. What did Joe answer?
6. What did Fred say to Joe?
7. And what did he say to the man behind the bar?
8. What did the man say when he brought Joe and Fred their beer?

25

A. Mr Johnson was a rich old man. He lived in a beautiful house in the country with lots of servants, but his wife was dead, and he did not have any children.

Then he died suddenly, and people said: "His servants killed him, because they wanted his money".

But the servants said, "No, he killed himself".

The police came and asked the servants a lot of questions, and after a few weeks, there was a big trial. There were two famous lawyers and several important witnesses.

"Tell me", one of the lawyers said to a witness one day, "Did Mr Johnson often talk to himself when he was alone?".

"I don't know" the witness answered at once.

"You don't know?" the lawyer repeated angrily. "You don't know? But you were his best friend, weren't you? Why don't you know?".

"Because I was never with him when he was alone", the witness answered.

B. Ông Johnson là một ông lão giàu có. Ông sống trong một ngôi nhà đẹp ở vùng quê với rất nhiều người hầu. Vợ ông đã chết và ông chẳng có con cái gì cả.

Rồi đột nhiên ông bị chết. Người ta nói: "Những người hầu đã giết ông ta vì chúng muốn lấy tiền của ông ấy".

Nhưng những người hầu nói: "Không, ông ta tự tử đấy chứ".

Cảnh sát đến và hỏi họ rất nhiều. Vài tuần sau một phiên toà lớn được mở ra. Có hai luật sư nổi tiếng và một số nhân chứng quan trọng.

Một hôm, một luật sư hỏi một nhân chứng: "Hãy cho tôi biết, ông Johnson có hay tự nói chuyện khi ngồi một mình không?".

"Tôi không biết", nhân chứng trả lời ngay lập tức.

"Anh mà không biết à?" Luật sư giận dữ nhắc lại: "Anh mà không biết à? Anh là người thân nhất của ông ta cơ mà? Tại sao anh lại bảo là không biết". Nhân chứng trả lời: "Bởi vì tôi chẳng bao giờ ở gần ông ta khi ông ta ngồi một mình".

C. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Mr Johnson was a rich young man. ☐
2. He lived in a beautiful house with lots of servants. ☐
3. His wife was dead, and he had one child. ☐

- 4. How did Mr Johnson die? The police did not know. ☐
- 5. The witness said: "Mr Johnson often talked to himself". ☐
- 6. Mr Johnson was always alone. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

- 1. What did people say when Mr Johnson died?
- 2. What did his servants say?
- 3. What did the police do?
- 4. What happened then?
- 5. What did one of the lawyers say to a witness?
- 6. What did the witness answer?
- 7. What did the lawyer say then?
- 8. And what did the witness answer?

C. WRITE THIS STORY, PUT ONE WORD IN EACH EMPTY PLACE. YOU WILL FIND ALL THE WORDS IN THE STORY.

Mr Johnson married when he was 25. His... 's name was Mary. She said: "I want to ... two boys and two girls". But then she... and Mr Johnson did not marry again, so he was never poor, but when he was... he became very... and had a lot of... They worked very well for him. Then Mr Johnson died suddenly and the question was, "Did he kill..., or did his servants kill him to get his...?" "We did not...", so there was a trial, and the lawyers tried to find the answer by asking... a lot of questions.

26

A. When Pat was twenty – one year old, he began to work in a small office in a city. At first he never travelled anywhere, but then he became a little more important, and he began to go to other cities for a few days to do some work there. Of course, he stayed in small hotels, when he was away from his home, but he did not know very much about living in hotel at first.

One evening when he was staying in a small hotel in Sheffield, he came back from the office and said to the clerk at the desk in the hotel, "Good evening. Did any letters come for me today please".

The clerk was busy, but when he finished his work, he went to a big pile of letters and said "What name, please?".

"Well", answered Pat, "the name will be on the letters".

B. Khi Pat 21 tuổi, anh bắt đầu làm việc ở một văn phòng tại một thành phố. Lúc đầu anh chẳng bao giờ đi đâu cả, nhưng rồi dần dần anh trở nên quan trọng hơn và bắt đầu đi đến các thành phố khác để giải quyết công việc. Tất nhiên anh ở trong những khách sạn nhỏ khi xa nhà. Lúc đầu anh không hiểu lắm về cách sống trong khách sạn.

Có một lần anh ở trong một khách sạn nhỏ ở Sheffield, một buổi tối anh từ cơ quan về và nói với nhân viên lễ tân ở khách sạn: "Chào ông, hôm nay tôi có thư không?".

Anh nhân viên đang bận. Khi xong việc, anh đi đến chỗ để một chồng thư và nói: "Xin cho biết tên".

Pat trả lời: "À, tên ở trên thư ấy".

C. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. At first Pat did not work in other cities, because he was not important enough. ☐
2. He stayed in hotels when he was in other cities. ☐
3. At first he knew very little about hotels. ☐
4. One day he asked his office clerk about letters. ☐
5. The clerk asked him his name. ☐
6. Pat did not tell the clerk his name. ☐

A. Mr Reece was a famer. He and his wife grew a lot of things and they had a few cows. They worked very hard. One day, Mr Reece said to his wife: "Let's go to Portsmouth next Sunday. We can have a good lunch there, and then we can go to the cinema".

His wife was very happy when she heard this, because she and her husband always ate a lot, and she did not like cooking three times a day every day.

They went to Portsmouth by train and walked about an hour. Then when it was 12 o'clock, they wanted to have a meal.

They looked at several restaurants. In one of them there was a notice outside: "Lunch: 12.30 to 2.30:1.50".

"Well, that's good", Mrs Reece said, "We can eat for two hours for £1.50 here! This is the place for us".

B. Ông Reece là nông dân. Vợ chồng ông trồng rất nhiều thứ và họ có vài con bò. Họ làm việc rất chăm chỉ. Một hôm, ông Reece nói với vợ: "Chủ nhật tới chúng ta đi Portsmouth đi. Chúng ta sẽ ăn một bữa trưa ngon lành ở đó và chúng ta sẽ đi xem phim".

Vợ ông rất sung sướng khi nghe thấy thế. Bà và chồng bà thường ăn rất nhiều, và bà không thích ngày nào cũng phải nấu ba lần.

Họ đáp tàu hỏa đi Portsmouth và đi bộ khoảng một tiếng. Vào lúc 12 giờ, họ muốn ăn. Họ xem qua vài quán ăn. Một trong các quán đó có một tấm bảng ở bên ngoài: "Bữa trưa: từ 12h30 đến 2h30: 1.50 bảng".

"A, được đấy" bà Reece nói: "Chúng ta có thể ăn trong hai tiếng ở đây mất có 1,50 bảng. Nơi này hợp với ta đấy".

C. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Mr and Mrs Reece lived in a city. ☐
2. They worked very hard. ☐
3. They always ate a lot. ☐
4. Mrs Reece enjoyed cooking every day. ☐
5. They walked about in Portsmouth for two hours. ☐
6. Mrs Reece did not often eat in restaurant. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. What work did Mr Reece do?
2. What did his wife do?
3. What did he say to his wife one day?
4. Why did this make his wife happy?
5. How did they go to Portsmouth?
6. What did they do at 12 o'clock?
7. What did they see on the notice outside one restaurant?
8. What did Mrs Reece say then?

28

Harry Marsh was a driving examiner who had to test people who wanted to get a driving - licence. One day he came out of his office as usual and saw a car at the side of the road, with a young man in it. He got into the car beside the driver and told him to check the lights, then the brakes, and then all the other usual things. The driver performed everything promptly and faultlessly, without saying a word.

Then Harry told the driver to start his engine and drive forward. Then he told him to turn right into a side road, stop, go backwards into another side road and then drive to the office again.

On the way, the driver said to Harry politely: "Could you tell me why we are doing all these things?" I was passing through this town and only stopped to look at my map".

B. Harry Marsh là giám khảo về lái xe. Ông kiểm tra những người muốn thi lấy bằng lái xe. Một hôm như thường lệ ông ra khỏi cơ quan và trông thấy một chiếc ô tô đỗ ngay cạnh đường, với một chàng thanh niên ngồi trong.

Ông bước vào xe ngồi cạnh người lái xe và bảo anh ta thử đèn, rồi thử phanh và nhiều thứ khác. Người lái xe làm mọi thứ chính xác, không bị lỗi và cũng không nói lời nào. Sau đó Harry bảo anh ta nổ máy và lái đi thẳng, rồi rẽ vào phố ngang, rồi dừng lại rồi lùi vào một phố ngang khác và sau đó lái về cơ quan.

Trên đường về người lái xe hỏi Harry một cách lịch sự: "Xin ông cho biết tại sao chúng ta lại phải làm tất cả những điều này? Tôi là khách đi qua thành phố này. Tôi chỉ dừng lại để xem bản đồ thôi mà".

C. CHÚ THÍCH

1) Thời quá khứ tiến hành (past continuous tense)

Thời này dùng để chỉ một hành động đang xảy ra tại một thời điểm trong quá khứ.

Ví dụ:

I was passing through this town yesterday.

2) Stop doing something - ngừng làm một việc gì.

Ví dụ: He stopped talking.

Nhưng: Stop to do something: dừng việc khác để làm việc này.

Ví dụ: I stopped to talk.

D. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. People who wanted a driving – licence had to have a test first. ☐
2. If a driver could check all the things like lights and brakes. Harry passed him. ☐
3. The young man had a lot of faults in his performance. ☐
4. Harry gave the young man a driving test by mistake. ☐
5. Harry asked the young man to drive him to his office because he was late. ☐
6. The young man had not really come to have a driving test. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. What was Harry's job?
2. What did he see outside his office one day?
3. What did he do?
4. What did he tell the young man to do?
5. What did the young man do?
6. What did Harry tell him to do after that?
7. What did the young man ask him after he had finished?
8. Why had his car been parked outside Harry's office.

29

A. George was a newspaper reporter who worked for a small local newspaper in a country town.

Nothing much ever happened there.

One day George's boss sent for him.

"George", he said, "James Bright is making a speech at the Town Hall tonight. I want you to go and report on it for us".

"James Bright?", said George, "He's a terrible old fool. He never says anything worth reporting".

"Brights is our best - known local politician", said the boss, "We'll have to print a report on that speech".

So George went to the meeting and Bright spoke for two hours without stopping. When George got back to the office at last, his boss was waiting for him.

"Well, George", he said, "What did the old man say?".

"Absolutely nothing", said George.

The boss wasn't surprised. "All right, George", he said, "You'd better not write more than two and a half columns on it".

B. George là một nhà báo, làm việc cho một tờ báo địa phương nhỏ ở một vùng quê. Ở đó rất ít khi có chuyện gì đặc biệt.

Một hôm ông chủ cho gọi George.

Ông ta nói: "Anh George, James Bright sẽ nói chuyện ở Thị sảnh đêm nay. Tôi muốn anh đến đó rồi về báo cáo lại."

George nói: "James Bright ư? Đó là một lão già ngu ngốc khủng khiếp. Chẳng bao giờ lão nói được điều gì đáng phải nhắc lại"

"Brights là chính trị gia địa phương nổi tiếng nhất của chúng ta đây, chúng ta sẽ phải đăng nội dung bài nói chuyện của ông ta."

George đến cuộc nói chuyện đó và Bright nói liên hai tiếng đồng hồ không nghỉ. Khi George trở về tòa soạn ông chủ đã đang đợi ở đó. Ông hỏi: "Ồ, George. Ông ta nói về vấn đề gì vậy?"

George trả lời "Hoàn toàn chẳng có gì cả".

Ông chủ không tỏ vẻ ngạc nhiên gì cả. "Thôi được, George. Anh không nên viết quá hai cột rưỡi về chuyện ấy đâu nhé".

C. CHÚ THÍCH

1. Work for somebody: Làm việc cho ai.
2. Thời hiện tại đang tiến hành có thể dùng để chỉ tương lai gần. He is making a speech tonight.

D. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. George was a journalist.



- 2. James Bright was a reporter too. ☐
- 3. George did not have a high opinion of James Bright. ☐
- 4. James Bright spoke for a long time. ☐
- 5. George's boss told him to write quite a lot about his speech. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

- 1. What did George's boss ask him to do one day?
- 2. What did George answer?
- 3. And what did his boss say then?
- 4. What happened at the meeting?
- 5. What did George's boss ask him when he came back?
- 6. What did George answer?
- 7. How did his boss feel about this?
- 8. And what did he tell George to do?

C. PUT ONE WORD IN EACH SPACE; ALL THE CORRECT WORDS IN THE STORY ON PAGE 81.

It is difficult to imagine how some people manage to get elected to represent us. Many a... is much less clever than he pretends; in fact, he may be a complete... Of course our national representatives tend to be better than our... ones, but these at least usually know our problems. However, it must often be very annoying for a... who is working for a small newspaper to be sent by his... to... on a... made by someone whom he considers not... listening to. But newspapers have to fill their... with something every day, so they often... things which are really very boring.

30

A. Many years ago an English lady in Africa was invited by an important local chief to be the first person to use his new bath – the first one in that part of Africa.

The lady went into the bath – house, turned on the taps and got into the nice, warm water. But when she looked up, she was frightened to see an eye watching outside. She saw an old man and a donkey there. He was carrying a petrol of hot water in one hand, and one of cold water in the other, and in front of him were two funnels.

"Why were you watching me in my bath", the lady asked him angrily.

The man answered politely, "I have to see which tap you turn on, madam, or I don't know whether to pour in hot or cold water".

B. Cách đây nhiều năm một tiểu thư Anh sống ở châu Phi được một ông chủ lớn ở địa phương mời đến dùng khai mạc cái buồng tắm của ông ta - buồng tắm đầu tiên trong vùng đó.

Tiểu thư bước vào buồng tắm, mở vòi nước và tắm mình trong dòng nước ấm áp. Nhưng khi ngẩng đầu lên cô ta hoảng sợ vì trông thấy một con mắt nhìn cô qua một cái lỗ. Cô nhảy ra, mặc quần áo và chạy ra ngoài. Cô ta trông thấy một ông già và một con lừa. Ông ta một tay xách can đựng nước nóng, còn tay kia là can đựng nước lạnh. Trước mặt ông là hai cái phễu.

Tiểu thư tức giận nói: "Tại sao lão lại nhìn tôi tắm?"

Ông già trả lời lịch sự: "Tôi phải nhìn xem cô mở vòi nước nào, thưa cô, nếu không tôi không biết phải rót nước nóng hay nước lạnh vào".

C. CHÚ THÍCH

Passive voice (thụ động cách) be + quá khứ phân từ của động từ chính.

Ví dụ: She was invited

She was frightened

D. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. The English lady had never been in a real bath in that part of Africa before. ☐
2. The water came out of the taps as usual. ☐
3. The lady was afraid when she saw an animal in a hole in the bathroom. ☐
4. She ran out and saw a man carrying petrol to heat water. ☐

5. The old man was looking at the lady because he did not often see white women. ☐
6. The bath did not have running hot and cold water unless the old man was there. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. What was the English lady invited to do?
2. What did she do?
3. What gave her fright?
4. What did she do about it?
5. What did she see when she went out?
6. What was he doing?
7. What did the lady ask him?
8. And what did he answer?

C. OPPOSITES: PUT A WORD BEGINNING WITH IM, IN, IR, OR UN, OR A WORD ENDING IN LESS, IN EACH SPACE.

1. The English lady was not a patient woman: she was an... one.
2. She was not fair to the old man: she was... to him.
3. If he did not look through the hole, he would not be able to see which tap the lady was turning he would be... to see it.
4. When she thought about it, she realized that she had not been very just to him: in fact, she had been very...
5. She had not given him justice she had done him an...
6. There was no running water, so it was not useful to connect the taps to pipes: it was... to do so.
7. It was not possible to get running water in that place: it was quite... to do this.
8. The lady had baths at regular times every day: she never had a bath at an... time.

A. Mr Edwards and Mr Wilson were friends. They were sitting in a train when another man came in.

There was going to be an election soon, and Mr Edwards and Mr Wilson began talking about politics. Mr Edwards supported the Labour Party strongly.

Suddenly the third man began to argue with Mr Edwards. He supported the Conservatives.

They argued for a long time. and then Mr Edwards said: "Well, I can't make you change your mind, and you can't make me change mine, so let's have an agreement: I won't vote for the Labour Party, and you won't vote for the Conservative party. Then we'll be able to stay at home comfortably, and nobody will lose anything", the other man agreed.

They all got out the same station, and Mr Edwards drove Mr Wilson home in his car.

"That's the fifteenth person I've made that agreement with" he said to him.

B. Ông Edwards và ông Wilson là bạn. Họ đang ngồi trên tàu thì thấy một người đàn ông vào. Sắp tới sẽ có cuộc bầu cử. Ông Edwards và ông Wilson bắt đầu nói chuyện chính trị.

Ông Edwards ủng hộ mạnh mẽ Công Đảng. Bỗng nhiên người thứ ba bắt đầu tranh luận với ông Edwards. Ông ta ủng hộ Đảng Bảo Thủ.

Họ tranh luận một lúc lâu, sau đó ông Edwards nói: "... Tôi không thể làm ông thay đổi ý kiến được và ông cũng không thể làm tôi thay đổi ý kiến của mình, vậy chúng ta hãy thống nhất với nhau: Tôi sẽ không bầu cho Công Đảng, còn ông cũng sẽ không bầu cho Đảng Bảo thủ. Như vậy chúng ta sẽ nghỉ ngơi ở nhà thoải mái và chẳng ai mất gì. Người kia đồng ý.

Mấy người xuống cùng một ga và ông Edwards đưa ông Wilson về nhà.

Ông nói: "Đây là người thứ 15 tôi đã thỏa thuận được điều đó".

C. CHÚ THÍCH

Hãy chú ý nhớ thuộc lòng những nhóm từ sau:

- 1) To argue with somebody: tranh luận với ai.
- 2) To change one's mind: thay đổi ý kiến.
- 3) To vote for somebody: bầu cho ai

D. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Mr Edwards was for the Labour Party. ☐
2. The third man was on Mr Edwards side. ☐
3. Mr Edwards and the third man disagreed about politics. ☐
4. Each agreed to vote for his own party. ☐
5. They agreed not to vote at all. ☐
6. The agreement helped the Labour party. ☐

B. HÃY ĐẶT CÂU VỚI CÁC NHÓM TỪ SAU

- 1) He/argue with/father//
- 2) His words/change my mind//
- 3) There's/election/to choose/a new
Dean//vote/for/mir...//

A. Some people were queuing outside the Scala Theatre for tickets for a very popular show. They had to wait for several hours, and during that time they were entertained by a young man who was playing very nicely on a trumpet. The queue enjoyed his music and put quite a lot of money in the box that he had on the ground in front of him.

At last one of the people in the queue said to him: "You play too well to be a beggar".

"I'm not a beggar", the young man said, "I'm studying to be a trumpet player in a big band, and I have to practise several hours every day, so I thought it would be nice to do it in the fresh air instead of in my small room on days when the weather was nice - and also to get a bit of money at the same time".

B. Một vài người đang xếp hàng mua vé bên ngoài nhà hát Scala. Họ phải chờ vài tiếng đồng hồ rồi. Trong lúc chờ đợi họ được thưởng thức những bài kèn trom-pét rất hay do một thanh niên chơi. Những người xếp hàng rất thích các bản nhạc anh ta chơi và cho rất nhiều tiền vào chiếc hộp đặt dưới đất trước mặt anh ta.

Cuối cùng một người xếp hàng hỏi: "Anh chơi tốt quá. Chắc anh không phải là loại ăn xin".

Anh thanh niên trả lời: "Không, tôi không phải là hành khất. Tôi đang học để trở thành nhạc công chơi trom-pét cho một dàn nhạc lớn. Ngày nào tôi cũng phải tập thổi vài ba tiếng đồng hồ. Vì thế tôi thấy vào những ngày đẹp trời thì nên tập ở ngoài trời còn hơn là chơi trong căn buồng nhỏ bé của tôi - đồng thời lại kiếm thêm được ít tiền nữa".

C. CHÚ THÍCH

It *would* be nice to do it in the fresh air: động từ trợ *would* ở đây không những là chỉ thời tương lai trong quá khứ mà còn diễn đạt sự mong muốn, ý muốn.

C. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Part of the show at the Scala Theatre was a popular entertainment by a young man who played the trumpet.



2. The young musician got quite a lot of money
from the people in the queue. ☐
3. He played better than the usual beggars. ☐
4. He played the trumpet in the band at the Scala
Theatre. ☐
5. He played in his small room in good weather
with his windows open to get fresh air. ☐
6. When the weather was nice, he used to go to the
bank to get a bit of money. ☐

A. Mr Richards worked in a shop which sold, cleaned and repaired hearing - aids. One day an old gentleman entered and put one down in front of him without saying a word.

"What's the matter with it?", Mr Richards said. The man did not answer. Of course Mr Richards thought that the man must be deaf and that his hearing-aid must be faulty, so he said again, more loudly, "What's wrong with your hearing-aid, sir?". Again the man said nothing, so Mr Richards shouted his question again as loudly as he could.

The man then took a pen and a piece of paper and wrote: "It isn't necessary to shout when you're speaking to me. My ears are as good as yours. This hearing-aid is my wife's, not mine. I've just had a throat operation, and my problem is not that I can't hear, but that I can't speak".

B. Ông Richards làm việc ở cửa hàng chuyên bán, lau chùi và sửa chữa những thiết bị trợ thính.

Một hôm có một ông già đi vào cửa hàng đặt một cái máy nghe xuống trước mặt ông không hề nói một lời nào.

Ông Richards hỏi: "Thưa ông có chuyện gì thế?". Người đàn ông không trả lời gì cả. Tất nhiên ông Richards cho rằng người đó bị điếc và cái máy nghe bị hỏng cho nên ông hỏi lại, giọng to hơn: "Thưa ngài, cái máy nghe của ngài hỏng ra sao ạ?". Ông già cũng chẳng nói gì và ông Richards lại hỏi lại, lần này ông hét thật to.

Lúc đó ông già mới cầm bút viết lên tờ giấy: "Ông không cần phải hét lên như thế khi nói chuyện với tôi. Tai tôi cũng thính như tai ông ấy. Cái máy nghe này là của vợ tôi chứ không phải của tôi. Tôi vừa bị mổ cổ họng cho nên cái khó khăn của tôi không phải là không nghe được mà là không nói được".

C. CHÚ THÍCH

1) Động từ ở dạng "past participle" có thể dùng làm tính từ. nó không chỉ tính chất mà nó chỉ một hành động đã được làm (thụ động).

Ví dụ:

cleaned and repaired hearing - aid

nghĩa là cái máy nghe đã được lau sạch
 đã được sửa chữa.

D. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. An old gentleman brought a hearing - aid into the shop where Mr Richards worked. ☐
2. The man did not answer Mr Richards's question because he was deaf. ☐
3. Mr Richards wrote his question down because the old gentleman could not hear him. ☐
4. The old gentleman answer Mr Richards's question writing. ☐
5. The hearing - aid was the old gentleman's. ☐
6. The old gentleman couldn't speak. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. What did an old gentleman bring Mr Richards one day?
2. What did Mr Richards ask him?
3. And what did the old man say in reply?
4. What did Mr Richards think then?
5. What did he do?
6. How did the old man make Mr Richards understand what he wanted?
7. Was the old man deaf?
8. Why had he not spoken to Mr Richards?

C. PUT WORDS WHICH END IN EN IN THE SPACES,
WHENEVER THIS IS NECESSARY.

When people repair things in shops, they sometimes:

1. Make them flat, which means that they... them;
2. Make them smooth, which means that they...
them down;
3. Make them stronger, which means that they... them;
4. Make them thinner, which means that they...
them down;
5. Make them longer, which means that they... them down;
6. Make them shorter, which means that they... them;
7. Make them narrower, which means that they... them
down;
8. Make them sharp, which means that they... them;
9. Make them straight, which means that they... them.

34

A. Mrs Grey was old and deaf, and she was in court, accusing a neighbour of allowing his dogs to come into her garden, damage her vegetables and run after her cat and her chickens.

After hearing both sides, the judge thought that it would be best and cheapest for everybody if Mrs Grey and her neighbour could come to some sort of arrangement to settle the matter between themselves, so he asked the lawyer who was representing Mrs Grey to find out how much money she wanted from her neighbour in order to stop the action against him.

Her lawyer explained to her what was happening, but Mrs Grey could not hear what he said, so he repeated loudly: "The judge wants to know what you will take".

"Oh, thank you very much", Mrs Grey answered politely, "Please tell him that I'll have a glass of beer".

B. Bà Grey vừa già vừa điếc. Một hôm bà ra tòa buộc tội người láng giềng đã để chó anh ta vào vườn của bà phá hoại rau quả, đuổi mèo bắt gà.

Sau khi nghe cả hai bên trình bày, quan tòa nghĩ rằng tốt nhất và rẻ tiền nhất cho mọi người là làm cách nào đó để bà Grey và người láng giềng tự thỏa thuận cách giải quyết. Ông bảo luật sư đại diện cho bà Grey hỏi xem bà yêu cầu đền bào nhiêu tiền thì sẽ thôi không kiện nữa.

Vị luật sư giải thích cho bà hiểu nhưng bà Grey không nghe thấy gì, ông ta bèn nói to hơn: "Chánh án muốn biết bà sẽ lấy gì?"

Bà Grey trả lời rất lịch sự: "Ồi! xin cảm ơn. Nói hộ với ông ấy là cho tôi một cốc bia".

C. CHÚ THÍCH

Mệnh đề điều kiện:

If they *could* do it, it would be the best.

D. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Mrs Grey's dogs had run after a neighbour's chickens. ☐
2. The judge was afraid that Mrs Grey and her neighbour might settle the matter between themselves. ☐

- 3. Mrs Grey's lawyer asked her how much money she wanted. ☐
- 4. Mrs Grey did not understand him, because she was deaf. ☐
- 5. She thought the judge had offered her a drink. ☐
- 6. The judge had really asked her what she would like to drink. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

- 1. Why had Mrs Grey come to court?
- 2. What did the judge decide?
- 3. What did he do as a result?
- 4. What did Mrs Grey's lawyer do then?
- 5. What happened to Mrs Grey?
- 6. And what did the lawyer do?
- 7. What was Mrs Grey's answer?
- 8. What mistake had she made?

35

A. A man who bored with living in London and desired to move to the country was looking for a house from which he could get to his office in the city easily every day. One day he saw an advertisement for a suitable house in Hampshire which was claimed to be within a stone's throw of a railway station from which there were frequent trains to London.

He telephoned the house agency and arranged to go down by train the next day and have a look at the house.

The house agent met him at the station and they drove to the house, which was at least a kilometre from the station.

The men who had come to see the house turned to the house agent when they reached it and objected, "I should be very interested to meet the man who threw that stone you mentioned in your advertisement!".

B. Một người chán cảnh sống ở London muốn chuyển về sống ở một vùng quê. Ông ta đang đi tìm một ngôi nhà mà từ đó có thể đi làm dễ dàng được. Một hôm ông trông thấy một tờ quảng cáo cho một ngôi nhà thích hợp với ông ở Hampshire. Người ta nói là ngôi nhà đó chỉ cách nhà ga có một tầm ném đá, mà ở ga đó thường xuyên có tàu đi London.

Ông gọi điện thoại cho đại lý nhà đất và chuẩn bị hôm sau sẽ đi tàu xuống đó xem nhà.

Đại lý nhà đất đón ông ở ga và họ cùng đi ô tô về ngôi nhà đó, cách ga ít nhất là một cây số.

Khi đến nơi, những người đến xem nhà đều quay lại chỗ đại lý nhà đất từ chối với lý do: "Tôi rất muốn gặp người đã ném hòn đá mà các ông nói đến trong mục quảng cáo".

C. CHÚ THÍCH

Đại từ quan hệ *which* khi mang chức năng bổ ngữ có thể để ẩn được.

Ví dụ: I'll buy the house (which) my wife likes.

Ví dụ: He likes a house from *which* he could get to his office easily.

D. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. The man in this story wanted to live in the country, but work in London. ☐
2. He wanted to live near a station. ☐
3. He saw an advertisement for a house near a station. ☐
4. He saw an advertisement for a house near his office. ☐

5. He went from London to Hampshire with the house agent. ☐
6. The house was not really only a stone's throw from the station. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. Why did the man in this story want to leave London?
2. Where did he want his new house to be?
3. What did the advertisement for the house in Hampshire claim?
4. What did the man do when he saw the advertisement?
5. What happened when he got to station?
6. How far was the house from the station?
7. What did the man say to the house agent?
8. What had the writer of the advertisement really meant?

C. PUT ONE WORD IN EACH EMPTY SPACE: YOU WILL FIND ALL THE WORDS IN THE STORY.

When Mrs Williams's children grew up and left home, she had nothing to do. "I'm..." she said to her husband. "I want a job". Her husband suggested that she should put an... in the local newspaper, asking for work which was... for a housewife. She did this, and... a few days, she was offered an insurance... for her area. The job of the insurance... would be to visit people, or telephone them, to try to tell them insurance. Mrs Williams took the job and enjoyed it. She could do it and when she... and as part of the job she could also make... visit to London, to see the head office. She did so well that her name was often... in the insurance company's monthly magazine, and in the end, it could be... that she was the most successful part-time agent in the country.

36

A. A famous writer who was visiting Japan was invited to give a lecture at a university to a large group of students. As most of them could not understand spoken English, he had to have an interpreter.

During his lecture he told an amusing story which went on for rather a long time. At last he stopped to allow the interpreter to translate into Japanese, and was very surprised when the man did this in a few seconds, after which all students laughed loudly.

After the lecture, the writer thanked the interpreter for his good work and then said to him: "Now please tell me how you translated that long story of mine into such a short Japanese one".

"I didn't tell the story at all", the interpreter answered with a smile.

I just said: "The honourable lecturer has just told a funny story. You will all laugh, please".

B. Một nhà văn nổi tiếng đang viếng thăm Nhật Bản được mời đến giảng tại một trường đại học cho một nhóm sinh viên. Vì hầu hết sinh viên không nghe được tiếng Anh cho nên ông phải thuê phiên dịch.

Trong khi giảng ông kể một câu chuyện vui khá dài. Cuối cùng ông dừng lại để người phiên dịch dịch sang tiếng Nhật. Ông rất ngạc nhiên vì chàng phiên dịch chỉ nói có vài giây sau đó tất cả sinh viên đều cười ồ lên.

Sau buổi giảng nhà văn cảm ơn anh phiên dịch vì đã dịch rất giỏi. Sau đó ông hỏi: "Xin anh cho biết làm thế nào mà anh dịch cả một câu chuyện dài như vậy của tôi sang có một vài lời tiếng Nhật mà thôi?"

Người phiên dịch mỉm cười nói: "Tôi không hề kể lại câu chuyện mà chỉ nói là vị giáo sư đáng kính của chúng ta vừa kể một câu chuyện cười. Đề nghị tất cả các bạn cười to lên".

C. CHÚ THÍCH

1) To thank somebody for something: Cảm ơn ai về việc gì / doing something: vì đã làm hộ mình việc gì.

2) Thời present perfect có just diễn đạt một hành động vừa mới xảy ra, kết quả vẫn còn rõ ràng.

Our lecturer *has just told* a funny story.

D. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. The famous writer spoke Japanese well. ☐
2. He told the students a long funny story. ☐
3. The interpreter took rather a long time to tell the story. ☐
4. The interpreter told the students a different funny story. ☐
5. The students did not understand the lecturer's funny story at all. ☐
6. The students laughed because the interpreter told them to. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. What invitation did the writer in this story receive?
2. Why did he need an interpreter?
3. What did he do during his lecture?
4. Why did he stop after then?
5. Why was he surprised then?
6. What did the students do?
7. What did the writer ask the interpreter after his lecture?
8. And what did the interpreter answer?

C. WRITE THIS STORY, CHOOSE THE MORE
SUITABLE WORDS EACH TIME

My interpreter was not

young
youthful

 (he was actually
over 45)

but he had a

young
youthful

 face, a very black,

silk
silky

moustache and orange

silk
silky

 tie.

He interpreted in a loud,

confident
confidential

 voice, although he

had earlier confessed to me

confident
confidential
nervous.

 that he really
felt very

Although he had had little practice at interpreting,

he was more

skilful
skilled

 at translating

imaginary
imaginative

language and more

sensible
sensitive

 to its sound, than

many a far more

skilful
skilled

 interpreter. I particularly

liked his translation of a poem about an

imaginary
imaginative

island called Lealoa.

A. Mr Williams was a gardener and a very good one too. Last year he came to work for Mrs Elphinstone, who was old, fat and rich. She knew nothing about gardens, but thought that she knew a lot, and was always interfering. One day Mr Williams got angry with Mrs Elphinstone and called her an elephant. She did not like that at all, so she went to a lawyer, and a few months later Mr Williams was in court, accuse of calling Mrs Elphinstone an elephant. The magistrate found Mr Williams guilty, so Mr Williams said to him: "Does that mean that I am not allowed to call this lady an elephant any more?".

"That is quite correct", the magistrate answered.

"And am I allowed to call an elephant a lady?" the gardener asked.

"Yes, certainly" the magistrate answered.

Mr Williams looked at Mrs Elphinstone and said "Goodbye, lady".

B. Ông Williams là một người làm vườn và làm vườn rất giỏi. Năm ngoái ông làm công cho bà Elphinstone, một bà già to béo và giàu có.

Bà ta chẳng biết gì về vườn tược nhưng lại cứ cho là mình biết nhiều và luôn luôn can thiệp vào công việc. Một hôm ông Williams bực với bà quá và gọi bà là con voi. Bà rất khó chịu về điều đó cho nên đến gặp luật sư. Chỉ vài tháng sau ông Williams bị gọi ra toà, bị buộc tội gọi bà Elphinstone là con voi. Quan toà cho là ông Williams mắc tội vì thế ông Williams hỏi lại: "Thưa tòa như thế là từ nay tôi không được gọi bà này là con voi hay sao?".

"Đúng thế". Quan toà trả lời.

"Dạ thế tôi có được gọi con voi là bà không ạ?". Ông làm vườn lại hỏi.

"Tất nhiên là được". Quan toà trả lời.

Ông Williams nhìn bà Elphinstone chào "Xin tạm biệt bà".

C. CHÚ THÍCH

to find + tân ngữ (O) + tính từ

Ví dụ: He *found* Mr Williams guilty.

C. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Mrs Elphinstone was better at gardening than Mr Williams.



2. Mrs Elphinstone interfered in gardening affairs, because she knew nothing about gardening, and wanted to learn. ☐

3. Mr Williams called her an elephant because she was old and rich. ☐

4. Mr Williams called her an elephant because she was fat and because her name was Elphinstone. ☐

5. Mrs Elphinstone sent Mr Williams to a lawyer. ☐

6. Mrs Elphinstone won the court case. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. What Mr Williams do when he got angry with Mrs Elphinstone?

2. And what did Mrs Elphinstone do about this?

3. What did the magistrate decide?

4. What did Mr Williams ask him then?

5. What did the magistrate answer?

6. What did Mr Williams ask then?

7. And what was the magistrate's answer this time?

8. So what did Mr Williams do then?

A. There are lot of different kinds of Chiristian groups in the world, and one of them decided that they would adopt the motto: "There are no problems. There are only opportunities. "People think too much about difficulties which prevent them from doing good deeds", they said, "and not enough about things that help them to do then".

Once this group was having a big conference in a hotel, when one of the members came up to the conference inquiries desk and to the girl behind it, "Excuse me, miss, but I have a problem".

The girl pointed to the motto, and said to the man, "No, sir, you haven't got a problem. You only have an opportunity".

The man smiled patiently at her and answered: "Well, you can call it whatever you like, but there's a young woman in the room I was given when I arrived twenty minutes ago".

B. Trên thế giới này có nhiều nhóm Thiên chúa giáo khác nhau. Một trong các nhóm đó chấp nhận khẩu hiệu: "Không có khó khăn mà chỉ có cơ hội". Người đời thường nghĩ quá nhiều đến khó khăn cho nên ngăn

cần họ làm việc tốt, và nghĩ không đầy đủ về các yếu tố giúp họ làm việc tốt.

Một hôm nhóm này tổ chức một hội nghị lớn tại khách sạn. Một thành viên hội nghị đến bàn chỉ dẫn nói với người con gái ngồi ở đó: "Xin lỗi cô, tôi có một khó khăn".

Cô gái lập tức chỉ vào khẩu hiệu và nói: "Không, thưa ngài, ngài chẳng có khó khăn gì cả. Ngài chỉ có cơ hội thôi ạ". Người đàn ông kiên nhẫn mỉm cười nói với cô: "Dạ, cô có thể gọi cái đó là gì thì xin tùy cô, nhưng cách đây 20 phút khi tôi đến phòng dành cho tôi thì đã có một người phụ nữ ở trong đó rồi".

C. CHÚ THÍCH

To prevent somebody from doing something: ngăn cản ai làm điều gì.

D. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. The Christian group's motto meant that life is full of hope. ☐
2. The Christian group believed that one should think more about what can be done than about what can't be done. ☐
3. The Christian group believed that it was very difficult to do good deeds. ☐
4. A man came to the inquiries desk to ask some questions about the conference. ☐
5. The girl behind the desk refused to accept that the man had a problem. ☐
6. The man thought the young woman in his room was an opportunity not a problem. ☐

A. The cautious captain of small ship had to go along a coast with which he was unfamiliar, so he tried to find a qualified pilot to guide him. He went ashore in one of the small ports where his ship stopped, and a local fisherman pretended that he was one because he needed some money. The captain took him on board and let him tell him where to steer the ship.

After half an hour the captain began to suspect that the fisherman did not really know what he was doing or where he was going so he said to him: "Are you sure you are a qualified pilot?"

"Oh, yes", answered the fisherman, "I know every rock on this part of the coast". Suddenly there was a terrible tearing sound from under ship. At once the fisherman added, "And that's one of them".

B. Một vị thuyền trưởng của một con tàu nhỏ tính rất cẩn thận. Một hôm ông ta phải đi dọc bờ biển mà ông không quen thuộc. Ông cố tìm một hoa tiêu giỏi để dẫn đường. Ông lên bờ cảng nơi tàu đỗ để tìm. Một người đánh cá mạo nhận là hoa tiêu vì anh ta đang cần tiền. Viên thuyền trưởng đưa anh ta lên tàu và yêu cầu anh ta chỉ hướng lái con tàu đi.

Sau nửa tiếng đồng hồ viên thuyền trưởng bắt đầu nghi ngờ người đánh cá không hiểu được việc làm và không biết hướng đi. Ông nói: "Anh có chắc chắn anh là hoa tiêu giỏi không?".

Người đánh cá trả lời: "Ồ, vâng tôi biết từng hòn đá trong vùng biển này". Bỗng nhiên có một tiếng xé khùng khiếp phát ra từ đáy tàu. Người đánh cá nói ngay: "Đấy là một trong những tảng đá đấy".

C. CHÚ THÍCH

Hãy ghi nhớ những thành ngữ sau:

- 1) to go ashore: lên bờ
- 2) to take somebody on board: đưa ai lên tàu
- 3) to let somebody do something: để ai làm việc gì
- 4) at once: ngay lập tức.

C. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. The captain knew that coast well, but he was a careful man. □

- 2. He went into a port to find someone who knew the coast. ☐
- 3. He found a qualified pilot to guide him. ☐
- 4. A fisherman wanted to earn some money by acting as a pilot. ☐
- 5. The fisherman knew every rock on that part of the coast. ☐
- 6. He let captain steer the ship right on to a rock. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

- 1. What did the captain of the small ship want?
- 2. Why did he want this?
- 3. Why did a local fisherman want the job?
- 4. What did the captain ask him after half an hour?
- 5. Why did he ask him this?
- 6. What did the fisherman answer?
- 7. What happened then?
- 8. And what did the fisherman say about it?

A. A lot of people go to the seaside for their holidays and the various towns try to organize entertainment for them.

In one seaside holiday town in the south of England, arrangements were made for a band to play outdoors in a public park every evening for a week. Unfortunately the first evening it rained, and although the band performed well, there was only one person in the audience because, although the band was under cover, the audience were not.

The man was sitting in a chair, wearing a waterproof hat and coat. After an hour, the conductor of the band went to this man inquired whether he had a special request.

"Yes, I have", said the man, "Please finish as soon as you can. I'm a keeper of this park, and I want to lock the gates and go home".

B. Rất nhiều người đi nghỉ ở biển. Nhiều thành phố đã tổ chức các cuộc vui cho họ.

Ở một thành phố nghỉ mát bên bờ biển miền Nam nước Anh, người ta đã chuẩn bị cho một dàn nhạc biểu diễn ngoài trời vào buổi tối trong một công viên công cộng liên tục trong một tuần. Nhưng không may ngay tối đầu tiên trời mưa. Mặc dù dàn nhạc chơi rất hay nhưng khán giả chỉ có một người bởi vì dàn nhạc chơi ở chỗ có mái che, còn khán giả thì ngồi ngoài trời.

Người đàn ông ngồi trên ghế mặc áo mưa đội mũ. Sau một giờ, người chỉ huy dàn nhạc tiến đến và hỏi xem ông ta có yêu cầu gì đặc biệt không.

Người đàn ông nói: "Dạ, có. Xin các ông kết thúc càng nhanh càng tốt. Tôi là người gác công viên. Tôi đã khóa cổng đi về".

C. CHÚ THÍCH

Trong tiếng Anh câu: Tuy... nhưng mà, mặc dù khác tiếng Việt ở chỗ nếu đã dùng *though* hoặc *although* ở mệnh đề này thì thôi dùng *but* ở mệnh đề kia và ngược lại.

D. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. A seaside holiday town found a band to entertain visitors. ☐
2. It played indoors when it rained. ☐

- 3. The band were protected from rain. ☐
- 4. There were a lot of people in the audience. ☐
- 5. The conductor of the band asked the keeper of the park to lock the gates when they finished. ☐
- 6. The keeper could not leave until the band finished. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

- 1. Why did the town in this story arrange for a band to play there?
- 2. Where did it play?
- 3. Why was there such a small audience?
- 4. Did the band get wet while they were playing? Why?
- 5. What was the man in the audience wearing?
- 6. What did the conductor of the band ask him?
- 7. What did the man answer?
- 8. How many people who were on holiday had come to hear the band?

41

A. A very strick officer was talking to some new soldiers whom he had to train. He had never seen them before, so he began: "My name is Stone, and I'm even harder than stone, so do what I tell you or there'll be trouble. Don't try any tricks with me, and then we'll get on well together"

Then he went to each soldjer one after the other and asked him his name. "Speak loudly so that everyone can hear you clearly", he said, and don't forget to call me "sir".

Each soldier told him his name, until he came to the last one. This man remained silent, and so Captain Stone shouted at him, "When I ask you a question, answer it! I'll ask you again: What's your name, soldier?"

The soldier was very unhappy, but at last he replied. "My name's Stonebreaker, sir", he said nervously.

B. Một sĩ quan nghiêm khắc đang nói chuyện với một số lính mới mà ông ta phải huấn luyện. Ông chưa gặp họ bao giờ. Ông nói: "Tên tôi là Stone (nghĩa là đá) và tôi cứng rắn hơn đá. Cho nên phải làm đúng như tôi ra lệnh, nếu không sẽ rắc rối cho các anh đấy. Đừng tìm cách đánh lừa tôi. Như thế chúng ta thoải mái với nhau hơn".

Rồi, ông ta đến từng người lính hỏi tên.

"Nói to lên cho mọi người cùng nghe rõ. Đừng có quên *thưa ngài* đấy nhé".

Từng anh lính nói tên mình ra, và rồi đến người cuối cùng. Người này đứng im. Đại úy Stone hét lên: "Khi tôi hỏi, anh phải trả lời. Tôi hỏi lại: Tên anh là gì, anh lính kia?".

Người lính tỏ ra không vui nhưng cuối cùng anh lúng túng trả lời: "Tên tôi là Stonebreaker (nghĩa là người đập vỡ đá), thưa ngài".

C. CHÚ THÍCH

Ghi nhớ thành ngữ:

1) To get well together: sống hòa thuận, thoải mái với nhau.

2) "Sir" nghĩa là *thưa ngài*. Theo cách xưng hô của người Anh, trong quân đội khi cấp dưới nói chuyện với cấp trên phải đệm từ "Sir".

D. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Captain Stone trained young soldiers. ☐
2. He was a severe man. ☐
3. He warned young soldiers that there would be trouble if they did what he told them. ☐

4. He asked all the soldiers except one their names. ☐
5. The soldiers have to say: "My name's... Sir Stone". ☐
6. When he asked the last soldier his name, he did not answer at first, because he was deaf. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. What was Captain Stone like?
2. What did he say to the new soldiers at the beginning of this story?
3. What did he tell the young soldiers to do then?
4. What happened then?
5. What answer did the last soldier give?
6. What did Captain Stone shout then?
7. What did the soldiers answer?
8. Why was he unhappy?

C. PUT ONE WORD IN EACH SPACE: YOU WILL FIND ALL THE CORRECT WORDS IN THE STORY.

Jimmy was only eight, but he wanted to become a performer on the stage when he was older he wanted to learn to do... with coins and card, ... he tried to find a teacher who would... him. His mother managed to find one, but at first Jimmy was... with him because he thought he was too..., and decided to leave him. But then his mother explained to him that if the teacher made the lessons too easy, and did not take the... to say something whenever he made a mistake, but instead was... and let him do as he wished, he would never learn. After thinking about this for a few minutes, Jimmy... that she was quite right, and he... with the same teacher for two years. When he first went on the stage with his teacher, he behaved very... but after a few days he became quite confident and very good.

A. An old admiral was famous in the navy for his bad temper, so everyone tried hard not to annoy him. One week his ships were going to take part in a big international exercise, so he came on board in the evening, had his dinner and then went to bed. In the morning he had his breakfast early, came up to the bridge and examined the ships in his group carefully. Then he said angrily, "There should be two cruisers in this group, but I can only see one. Where's the other?" No one dared to answer, and this made the admiral even angrier. His face became redder and redder.

"Well?", he shouted, "What are you fools hiding from me? Where's the second cruiser? What's happened to it? Answer me!".

At last a young sailor found enough courage to speak.

"Please, sir", he said, "you're on it".

B. Một vị tướng Hải quân già nổi tiếng là nóng tính. Cho nên mọi người đều cố tránh làm phật lòng ông ta. Có một lần, tàu của ông ta phải tham gia vào một cuộc tập trận quốc tế lớn. Buổi tối hôm đó ông ta lên tàu, ăn tối rồi đi ngủ. Sáng hôm sau ăn sáng thật sớm lên cầu tàu kiểm tra cẩn thận các con tàu thuộc đội của ông. Ông bực tức nói: "Đáng ra phải có hai tàu trong đội nhưng tôi chỉ thấy có một. Vậy chiếc kia đâu?".

Không ai dám trả lời. Viên tướng lại càng tức giận. Mặt ông càng ngày càng đỏ dừ. Ông hét lên: "Sao? Bọn diên này giấu ta điều gì đây. Chiếc tàu tuần tiểu nữa đâu? Nó bị làm sao? Trả lời đi".

Cuối cùng một thủy thủ trẻ lấy hết can đảm trả lời.

"Thưa tướng quân, ngài đang đứng trên con tàu ấy đấy ạ".

C. CHÚ THÍCH:

Hãy ghi nhớ:

- 1) To be famous for something: nổi tiếng về cái gì.
- 2) To take part in something: tham gia vào việc gì.
- 3) There should be: đáng ra thì có...

D. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Nobody wanted to annoy the admiral because he was a nice old man. ☐

2. His cruiser was going to take part in an exercise with ship of other countries. ☐
3. On the first morning he could not find the second cruiser. ☐
4. Nobody dared tell him that it had not arrived. ☐
5. At last a young sailor told him that the cruise was hiding. ☐
6. The old admiral was on the second cruiser. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. What had made the old admiral famous?
2. What was the result?
3. What did he do on his ship in the morning?
4. What did he say?
5. What happened?
6. What did the admiral shout then?
7. What did someone answer at last?
8. What mistake had the admiral made?

A. Miss Jones teaches mathematics at a school. In one of her classes, the boys and girls are about eight years old, and they are not very good at arithmetic. Miss Jones always tries to make the work interesting and amusing as well as useful.

One day she gave them a question: "If you go to the market to buy vegetables", she said, "and a carrot and a half cost twelve pence, how much will you have to pay for a dozen carrots?"

The pupils began to write in their exercise book, and for a long time nobody spoke. Then one boy put up his hand and said: "Could you repeat the question, please, Miss?"

The teacher began: "If a carrot and a half" but the boy interrupted her.

"Oh, a carrot and a half?", he said, "All the time I've been trying to work it out in cabbages, Miss".

B. Cô Jones dạy toán học ở trường phổ thông. Trong một lớp bọn học trò con trai con gái đều khoảng 8 tuổi. Chúng học số học không tốt lắm. Cô giáo Jones luôn luôn tìm cách làm cho bài học trở nên thú vị, vui vẻ và có ích.

Một hôm cô đặt câu hỏi: "Giả sử các em ra chợ mua rau. Một củ cà rốt rưỡi giá 12 xu vậy các em phải trả bao nhiêu tiền nếu mua một tá cà rốt".

Bọn trẻ bắt đầu làm vào vở bài tập. Một lúc lâu không đứa nào trả lời. Cuối cùng một cậu bé giơ tay và nói: "Thưa cô, xin cô nhắc lại câu hỏi?"

Cô giáo nói lại: "Giả sử một củ cà rốt và một nửa...". Cậu bé ngắt lời.

"Ôi, một củ cà rốt và một nửa à? Ôi chết rồi, thế mà từ nãy đến giờ em cứ tính theo bắp cải, cô à".

C. CHÚ THÍCH

- 1) To be good at something: giỏi về cái gì
doing something
- 2) To pay for something: Trả tiền mua cái gì

D. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Miss Jones helps her pupils to enjoy their work. ☐
2. One day she asked them to buy her some carrots in the market. ☐

3. The pupils worked very fast. ☐
4. One boy thought he had not heard Miss Jones's question correctly. ☐
5. He thought she said "cabbages" instead of carrots. ☐
6. The reason why he had not been able to get the answer was that he had been trying to work in out in "cabbages". ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. What question did Miss Jones ask her pupils one day?
2. What did the pupils do?
3. What happened after a long time?
4. What did the boy ask?
5. What did Miss Jones answer?
6. What did the boy do?
7. And what did he say?
8. What difference would it make if one worked the sum out in cabbages instead of carrots?

A. When Andrews left university, he got a good job in a big oil company, but after he had been there for a few years, he decided that he would like a change. He also wanted to get a more important position, so that he could get more money, and perhaps also do more interesting work, so he put an advertisement in several newspapers, saying what experience he had had, describing the kind of job he had at the time and the kind he would like to have.

One of the answers he received was from another man who was looking for a job too. This man wrote him: "Dear Sir, when you get a new job, please be kind enough to give my name and address to present employer, as I have been trying to find a position like yours for a long time."

B. Khi Andrews tốt nghiệp đại học, anh tìm được một việc làm rất tốt ở một công ty xăng dầu, nhưng sau vài năm làm việc anh quyết định phải đổi nghề. Anh muốn có một địa vị quan trọng hơn để kiếm được nhiều tiền hơn và làm những công việc thú vị hơn. Anh quảng cáo trên báo chí, kể về những kinh nghiệm anh có, miêu tả công việc anh đã làm và nêu rõ loại công việc anh muốn tìm.

Một trong những thư trả lời mà anh nhận được này là của một người khác cũng đang tìm việc. Người này viết cho anh: "Thưa ngài, khi ngài tìm được việc mới, xin hãy giới thiệu tên và địa chỉ của tôi cho công ty của ngài vì đã từ lâu tôi vẫn cố tìm cho được một địa vị như ngài hiện nay".

C. CHÚ Ý:

Would like: là dạng lịch sự tỏ ý muốn một điều gì, làm điều gì.

D. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Mr Andrews was unemployed after he left the university. ☐
2. Mr Andrews was an ambitious man. ☐
3. He preferred a quite, easy job. ☐
4. He was willing to take responsibility. ☐
5. The man who wrote to him was satisfied with his own job at that time. ☐
6. The other man was looking for a better job than Mr Andrews was. ☐

A. Mary was a university student. She did not have very much money, and her parents were not rich, but she had an uncle who had been fortunate enough to collect great wealth. He had no children, and Mary was his favourite niece, so he always gave her valuable Christmas and birthday presents.

When her Uncle George's birthday came round, Mary wanted to buy him something really special, but because he was so wealthy she did not know what to get him. She went into the best shop in her town and explained what her problem was to one of the helpful young shop assistants.

Finally Mary said to her: "I suppose this isn't the first time anybody has come to you with this problem. What do you have for someone who's already got everything he wants or needs?"

The girl sighed deeply and answered: "Envy. Only envy".

B. Mary là sinh viên đại học. Cô không có nhiều tiền mà bố mẹ cũng chẳng giàu có gì nhưng cô có một ông cậu, một người rất may mắn có được một gia tài lớn. Ông không có con, và Mary là đứa cháu gái yêu của ông. Mùa Giáng sinh nào, ngày sinh nhật nào của cô, ông cũng cho cô những món quà giá trị.

Đến ngày sinh nhật của cậu George, Mary muốn mua cho cậu một món quà thật đặc biệt, nhưng vì ông quá giàu có, nên cô không biết nên mua thứ gì tặng ông. Cô vào một cửa hàng lớn nhất trong thành phố giải thích khó khăn của mình cho một người bán hàng trẻ tuổi ở đó.

Cuối cùng Mary nói: "Tôi cho rằng tôi không phải là người đầu tiên đến đây có khúc mắc như vậy. Đối với một người đã có đầy đủ mọi thứ thì ta tặng cái gì được?" Cô bán hàng thở dài trả lời: "Ghen tị, chỉ có sự ghen tị thôi".

C. CHÚ Ý:

1) "So" đứng trước tính từ chỉ mức độ

Ví dụ: So beautiful: đẹp đến như vậy

So wealthy: giàu đến như vậy

2) Hãy so sánh:

He is fortunate to collect great wealth.

He is fortunate *enough* to collect great wealth;
enough chỉ mức độ.

D. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Mary was the niece of a poor man. ☐
2. Mary wanted to buy her uncle a really special present because he was so wealthy. ☐
3. Mary wanted to buy her uncle a really special present because he was very kind to her. ☐
4. A young shop assistant helped her. ☐
5. Mary asked her what she had for someone like her uncle. ☐
6. The girl suggested a lot of things that he wanted or needed. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. Was Mary rich?
2. Who was rich?
3. Why did Mary always get nice presents from him?
4. What did she want to do for her uncle?
5. Why was it difficult to find something suitable for him?
6. Where did she try to find something?
7. What did she say to the assistant?
8. And what did the assistant answer?

A. Miss Richards was a teacher at a school for boys and girls. She taught chemistry and physics from the lowest to the highest classes in the school. Sometimes the new classes learnt rapidly but sometimes they were very slow, and then Miss Richards had to repeat things many times.

One year, the first class had been studying chemistry for several weeks when Miss Richards suddenly asked: "What is water? Who knows? Hands up".

There was silence for a few seconds, and Miss Richards felt saddened, but then one boy raise his hand.

"Yes, Dick?" said Miss Richards encouragingly. He was not one of the brightest children in the class, so she was glad that he could answer.

"Water is a liquid which has no colour until you wash your hands in it, Miss. Then it turns black", the boy replied with great confidence.

B. Cô Richards là một giáo viên trường phổ thông. Cô dạy môn hóa học và vật lý từ lớp thấp nhất đến lớp cao nhất trong trường. Cũng có khi lớp mới học rất nhanh, nhưng có khi học chậm, vì thế cô Richards cứ phải nhắc đi nhắc lại một vấn đề nhiều lần.

Có một năm, lớp thứ nhất đã học hóa học được vài tuần rồi, cô Richards bỗng nhiên hỏi: "Nước là gì? Ai biết? Giơ tay lên".

Cả lớp im lặng một lúc. Cô Richards cảm thấy hơi buồn nhưng rồi một cậu bé giơ tay.

"À, Dick", cô Richards cảm thấy phấn khởi. Dick không phải là một trong những cậu bé thông minh nhất trong lớp cho nên khi nó có thể trả lời câu hỏi thì cô rất hài lòng.

"Thưa cô, nước là một chất lỏng không có màu trừ phi ta rửa tay vào đó. Lúc đó nước sẽ chuyển sang màu đen". Dick trả lời một cách rất tự tin.

C. CHÚ Ý:

Thời perfect continuous (hoàn thành tiến hành) chỉ một hành động đã xảy ra được một giai đoạn và vẫn còn tiếp tục.

D. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Miss Richards was a science teacher. ☐
2. She only taught the classes of small children. ☐
3. Some of the lowest classes learn fast and some learnt slowly. ☐

4. Miss Richards was unhappy when the children could not answer her questions.

5. She was happiest when one of the least clever children could answer. ☐

6. Dick gave the answer Miss Richards expected. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. What did Miss Richards ask one class of new pupils one year?

2. What happened?

3. How did Miss Richards feel about this?

4. What happened at last?

5. What did Miss Richards say?

6. How did she feel?

7. Why did she feel like this?

8. What did the boy say?

C. WRITE THIS STORY, PUTTING ONE WORD IN EACH EMPTY SPACE. ALL THE CORRECT WORDS ARE IN THE STORY.

A well-trained teacher is not nervous, because she has the... which comes of knowing that she is fully prepared for her work. She can help all her pupils, from the... to the most stupid and when she realizes, from the... of her class when she asks a question, that they have not understood what she has explained, she is able to... her explanation again and again in different forms. Above all, she must never cause her pupils to lose confidence she must always speak to them.. and when one of them.. red with shame at having answered a question after a long delay instead of easily and... she must quickly make him or her feel at ease again. I was once... to see a teacher being very unkind to a girl who had... her hand and then... to a question before she had been called upon.

A. While Mrs Edwards was in town one Saturday, she saw a crash in an avenue: two cars ran into each other. The drivers got out, and an argument arose between them, but then a policeman arrived. He asked the drivers what had happened, and then he turned to the crowd which had collected round and said: "Did anyone see the accident?". Several people said they had, and Mrs Edwards was one of them.

A week later she was asked whether she was willing to be a witness in a court case concerning the accident, and she said she was, and a month later, a lawyer was questioning her in court. She began everything with: "I think that..." until the lawyer got angry and said: "You're not here to say what you think you're here to say what you know".

"I'm sorry", objected Mrs Edwards, "but I'm not a lawyer, so I can't say things without thinking".

B. Vào một ngày thứ bảy trong khi bà Edwards đang ở trong thành phố thì bà trông thấy một vụ đâm ô tô: Hai chiếc xe con lao vào nhau. Hai người lái xe nhảy ra và một cuộc cãi lộn xảy ra. Vừa lúc đó cảnh sát đến. Anh ta hỏi hai người lái xe chuyện xảy ra như thế nào rồi sau đó quay sang đám đông đứng xung quanh và hỏi: "Có ai trông thấy tai nạn không?". Một số người nói là có, trong số đó có bà Edwards.

Một tuần sau người ta hỏi ý kiến xem bà có đồng ý ra tòa làm nhân chứng về vụ tai nạn đó không. Bà đồng ý. Một tháng sau, trong phiên tòa, luật sư hỏi bà thì bà luôn luôn bắt đầu bằng: "Tôi nghĩ là...". Vị luật sư nổi câu nói: "Bà đến đây không phải để nói cái điều bà nghĩ. Bà đến đây là để nói cái điều bà biết".

Bà Edwards phản đối: "Tôi xin lỗi, tôi không phải là luật sư cho nên tôi không thể nói mà không nghĩ".

C. CHÚ Ý:

Until: (cho đến khi) có thể dùng trong cấu trúc như:

I didn't know it until he came

Ở đây chỉ một giai đoạn trước khi anh ta đến thì tôi không hề biết. Mãi đến khi anh ta đến tôi mới biết. Hãy chú ý trong mệnh đề chính động từ phải ở dạng phủ định.

D. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Mrs Edwards saw a car crash into a tree, and two other cars run into each other. ☐
2. She told a policeman that she had seen the crash. ☐
3. She refused to go to court to be a witness. ☐
4. The lawyer did not want to give Mrs Edwards. ☐
5. The lawyer meant that he wanted Mrs Edwards give facts, not opinions. ☐
6. Mrs Edwards was suggesting that lawyers say things without thinking. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS.

1. What did Mrs Edwards see one Saturday?
2. What did the policeman ask the crowd?
3. Who answered?
4. What did Mrs Edwards agree to do a week later?
5. What happened a month later?
6. How did she answer the lawyer's questions?
7. What did he say to Mrs Edwards?
8. What did Mrs Edwards answer?

A. During World War Two, a lot of young women in Britain were in the army, Joan Phillips was one of them. She worked in a big camp, and of course met a lot of men, officers and soldiers.

One evening she met Captain Humphreys at a dance. He said to her: "I'm going abroad tomorrow, but I'd be very happy if we could write to each other", Joan agreed, and they wrote for several months.

Then his letters stopped, but she received one from another officer, telling her that he had been wounded and was in a certain army hospital in England.

Joan went there and said to the matron: "I've come to visit Captain Humphreys".

"Only relatives are allowed to visit patients here" the matron said.

"Oh, that's all right", answered Joan. "I'm his sister".

"I'm very pleased to meet you", the matron said, "I'm his mother".

B. Trong thế chiến lần thứ 2 nhiều phụ nữ ở Anh tham gia quân đội, trong đó có Joan Phillips. Cô ta làm việc ở trong một doanh trại lớn và tất nhiên thường xuyên tiếp xúc với nhiều đàn ông, sĩ quan và binh lính.

Vào một buổi tối cô gặp đại úy Humphreys trong một cuộc nhẩy. Anh ta nói với cô: "Ngày mai tôi ra nước ngoài, tôi rất vui nếu chúng ta trao đổi thư từ với nhau".

Joan đồng ý và họ đã viết thư cho nhau liên tục trong mấy tháng trời. Bỗng nhiên thư của Humphreys không đến nữa. Cô nhận được một bức thư của một sỹ quan khác kể rằng anh ấy bị thương, hiện nay đang nằm trong một bệnh viện nào đó ở Anh.

Joan tìm đến bệnh viện và nói với người hộ lý: "Tôi đến thăm đại úy Humphereys".

Người hộ lý trả lời: "Chỉ có người thân trong gia đình mới được vào thăm bệnh nhân thôi".

Joan trả lời: "Dạ... vâng, tôi là em gái của anh ấy".

Người hộ lý trả lời: "Rất vui được gặp cô. Tôi là mẹ của nó."

C. CHÚ Ý:

1) Mệnh đề điều kiện:

I would be happy if we could write to each other.

2) Mệnh đề - ing:

She received a letter *telling her about him*.

D. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Joan was in the armed forces during World War Two. ☐
2. Joan knew Captain Humphreys for a long time. ☐
3. The Captain stopped writing to Joan. ☐
4. Joan went to visit the Captain. ☐
5. Only relatives could see officers in the hospital. ☐
6. Joan was the matron's daughter. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. Where did Joan meet Captain Humphreys?
2. What happened for several months after that?
3. What happened after that?
4. What had happened to Captain Humphreys?
5. What did Joan say to the matron?
6. What did the matron answer?
7. What did Joan say then?
8. And what did the matron say?

A. Mrs Black was old and rich. She lived in a splendid house and owned a lot of valuable things. Then she died, and there was a big funeral. Notices were sent out to relatives and friends, and they came from far and near to attend the funeral.

The service took place in Mrs Black old church, and then her body was taken back to be buried in special place in her garden. The hearse carrying her body moved along slowly, followed by the relatives and friends, the women and children in cars, and the men on foot.

One of Mrs Black's cousins saw a poorly dressed man following the hearse and crying bitterly.

The cousin said to him kindly: "Were you a relative of the dead woman too?"

"No" the man answered.

"Then why are you crying?" the dead woman's relative asked.

"That's exactly why I'm crying" the poor dressed man answered.

B. Bà Black là một bà già giàu có. Bà sống ở một ngôi nhà sang trọng có nhiều đồ quý. Rồi bà chết ở đó. Đám tang của bà rất lớn. Người ta gửi cáo phó cho họ hàng và bạn bè, mọi người xa gần đều đến dự lễ tang.

Tang lễ cử hành trong một ngôi nhà thờ cổ của bà Black, và thi thể của bà được đưa về mai táng ở một nơi đặc biệt trong khu vườn. Xe tang đi chậm rãi, theo sau là họ hàng và bè bạn. Phụ nữ và trẻ con thì ngồi trong ô tô còn đàn ông thì đi bộ theo sau.

Một người họ hàng của bà Black trông thấy một người đàn ông ăn mặc rách rưới đi theo xe tang khóc suốt suốt. Ông ta hỏi người kia: "Ông có phải họ hàng của người chết không?"

"Không", người đàn ông trả lời.

"Thế tại sao ông lại khóc?" Người họ hàng của người đàn bà bị chết hỏi.

"Đó chính là điều tại sao tôi đang khóc". Người đàn ông ăn mặc rách rưới trả lời.

C. CHỦ THÍCH

Cách cấu tạo định ngữ phức tạp

(1) (2) (3)

poorly dressed man

(1) là trạng ngữ bổ ngữ cho (2)

Cả (1) và (2) kết hợp bổ nghĩa cho (3)

Ví dụ: highly cultered woman

D. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Mrs Black sent notices to her relatives and friends. ☐

2. A lot of people came to the funeral. ☐
3. The men walked behind the hearse, but the women and children did not. ☐
4. The poorly dressed man had been a cousin of Mrs Black's. ☐
5. The poorly dressed man was crying because he would not get anything from the dead woman. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. Whom came to Mrs Black's funeral?
2. Who did one Mrs Black's cousin see?
3. What was he doing?
4. What did the cousin say to him?
5. What did he answer?
6. What did the cousin say then?
7. And what was the man's answer?
8. Why was he crying?

C. OPPOSITES: FIND WORDS IN THE STORY ON PAGE WHICH MEAN ABOUT THE OPPOSITE OF

1. be absent from
2. cruelly
3. dug up
4. expensively
5. general
6. going in front of
7. living
8. miserable
9. sweetly
10. valueless.

50

A. If it was very difficult to find jobs in the north - east of England, and when John lost his, he found it impossible to get a new one. He had soon spent all his money, so he decided to go down to the south of the country, where he had heard that things were better, and that it was easier to find work. The best way was into a train which was going to London.

He was the only passenger in his compartment when another man burst in carrying a gun and said to him: "Your money, or your life!".

"I haven't got a penny", John answered in fright.

"Then why are you trembling so much?", the man with the gun asked angrily.

"Because I thought you were the ticket - collector, and I haven't even got a ticket", answered John.

B. Ở miền Đông Bắc nước Anh rất khó tìm việc. Khi John bị mất việc anh không thể tìm được việc mới. Chẳng bao lâu anh tiêu hết cả tiền kiếm được cho nên anh quyết định đi về phương Nam vì nghe người ta nói ở đó cuộc sống tốt hơn và dễ tìm việc làm hơn. Phương tiện đi tốt nhất là tàu hỏa. Anh ra ga lên tàu đi London.

Anh là hành khách duy nhất trong khoang tàu. Bỗng nhiên một người nhảy xổ đến chìa súng vào anh và ra lệnh: "Tiền hoặc tính mạng".

John sợ hãi trả lời: "Thưa... tôi không có đến một xu".

Tên cầm súng tức giận nói: "Thế tại sao mày lại run rẩy như vậy?"

"Vì tôi tưởng ông là người soát vé. Tôi thậm chí không có cả vé". John trả lời.

C. CHÚ THÍCH

Mẫu câu

It is	difficult	to do something
	necessary	
	good	

nghĩa là: làm điều gì đó rất khó/cần thiết/tốt.

Ví dụ: It is necessary to know a foreign language.

D. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. John decided to go down to the south because he was out of work and had no money. ☐
2. He had heard that there were more jobs to be found in southern England. ☐
3. He bought a ticket and went by train. ☐
4. A man who was sitting beside him in the train asked him for his money. ☐
5. John was trembling because he was afraid of the man's gun. ☐
6. John was trembling because he was afraid of the ticket - collector. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. Why did John leave the north - east of England?
(Four reasons).

2. Why did he go to the south?
3. What happened when he was alone in a compartment in a train?
4. What did the man say?
5. What did John answer?
6. How did he feel?
7. What did the man say then?
8. And what did John answer?

A. Mr Grey liked shooting very much, but he did not get much practice at shooting wild animals, and he was not very good at it. One of his troubles was that his eyes were not very good and he had to wear glasses. When it rained and his glasses got wet, he could not see very well.

One day he was invited to go out shooting bears in the mountains. It was rather a rainy day, and by mistake Mr. Gray shot at one of the other hunters and hit him in the leg.

There was a court case about this, and at it the lawyer for the other man said: "Why did you shoot at Mr Robinson?"

Mr Grey answered: "I thought that he was a bear".

"When did you realize that you were wrong?", the lawyer asked.

"When the bear began to shoot back at me", Mr Grey answered.

B. Ông Grey rất thích đi săn nhưng ông chưa có nhiều kinh nghiệm bắn hoang thú, cho nên ông bắn không tốt. Một trong những khó khăn là mắt ông không được tinh cho nên ông phải đeo kính. Khi trời mưa kính bị ướt, ông nhìn không rõ.

Một hôm ông được mời đi bắn gấu trong núi. Hôm đó trời mưa khá to và do nhìn nhầm, ông Grey bắn vào chân của một người đi săn khác.

Người ta mở phiên tòa xử. Trong phiên toà vị luật sư của người kia hỏi: "Tại sao ông bắn ông Robinson?"

Ông Grey trả lời: "Tôi tưởng ông ta là con gấu".

Luật sư hỏi: "Thế ông nhận ra là bắn nhầm vào lúc nào?"

Ông Grey trả lời: "Khi con gấu bắt đầu bắn lại tôi".

C. CHÚ THÍCH

Ghi nhớ thành ngữ

- 1) by mistake: do lầm lẫn.
- 2) to get practice at doing something: luyện tập làm một việc gì.

D. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Mr Grey enjoyed shooting and was very good at it. ☐
2. He could only shoot well when it rained. ☐
3. He hit another hunter instead of a bear. ☐
4. He was tried in a court for shooting the other hunter. ☐

5. He said he had shot at the other hunter because
he had mistaken him for a bear. ☐
6. A bear began to shoot at Mr Grey. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. Why was Mr Grey rather bad at shooting? (Two reasons).
2. What invitation did he receive one day?
3. What happened during that hunt?
4. What was the result for Mr Grey?
5. What did the lawyer ask him?
6. And what did he answer?
7. What was the lawyer's next question?
8. And what was Mr Grey's answer?

C. WRITE THESE SENTENCES, CHOOSING THE CORRECT WORDS IN EACH.

1. Mr Grey's glasses

must be
should have been

wet when he shot
at the other man.
2. It

must
should

be raining
have been raining
have rained

very hard at the time.

3. Mr Grey

must
should

dry
have dried
be having

his glasses before he shot.

4. The other man

must have
should have been having
have had

a terrible

shock when the bullet hit him.

		carry	
		carried	
5. He	must be	be carrying	
	should	have carried	down the mountain
		have been carried	
		have been carrying	

very quickly, because he did not lose much blood.

		be sending	
6. Mr Grey should		must be sent	to prison, but he was
		have been sent	not.
		send	

52

A. Army camps always have to be guarded, of course to make sure that nobody goes in or out without permission otherwise soldiers could go out when they were not supposed to, and anybody could come in at any time and time and cause all sorts of trouble.

There is usually a guard composed of several soldiers at each gate, and the men in the guard take turns to stand at the gate with a gun and stop everyone who wants to go in or out to see their passes. The man on guard is told to say: "Halt! Who goes there?". If anyone comes towards the gate.

A soldier was guarding the gate of a camp at night when he heard a sound in the dark. "Halt! Who goes there?". He shouted nervously.

"Nobody" a voice answered.

The soldier thought for a few seconds and then said: "Well - is there anyone with you?".

B. Các trại lính đều được gác cẩn thận để đảm bảo rằng không có ai vào mà không có phép. Nếu không lính tráng sẽ ra ngoài vào những lúc đáng ra không được đi và người ngoài sẽ vào bất cứ lúc nào họ muốn và như thế gây ra đủ các thứ phiền toái.

Thường thường một ca gác có vài ba lính gác ở từng cửa. Số lính gác đó thay phiên nhau cầm súng đứng ở cổng ra vào để ngăn bất cứ ai muốn ra vào và hỏi giấy tờ. Người ta dạy người gác cổng câu sau đây: "Dừng lại! Ai đi kia?", cứ mỗi khi thấy có người đi về phía cổng.

Một đêm, một anh lính đang gác cổng. Anh nghe thấy một tiếng động trong bóng tối: "Dừng lại! Ai đi kia?". Anh ta lúng túng hô to.

"Chẳng có ai cả", một giọng nói trả lời.

Anh lính nghĩ một lúc rồi nói: "Ồ... thế thì có ai đi cùng đấy không".

C. CHÚ THÍCH

Ghi nhớ thành ngữ:

- 1) to make sure: **Khắc định.**
- 2) to be supposed to do something: **dự định làm việc gì.**
- 3) to take turns: **lần lượt (làm một việc gì)**
- 4) to be with somebody: **đi cùng ai.**

D. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. The guards at the gates of army camps do not let soldiers go out without permission. ☐
2. Several soldiers usually stand together at each gate as guards. ☐
3. The soldier in this story shouted: "Halt! Who goes there?" , because he felt nervous. ☐
4. The soldier in this story shouted: "Halt! Who goes there?" , because he heard a noise. ☐
5. Nobody answered. ☐
6. The soldier then asked whether there was anybody else with the person whose voice he had heard. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. How are the gate of army camps guarded?
2. What do the guards do when someone comes near?
3. What do the guards say?
4. What happened one night at the gates in this story?
5. What did the guards say?
6. How did he feel?
7. What answer did he get?
8. And what did he ask then?

A. Joe and Helen Mills had two small children. One of them was six, and the other was four. They always resisted going to bed, and Helen was always complaining to Joe about this, but as he did not come home from work until after they had gone to bed during the week, he was unable to help except at week-ends.

Joe considered himself a good singer, but really his voice was not at all musical. However, he decided that if he sang to the children when they went to bed, it would help them to relax, and gradually they would go to sleep.

He did this every Saturday and Sunday night until he heard his small son whisper to his younger sister: "If you pretend that you're asleep, he stops!".

B. Joe và Helen Mills có hai đứa con nhỏ. Một đứa lên 6 còn một đứa lên 4. Chúng luôn luôn chống lại lệnh bắt đi ngủ. Helen rất hay phàn nàn với Joe về

điều này. Nhưng trong những ngày làm việc trong tuần không bao giờ Joe về nhà trước giờ chúng đi ngủ, cho nên anh không giúp gì Helen được trừ vào những ngày cuối tuần.

Joe cứ tự coi mình là một ca sĩ giỏi, nhưng thực ra giọng của anh chẳng có nhạc điệu chút nào. Tuy nhiên anh vẫn quyết định rằng nếu anh hát cho bọn trẻ nghe khi chúng đi ngủ thì chắc sẽ giúp chúng thoải mái tinh thần và sẽ dần dần đi vào giấc ngủ.

Tối thứ bảy, chủ nhật nào Joe cũng làm như vậy cho đến một đêm anh nghe thấy cậu con trai thì thầm với em nó: "Nếu em cứ giả vờ là ngủ rồi thì bố sẽ ngừng hát đấy!"

C. CHÚ THÍCH

Chú ý các cách dùng sau đây:

1) to resist doing something: chống lại lệnh phải làm điều gì.

2) to consider	something	Something
	somebody	Somebody
coi	cái gì	là...
	ai	

3) to hear somebody do something: nghe thấy ai làm gì.

D. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Joe and Helen's children liked staying up late. ☐
2. From Monday to Friday, Joe could not help his wife to put the children to bed. ☐

3. Joe was generally thought to be a good singer. ☐
4. Joe rightly thought he was a good singer. ☐
5. The children did not like his singing. ☐
6. His son pretended he was asleep so that he would not sing any more. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. Were Helen's children young, or old?
2. What did she complain to her husband about?
3. Why couldn't he help for most of the time?
4. When could he help?
5. In what way was Joe mistaken about his own abilities?
6. How did he try to help his wife?
7. When did he stop doing this?
8. What had his small son learned to do?

C. PUT ONE WORD IN EACH SPACE IN THIS STORY. YOU WILL FIND ALL THE CORRECT WORDS IN THE STORY.

Jean loved playing the violin, but she was not very..., so the noise that came out did not give the rest of her family much... In fact, they were always... secretly about her playing although they had all... when she began, to... that they liked it... however, they be more and more... to stand it, and they began to... to each other secretly that this terrible noise had now to be... in every way possible. I... that they were right. Don't you?

A. Mr Hodges was the owner and editor of a small newspaper. He always tried to bring his readers the latest news.

One day, he received an excited telephone call from someone who claimed that he had just come through a big flood in a village up in the mountains. He described the flood in great detail, and Mr Hodges wrote it all down and printed it in his paper that evening. He was delighted to see that no other paper had got hold of the story.

Unfortunately, however, angry telephone calls soon showed that he had been tricked, so in the next day's paper he wrote. "We were the first and only newspaper to report yesterday that the village of Greenbridge had been destroyed by a flood. Today, we are proud to say that we are again the first newspaper to bring our readers the news that yesterday's story was quite false".

B. Ông Hodges vừa là chủ vừa là chủ bút của một tờ báo nhỏ. Ông luôn luôn tìm cách mang đến cho độc giả những tin tức mới nhất.

Một hôm ông nhận qua điện thoại một chuyện rất hay của một người nào đó tự kể là vừa trải qua một trận lụt rất lớn ở vùng núi. Ông ta miêu tả chi tiết trận lũ. Ông Hodges ghi lại đầy đủ và cho đăng bài ngay đêm ấy. Ông rất vui thích vì không có báo nào biết câu chuyện ấy.

Tuy nhiên, thật không may. Ngay sau đó có nhiều người gọi điện thoại đến nói rằng ông đã bị đánh lừa. Trong tờ báo ngày hôm sau ông viết: "Chúng tôi là tờ báo đầu tiên và duy nhất đưa tin rằng làng Greenbridge bị một trận lụt huỷ diệt. Hôm nay chúng tôi rất tự hào nói rằng chúng tôi lại là tờ báo đầu tiên mang đến cho độc giả một tin mới rằng câu chuyện ngày hôm qua là chuyện hoàn toàn giả".

C. CHÚ THÍCH

1) Ghi nhớ cách dùng:

to get hold of the story: nắm vững, biết được câu chuyện ấy.

2) Passive voice (thụ động cách) ở thời quá khứ hoàn thành.

had been tricked

quá khứ phân từ của động từ *trick*.

3) Sở hữu cách ('s) có thể dùng cho cả thời gian.

Ví dụ: yesterday's story
last week's visit

D. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Mr Hodges edited his own newspaper.



2. Someone telephoned that there had been a big flood. ☐
3. People who had been in the flood were angry that Mr Hodges had written about it. ☐
4. He printed another report in his paper, repeating that there had been a flood. ☐
5. He wrote in the report that the people who had said that there had been no flood were liars. ☐
6. There had not really been a food at all. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. What work did Mr Hodges do?
2. What was his aim in his job?
3. What news did someone give him one day?
4. How did the person give him the news?
5. What did Mr Hodges do then?
6. What gave him a lot of pleasure?
7. How did he discover that he had been cheated?
8. What correction did he print in his paper the next day?

C. PUT ONE OF THESE WORDS IN EACH SPACE

at by for in of on out of to under with

Mr Hodges was... his way... his office one day... the company... one of his reporters when someone offered him some information... exchange... some free advertising in his paper... reply... the man's offer, Mr Hodges suggested that he should come and discuss things at his home, as he was... touch... the business the man was talking about, so he could not really understand what was being offered... the time... this offer, Mr Hodges had already been informed secretly... means... a telegram, about this matter, but... the sake... not giving away the secret, he did not say anything to the man who was trying to sell him information... regard... the same subject. The man came to see Mr Hodges that night... cover... darkness.

55

A. While Mr Green was waiting for a bus one morning, a car passed him, going very rapidly. Mr Green just had time to think: "That fellow's certain to have an accident if...", before that was exactly what happened: the car hit the side of a bus violently as it was passing and there was a terrible noise and quite a lot of damage.

Mr Green hurried to see whether anyone had been hurt, but everyone was all right. However, the bus driver asked him to be a witness at the trial, and Mr Green agreed.

At the trial, the judge asked Mr Green: "How far were you from the place where the accident took place?"

"Eleven metres and forty - eight centimetres", Mr Green answered.

The judge was astonished and said: "How do you know the distance exactly?"

"Because I was expecting some fool to ask me", Mr Green answered.

B. Một buổi sáng trong khi ông Green đang chờ xe buýt, một chiếc ô tô chạy qua rất nhanh. Ông Green chỉ kịp nghĩ: "Tên đó chắc chắn sẽ bị tai nạn nếu..." thì sự việc đã xảy ra: chiếc ô tô đó quệt mạnh vào thành xe buýt trong lúc vượt tạo ra một tiếng động khủng khiếp và gây ra hư hỏng nặng.

Ông Green chạy vội đến xem có ai bị làm sao không, nhưng mọi người đều an toàn. Tuy nhiên, người lái xe buýt vẫn mời ông ra toà làm nhân chứng và ông Green cũng đồng ý.

Ở phiên tòa, thẩm phán hỏi ông Green: "Khi tai nạn xảy ra ông ở cách đây bao xa?"

Ông Green trả lời: "11 mét 48 centimét".

Viên thẩm phán rất ngạc nhiên hỏi lại: "Làm sao ông lại biết được khoảng cách đó chính xác đến như vậy?"

Ông Green trả lời: "Vì tôi đã đề phòng có thể có một tên ngớ ngẩn nào đó hỏi tôi".

C. CHÚ THÍCH

Những thời sau đây không dùng ở thụ động cách:

present

past

future

continuous tense.

D. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Mr Green thought that the car that passed him was going too slowly. ☐
2. A bus ran into the car. ☐

3. Mr Green went and helped the people who had been hurt. ☐
4. He agreed to appear at the trial. ☐
5. The judge was surprised that Mr Green had been so close to the accident. ☐
6. Mr Green's answer to the judge's question suggested that he thought the judge was a fool. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. What did Mr Green think when he saw the car pass him?
2. What happened then?
3. What did the bus driver say to Mr Green?
4. And what did Mr Green answer?
5. What did the judge ask at the trial?
6. What did Mr Green answer?
7. What did the judge ask then?
8. And what was Mr Green's answer?

C. OPPOSITES: FIND WORDS IN THE STORY WHICH MEAN ABOUT THE OPPOSITE OF.

1. gently
2. more or less
3. not sure
4. not surprised at all
5. refused
6. slowly
7. wise person
8. wonderful.

56

A. Mr Jones had to drive up from London to Edinburgh in Scotland.

"I'm going to drive at night", he said to his wife. "The roads will be quieter. And if I get hungry, I'll stop at one of the small restaurants at the side of the road and have something to eat".

"The food's terrible in those places, I believe", his wife said.

"Oh, well, I don't suppose it will kill me", Mr Jones said, laughing, he left at 9 o'clock in the evening, and at about midnight he felt hungry, so he stopped at a small restaurant which was open all night and sat down at a table. A waiter came to him, and Mr Jones asked for ham and eggs.

"And", he said to the waiter, "I like my eggs almost raw, and my ham quite cold".

The waiter laughed and said: "You must have eaten here before!".

B. Ông Jones đi từ London lên Edinburgh ở Scotland bằng ô tô.

Ông nói với vợ: "Tôi sẽ lái xe vào buổi tối. Lúc đó đường vắng hơn. Nếu tôi đói tôi sẽ dừng lại ở một quán ăn nhỏ dọc đường ăn một chút gì đó".

Bà vợ nói: "Ồi, tôi chắc là thức ăn ở những chỗ đó đáng sợ lắm ông ạ".

"Dẫu sao tôi cũng nghĩ là nó sẽ chẳng làm mình chết đâu". Ông Jones cười to.

Ông ra đi vào lúc 9 giờ tối. Khoảng nửa đêm, ông thấy đói nên dừng lại ở một cửa hàng nhỏ. Cửa hàng mở cửa cả đêm.

Ông ngồi xuống bàn. Anh bồi bàn tiến lại và ông Jones gọi giảm bông và trứng.

Ông nói với anh bồi bàn: "Tôi thích trứng làm sống còn đâm bông phải thật nguội".

Anh bồi bàn cười nói: "Dạ, chắc là trước đây ông đã ăn ở hàng này rồi phải không ạ!"

C. CHÚ THÍCH

1) Động từ *feel* đi với tính từ sau nó.

Ví dụ: *feel tired/feel hungry*.

2) Perfect infinitive:

must have done something: chắc đã phải làm điều gì đó rồi.

D. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. The roads between London and Edinburgh were busiest at night. ☐
2. The restaurants at the side of the road were not open at night. ☐
3. Mr Jones did not think the food in them was good but Mrs Jones did. ☐
4. Mr Jones felt hungry about three hours after he set off. ☐
5. Mr Jones asked for eggs and ham. ☐
6. The waiter thought that Mr Jones had eaten there before. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. Why did Mr Jones prefer to make his journey at night?
2. Where was he going to eat, if necessary?
3. What did his wife say about that?
4. What did he answer?
5. What happened at about midnight?
6. What did Mr Jones ask for?
7. What did he add after that?
8. What did the waiter do and say when he heard this?

A. Mr Robinson won a lot of money on the football pools, but he did not know what the best thing to do with it would be, so he went to a friend who know a lot about money matters.

This friend said to him: "Go and buy some modern paintings. Their value goes up every year".

Mr Robinson went to a good art shop and looked at some modern paintings. He did not understand them at all, and thought that they were terrible - and also very expensive.

At last he saw a small picture which did not have a price on it. It was square and white, and has a black spot in the middle, and a narrow brass frame. Mr Robinson liked it better than any of the others in the shop. "How much is this one?". He said to the shopkeeper.

"That, sir", answered the shopkeeper, "is the electric light switch".

B. Ông Robinson thắng rất nhiều tiền trong các cuộc cá bóng đá, nhưng ông không biết nên làm gì với số tiền đó cho tốt nhất. Ông đến hỏi một ông bạn rất thạo chuyện tiền nong.

Ông bạn nói với ông: "Hãy đi mua tranh hiện đại. giá trị của chúng tăng lên hàng năm".

Ông Robinson đến một cửa hàng mỹ thuật xem tranh hiện đại. Ông chẳng hiểu gì cả nên cho là loại tranh này thật khủng khiếp - mà lại đắt tiền nữa.

Cuối cùng ông trông thấy một bức tranh nhỏ không để giá. Bức tranh hình vuông, màu trắng và có một chấm đen ở giữa khung kệ bằng đồng. Ông Robinson thích bức tranh đó nhất trong số những bức tranh trong cửa hàng.

"Bức này bao nhiêu tiền?", ông hỏi.

Người bán hàng trả lời: "Thưa ông đây là công tắc điện đấy ạ".

C. CHÚ THÍCH

at all đi với động từ ở thể phủ định dùng để nhấn mạnh: không hề... một chút nào.

D. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Mr Robinson knew a lot about money matters. ☐
2. His friend advised him to buy modern pictures because they increased in value every year. ☐

3. Mr Robinson did not like the modern paintings he saw. ☐
4. He found them very expensive. ☐
5. He saw a small picture which was very cheap. ☐
6. The shopkeeper said it was a modern painting of an electric light switch. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. How did Mr Robinson become rich?
2. What advice did he want from his friend?
3. What was his friend's advice?
4. What did Mr Robinson think about the painting in the shop?
5. What was the picture that he finally chose like?
6. What did Mr Robinson think of it?
7. What did he ask the shopkeeper?
8. And what did the shopkeeper answer?

A. Mr Jones had a few days' holiday, so he said: "I am going to go the mountains by train". He put on his best clothes, took a small bag, went to the station and got into the train. He had a beautiful hat, and he often put his head out of the window during the trip and looked at the mountains. But the wind pulled his hat off.

Mr Jones quickly took his old bag and threw that out of the window too.

The other people in the carriage laughed. "Is your bag going to bring your beautiful hat back? " they asked.

"No" Mr Jones answered, "But there's no name and no address in my hat, and there's a name and an address on the bag. Someone's going to find both of them near each other, and he's going to send me the bag and the hat".

B. Ông Jones được nghỉ vài ngày, bởi vậy ông nói: "Tôi sẽ đi nghỉ ở vùng núi bằng tàu hỏa". Ông mặc bộ quần áo đẹp nhất, xách một túi nhỏ ra ga, lên tàu. Ông đội một chiếc mũ rất đẹp. Trong lúc tàu chạy ông hay thò đầu ra ngoài cửa ngắm nhìn núi non. Nhưng rồi một cơn gió thổi bay mất mũ của ông đi.

Ông Jones vội vàng vớ lấy cái túi cũ ném theo ra ngoài cửa sổ.

Các hành khách cười ồ lên. Họ hỏi ông: "Cái túi đó sẽ lấy lại hộ ông cái mũ đẹp hay sao?".

Không", ông Jones trả lời, "trên mũ của tôi không có tên, không có địa chỉ. Còn trên túi của tôi thì có đủ cả tên và địa chỉ. Một người nào đó sẽ nhặt được hai vật cạnh nhau và sẽ gửi trả cho tôi cả túi lẫn mũ".

C. CHÚ THÍCH

Trong bài này chúng ta chú ý đến cách dùng thời tương lai gần của động từ.

To be going to + V : sắp làm một việc gì đó.

Ví dụ: I am going to go to the mountains.

Someone is going to find both of them.

D. BÀI TẬP

WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Mr Jones had a day's holiday. ☐
2. Mr Jones went to the mountains by train. ☐
3. Mr Jones throw his hat out of the window. ☐
4. There was a name and address on the bag. ☐
5. The people in the carriage laughed at Mr Jones. ☐
6. Someone sent Mr Jones the hat and the bag. ☐

A. An old lady went out shopping last Tuesday. She came to a bank and saw a car near the door. A man got out of it and went into the bank. She looked into the car. The keys were in the lock.

The old lady took the keys and followed the man into the bank.

The man took a gun out of his pocket and said to the clerk: "Give me all the money!".

But the old lady did not see this. She went to the man, put the keys in his hand and said: "young man, you're stupid! Never leave your keys in your car: someone's going to steal it!".

The man looked at the old woman for a few seconds. Then he looked at the clerk - and then he took his keys, ran out of the bank, got into his car and drove away quickly, without any money.

B. Thứ ba tuần trước, một bà già đi mua hàng. Bà ta đi qua ngân hàng, trông thấy một chiếc ô tô đỗ ngoài cửa. Một người đàn ông bước ra và đi vào ngân hàng. Bà già nhìn vào trong xe thấy chìa khoá vẫn còn trong ổ.

Bà ta rút chìa khoá ra và đi theo người đàn ông vào.

Người đàn ông rút súng chĩa vào một nhân viên và nói: "Đưa cho ta tất cả số tiền kia "

Nhưng bà già không trông thấy việc này. Bà đi thẳng đến gần người đàn ông, đưa chìa khoá cho ông và nói: "Này ông bạn trẻ, ông ngớ ngẩn quá đấy! Đừng bao giờ để chìa khoá trong ô tô! Có đứa sẽ ăn cắp của ông đấy!".

Người đàn ông nhìn bà già trong giây lát rồi nhìn người nhân viên và hẩn cầm lấy chìa khoá chạy ra khỏi ngân hàng, nhảy vội vào trong ô tô phóng đi mất, không kịp lấy tiền.

C. CHÚ THÍCH

Chú ý cách dùng thời quá khứ đơn giản (the past simple tense): chỉ hành động trong quá khứ, thời gian xác định.

An old lady *went* shopping last *Tuesday*.

động từ

thời điểm

Động từ bất quy tắc:

Dạng quá khứ đơn giản

go

went

come

came

see

saw

get	got
take	took
say	said
put	put
run	ran
steal	stole
drive	drove

D. BÀI TẬP

WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. An old lady went to the bank last Tuesday.
2. A man left his keys in the lock of his car.
3. The bank clerk gave the man some money.
4. Someone stole the man's car.
5. The bank clerk gave the man some money.
6. When the man went away, he did not take any money.

A. Mrs Jones did not have a husband, but she had two sons. They were big, strong boys, but they were lazy. On Saturdays they did not go to school, and then their mother always said: "Please take the grass in the garden this afternoon, boys". The boys did not like it, but they always did it.

Then somebody gave one of the boys a magazine, and he saw a picture of a beautiful lawn- mower in it. There was a seat on it, and there was a woman on the seat.

The boy took the picture to his mother and brother and said to them: "Look, that woman's sitting on the lawn - mower and driving it and cutting the grass. We want one of those".

"One of those lawn- mowers?", his mother asked.

"No", the boy said, "We want one of those women. Then she can cut the grass every week".

B. Bà Jones không có chồng nhưng có hai đứa con trai. Hai đứa đều to, khoẻ nhưng lại rất lười. Vào ngày thứ bảy chúng không phải đi học cho nên mẹ chúng bảo: "Các con, chiều nay hãy ra vườn cắt cỏ đi nhé". Tuy hai đứa không thích lắm nhưng chúng vẫn phải đi làm.

Một hôm có ai đó cho một đứa một tờ tạp chí. Anh chàng trông thấy ảnh của một cái máy cắt cỏ trên báo. Máy có một chỗ ngồi và một người phụ nữ đang ngồi cắt cỏ.

Cậu bé mang bức tranh đó đưa cho mẹ và anh xem: "Xem này, người đàn bà đang ngồi trên máy cắt cỏ và vừa lái xe vừa cắt cỏ đấy. Chúng ta rất cần một trong những thứ này".

Mẹ hỏi: "Một trong những cái máy cắt cỏ đấy ư?"

Cậu bé trả lời: "Không ạ. Chúng ta cần một trong những người đàn bà ấy. Như vậy tuần nào chị ta cũng sẽ cắt cỏ cho chúng ta".

C. CHÚ THÍCH

1) Thời tiến hành (present continuous tense) của động từ.

Ví dụ: She is sitting on the lawn-mower.

2) Lawn: thảm cỏ trong vườn để ngồi hóng mát.

D. BÀI TẬP

PUT ONE WORD IN EACH EMPTY PLACE

1. The boys were Mrs Jones sons: she was their...
2. One boy was the other boy's...
- 3 The boys were lazy: they did not like....
4. A lawn - mower... in the gardens.
5. "The lawn-mower... in the magazine was beautiful!"
"Yes, it was very..."

A. One of Harry's feet was bigger than the other. "I can never find boots and shoes for my feet", he said to his friend Dick.

"Why don't you go to a shoemaker?", Dick said, "A good one can make you the right shoes".

"I've never been to a shoemaker", Harry said, "Aren't they very expensive?".

"No", Dick said, "some of them aren't. There's good one in our village, and he's quite cheap. Here's his address". He wrote something on a piece of paper and gave it to Harry.

Harry went to the shoemaker in Dick's village a few days later, and the shoemaker made him some shoes.

Harry went to the shop again a week later and looked at the shoe. Then he said to the shoemaker angrily: "You're a silly man! I said, "Make one shoe *bigger* than the other", but you've made one smaller than other!".

B. Ông Hary bị một chân to một chân nhỏ. "Mình chưa bao giờ tìm được một đôi ủng hay đôi giày cho vừa chân", ông nói với Dick, bạn ông như vậy.

"Tại sao anh không đến hiệu giày?", Dick nói, "Một anh thợ giày giỏi sẽ đóng giày vừa chân cho anh được đấy".

"Tôi chưa bao giờ đi đóng giày", Hary nói. "Đóng giày có đắt lắm không?".

"Không", Dick nói, "Một số hiệu không lấy đắt đâu. Ở làng tôi có người đóng giày giỏi lắm mà lại rất rẻ. Địa chỉ của anh ta đây."

Dick viết địa chỉ vào một tờ giấy và đưa cho Hary.

Mấy ngày sau, Hary đến hiệu giày ở làng Dick. Người đóng giày nhận làm.

Một tuần sau Harry quay trở lại, xem giày. Anh bức bối nói với người đóng giày: "Ông thật là một người đần độn. Tôi bảo ông hãy đóng một chiếc *to hơn* chiếc kia thì ông lại đóng một chiếc *nhỏ hơn* chiếc kia".

C. CHÚ THÍCH

1) Cách dùng "never" thay cho "not" để nhấn mạnh.

I cannot find good shoes.

I can never find good shoes.

2) So sánh hơn của tính từ đối với tính từ ngắn, tức là tính từ có một hoặc hai âm tiết.

One shoe is *bigger* than the other.

smaller

D. BÀI TẬP

WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Harry's feet were not the same size. ☐
2. Harry had never been to a shoemaker. ☐
3. The shoemaker was from Harry's village. ☐
4. Harry went back to the shoemaker two weeks later. ☐
5. The shoemaker was right. ☐

A. Joe Richards finished school when he was 18, and then his father said to him: "You've passed your examinations now, Joe, and you got good marks in them. Now go and get some work. They're looking for clever people at the bank in the town. The clerks there get quite a lot of money now".

A few days later, Joe went to the bank and asked for work there. A man took him into a small room and gave him some questions on a piece of paper. Joe wrote his answers on the paper, and then he gave them to the man.

The man looked at them for a few minutes, and then he took a pen and said to Joe: "Your birthday was on the 12th of June, Mr Richards".

"Yes, sir" Joe said.

"What year?" the man asked.

"Oh, every year, sir" Joe said.

B. Joe Richards học xong năm 18 tuổi. Cha anh nói với anh: "Con đã thi đỗ rồi Joe ạ và con đã được điểm cao trong các kỳ thi. Bây giờ con hãy đi kiếm một công việc tốt mà làm. Hình như ở ngân hàng thành phố họ đang tuyển người giỏi vào làm việc đấy. Nhân viên ở đó được trả lương cao lắm".

Vài ngày sau Joe ra ngân hàng xin việc. Một người đàn ông đưa anh vào một căn phòng nhỏ, đưa cho anh một vài câu hỏi trên một tờ giấy, Joe viết câu trả lời vào tờ giấy đó và đưa lại cho người đàn ông.

Người đàn ông đọc câu trả lời một lúc rồi đưa cho Joe cái bút và nói: "Sinh nhật của anh vào ngày 12 tháng 6, phải không ông Richards?"

"Vâng, thưa ngài", Joe nói.

"Năm nào?", ông ta hỏi.

"Ồ! Hàng năm, thưa ngài", Joe trả lời.

C. CHÚ THÍCH

1) Cách viết ngày tháng:

the 12 th of October 19...

ngày tháng năm

(số thứ tự)

2) Từ xưng hô: Mr, Mrs và Miss chỉ đi với họ thôi không đi với tên riêng.

Ví dụ: Joe Richards

ta gọi Joe

hoặc Mr. Richards

không gọi Mr. Joe

D. BÀI TẬP

WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Joe Richards was seventeen years old. ☐
2. Joe Richards passed his examinations. ☐
3. Joe passed his examinations at the university. ☐
4. Joe wanted to work in a bank. ☐
5. Joe was born on the 12th of June. ☐
6. Joe did not give the right answer. ☐

A. Mr and Mrs Yates had one daughter. Her name was Carol, and she was nineteen years old. Carol lived with her parents and worked in an office. She had some friends, but she did not like any of the boys very much.

Then she met a very nice young man. His name was George Watts, and he worked in a bank near her office. They went out together quite a lot, and he came to Carol's parent's house twice, and then last week Carol went to her father and said: "I am going to marry George Watts, Daddy. He was here yesterday".

"Oh, yes", her father said, "He's a nice boy - but has he got any money?"

"Oh, men! All of you are same" the daughter answered angrily. "I met George on the first of June and on the second he said to me. Has your father got any money?"

B. Ông bà Yates có một cô con gái, tên cô là Carol, 19 tuổi. Carol sống với bố mẹ và làm việc tại một công sở. Cô có một số bạn trai nhưng chưa tỏ ra thích cậu nào.

Rồi cô gặp một thanh niên trẻ đẹp, tên là George Watts, làm việc ở ngân hàng gần cơ quan cô. Họ đi chơi với nhau nhiều lần. George cũng đến thăm nhà cha mẹ Carol hai lần. Tuần trước Carol gặp bố và nói: "Con định lấy George Watts, bố ạ. Hôm qua ảnh ấy có đến đây".

"Ồ, được", bố cô nói, "Nó là một thanh niên khá đấy, nhưng nó có tiền không?".

"Trời ơi! Đàn ông! Tất cả đàn ông đều như nhau". Cô gái trả lời một cách giận dữ. "Con gặp George vào ngày mồng một tháng sáu; vào ngày mồng hai anh ta hỏi con là bố em có tiền không?".

C. CHÚ THÍCH

Cách dùng sở hữu cách ('s).

Nhóm từ "The ball of the boy" có thể chuyển thành "the boy's ball".

Cách này chỉ dùng cho người và thời gian; không dùng cho đồ vật và súc vật.

D. BÀI TẬP

DRAW LINES FROM THE WORDS ON THE LEFT TO THE CORRECT WORDS ON THE RIGHT.

- | | |
|---------------------|-----------------------------|
| 1. Carol | a. often went out together. |
| 2. Carol and George | b. said: "He's a nice boy". |
| 3. George's bank | c. was Carol's mother. |
| 4. George Watts | d. was near Carol's office. |
| 5. Mrs Yates | e. worked in a bank. |
| 6. Mr Yates | f. worked in an office. |

64

A. Two old gentlemen lived in a quiet street in Paris. They were friends and neighbours, and they often went for walks together in the streets when the weather was fine. Last Saturday they went for a walk at the side of the river. The sun shone, the weather was warm, there were a lot of flowers everywhere, and there were boats on the water.

The two men walked happily for half an hour, and then one of them said to the other: "That's a very beautiful girl".

"Where can you see a beautiful girl?" said the other. "I can't see one anywhere. I can see two young men. They're walking toward us".

"The girl's walking behind us" said the first quietly.

"But how can you see her then?" asked his friend.

The first man smiled and said: "I can't see her, but I can see the young men's eyes".

B. Có hai ông già sống trong một khu phố yên tĩnh ở Paris. Họ vừa là bạn vừa là láng giềng và thường đi tản bộ với nhau ngoài phố vào những hôm thời tiết đẹp. Thứ bảy tuần trước họ đi bộ dọc theo bờ sông. Trời nắng. Thời tiết ấm áp, hoa nở khắp nơi, dòng sông đầy thuyền.

Hai người bạn đi chơi vui vẻ đã nửa tiếng đồng hồ. Bỗng nhiên một ông nói với bạn: "Đó là một cô gái đẹp".

"Đâu? Ông thấy cô gái ở đâu?". Ông kia hỏi lại. "Tôi chẳng trông thấy cô gái nào cả. Tôi chỉ trông thấy hai thanh niên đang đi lại phía ta kia thôi".

"Cô ấy đang đi đằng sau chúng ta", ông thứ nhất nói.

"Thế sao ông lại trông thấy cô ấy?", người bạn hỏi lại.

Người kia mỉm cười nói: "Tôi không trông thấy cô ấy, nhưng tôi nhìn thấy qua đôi mắt của hai chàng thanh niên".

C. CHÚ THÍCH

Động từ trợ "can", dùng để chỉ khả năng có thể làm được việc gì. Động từ chính đi với "can" ở dạng nguyên thể không có "to".

Ví dụ: I see her. I can see her.

He walks fast. He can walk fast.

Dạng phủ định của *can* là *cannot* (viết liền) hoặc *can't* (dạng tắt).

D. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. The two old men were friends and neighbours. ☐
2. They often went to town when the weather was fine. ☐
3. A beautiful girl was walking towards them. ☐
4. Two young men were walking towards them. ☐
5. The old man saw the beautiful girl. ☐
6. The young men saw the beautiful girl. ☐

65

A. Fred was a young soldier in a big camp. During the week they always worked very hard. But it was Saturday, and all the young soldiers were free, so their officer said to them: "You can go into the town this afternoon, but first I'm going to inspect you".

Fred came to the officer, and the officer said to him: "Your hair's very long". Go to the barber and come back to me again".

Fred ran to the barber's shop, but it was closed because it was Saturday. Fred was very sad for a few minutes, but then he smiled and went back to the officer.

"Are my boots clean now, sir?", he asked.

The officer did not look at Fred's hair. He looked at his boots and said: "Yes, they're much better now. You can go out. And next week, first clean your boots, and then come to me".

B. Fred là một anh lính trẻ trong một trại lính lớn. Họ thường làm việc rất chăm chỉ cả tuần. Nhưng vào ngày thứ bảy tất cả lính trẻ đều được tự do. Cho nên viên sĩ quan nói với họ: "Chiều nay các anh được phép ra phố chơi. Nhưng trước hết tôi phải kiểm tra các anh đã".

Fred đến gặp viên sĩ quan. Viên sĩ quan bảo anh: "Tóc của anh dài quá. Đi cắt tóc đi rồi quay lại gặp tôi".

Fred chạy đến phòng cắt tóc, nhưng phòng đã đóng cửa vì hôm ấy là thứ bảy. Mới đầu Fred thấy rất buồn, sau anh mỉm cười rồi quay trở lại gặp viên sĩ quan.

"Thưa ngài, bây giờ giấy của tôi đã sạch chưa?", anh ta hỏi.

Viên sĩ quan không nhìn tóc Fred. Ông ta nhìn vào đôi giấy và nói: "Tốt, sạch hơn nhiều rồi. Anh có thể đi được, tuần sau nhớ lau giấy trước rồi hãy đến tôi nghe chưa!".

C. CHÚ THÍCH

Trường hợp ngoại lệ của so sánh hơn:

good - better

Ví dụ:

Your boots are much better now.

D. BÀI TẬP

PUT ONE WORD IN EACH EMPTY PLACE

1. The soldiers' work was not easy during the week: they worked...

2. They did not work on Saturday: they were... then.

3. Fred's hair was not... it was very long.

4. Fred was not.... they were clean.

5. The officer did not say: "Your boots are... now?". He said: "Your boots are better now".

A. Peter was eight and a half years old, and he went to a school near his house. He always went there and came home on foot, and he usually went back on time, but last Friday he came home from school late. His mother was in the kitchen, and she saw him and said to him: "Why are you late today, Peter?".

"My teacher was angry and sent me to the headmaster after our lessons", Peter answered.

"To the headmaster?", his mother said, "Why did she send you to him?".

"Because she asked a question in the class", Peter said, "And none of the children gave her the answer except me".

His mother was angry. "But why did the teacher send you to the headmaster then? Why didn't she send all the other stupid children? she asked Peter.

"Because her question was: Who put glue on my chair?", Peter said.

B. Peter mới 8 tuổi rưỡi. Nó đi học gần nhà. Nó thường đi bộ cả đi lẫn về nhưng bao giờ cũng về nhà đúng giờ. Hôm thứ sáu tuần trước Peter đi học về muộn. Mẹ nó đang ở trong bếp, trông thấy nó, hỏi: "Tại sao hôm nay con về muộn hả Peter?"

"Cô giáo con nổi giận và lúc hết giờ cô dẫn con lên gặp thầy hiệu trưởng". Peter trả lời.

"Gặp thầy hiệu trưởng ư?", mẹ nó hỏi, "Tại sao cô giáo lại bắt con gặp thầy hiệu trưởng?"

"Vì trong giờ học cô có đặt một câu hỏi", Peter trả lời, "Không đứa nào trả lời được câu hỏi ấy, trừ con".

Mẹ Peter rất giận dữ: "Thế thì tại sao cô lại dẫn con lên gặp thầy hiệu trưởng? Tại sao không dẫn bọn ngu ngốc kia lên?"

"Bởi vì câu hỏi là : Em nào đổ hồ lên ghế của cô?" Peter trả lời.

C. CHÚ THÍCH

Câu hỏi phủ định:

Why didn't you do that?

D. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Peter was seven years old. ☐
2. Peter usually came home late. ☐
3. Only Peter answered the teacher's question. ☐
4. All children put glue on the teacher's chair. ☐
5. Peter put glue on the teacher's chair. ☐
6. The teacher was angry about the glue. ☐

67

A. Mr Edwards likes singing very much, but he is very bad at it. He went to dinner at a friend's house last week, and there were some other guests there too.

They had a good dinner, and then the hostess went to Mr Edwards and said: "You can sing, Peter, Please sing us something".

Mr Edwards was very happy, and he began to sing an old song about the mountains of Spain. The guests listened to it for a few minutes and then one of the guests began to cry. She was a small woman and had dark hair and very dark eyes.

One of the other guests went to her, put his hand on her back and said: "Please don't cry. Are you Spanish?"

"No", she answered, "I'm not Spanish, and I've never been to Spain. I'm a singer, and I love music!"

B. Ông Edwards rất thích hát nhưng ông ta hát rất tồi. Tuần trước ông ta đến dự bữa cơm chiều ở nhà bạn. Ngoài ông ra còn có một số khách nữa.

Họ ăn một bữa cơm rất ngon. Sau đó chủ nhà tiến đến chỗ ông Edwards đứng và nói: "Peter, anh biết hát, hãy hát cho chúng tôi nghe một bài nào".

Ông Edwards rất vui, bắt đầu hát một bài hát về những rừng núi Tây Ban Nha, các khách đều lắng nghe một lúc, rồi thì một người khách bắt đầu khóc. Đó là một phụ nữ nhỏ nhắn, tóc đen và mắt đen. Một người khách tiến lại phía cô, khẽ đặt tay vào vai cô và nói: "Thôi, đừng khóc nữa. Cô là người Tây Ban Nha à?".

Một người đàn ông trẻ khác hỏi cô: "Cô yêu quý nước Tây Ban Nha lắm nhỉ?".

"Không". Cô trả lời, "Tôi không phải là người Tây Ban Nha. Tôi cũng chưa bao giờ đến nước Tây Ban Nha. Tôi là một ca sĩ và tôi yêu âm nhạc".

C. CHÚ THÍCH:

Câu đề nghị lịch sự bắt đầu bằng *Please*

Ví dụ: *Please, sing us something.*

Please, don't cry.

D. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Mr Edwards likes singing very much. ☐
2. He sang before dinner. ☐
3. He sang a song about England. ☐
4. The woman cried because she was Spanish. ☐
5. The woman was a singer. ☐

A. Hans said to his friend Kurt: "I'm going take my car and drive to London".

Kurt said: "Driving to London is very difficult. You aren't going to find your hotel".

But Hans was not afraid. He drove to Calais, put his car on the ship, took it off at Dover, and drove to London.

He stopped near the city and looked at his map. Then he drove into London, but he did not find his hotel. He drove round and round for an hour, and then he stopped and got out of his car. A taxi came, and Hans stopped it "Take me to the Brussels Hotel", he said. But he did not get into the taxi. He got back into his car. The taxi man laughed, but then he drove to the Brussels Hotel, and Hans followed him in his car. They reached the hotel in two minutes.

B. Hans nói với Kurt, bạn anh: "Tôi sẽ lấy ô tô và tự lái đi London".

Kurt nói: "Lái đi London thì khó đấy. Cậu không tìm thấy khách sạn đâu".

Nhưng Hans không sợ. Anh ta lái xe đến Calais đưa xe lên tàu thủy, xuống Dover rồi đi London.

Anh ta dừng lại ở gần thành phố, giở bản đồ ra xem. Rồi anh ta lái xe vào London. Nhưng anh ta không tìm ra nổi khách sạn anh đã thuê trước. Anh ta lái vòng quanh cả tiếng đồng hồ, sau đó dừng lại, ra khỏi xe. Một chiếc taxi đến, Hans vẫy lại: "Đưa tôi đến khách sạn Brussels", anh nói. Nhưng anh không lên taxi mà quay lại lên xe của mình. Người lái xe taxi cười, nhưng rồi anh ta vẫn lái đến khách sạn Brussels. Hans lái xe đi theo và sau hai phút họ đã tới khách sạn.

C. CHÚ THÍCH

Nhóm từ chỉ thời gian bắt đầu bằng "in" là nhóm từ thời gian tương lai.

Ví dụ: I'll finish the work in 2 minutes.

D. BÀI TẬP

WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Hans drove to London. ☐
2. He went from Calais to Dover in an aeroplane. ☐
3. He found his hotel easily. ☐
4. He drove round for an hour. ☐
5. He got into a taxi. ☐
6. He followed the taxi to the hotel. ☐

A. George is a young man. He does not have a wife, but he has a very big dog - and he has a very small car too. He likes playing tennis. Last Monday he played tennis for an hour at his club, and then he ran out and jumped into a car. His dog came after him, but it did not jump into the same car, it jumped into the next one.

"Come here, silly, dog", George shouted at it but the dog stayed in the other car.

George put his key into the lock of the car, but the key did not turn. Then he looked at the car again. It was not his! He was in the wrong car! And the dog was in the right one!. "He's sitting and laughing at me!". George said angrily. But then he smiled and got into his car with the dog.

B. George là một thanh niên trẻ. Anh ta chưa có vợ, nhưng anh ta có một con chó to và một chiếc ô tô nhỏ. Anh thích chơi quần vợt. Hôm thứ hai tuần trước anh đến câu lạc bộ chơi quần vợt một tiếng đồng hồ. Sau đó anh chạy ra nhảy lên xe. Con chó chạy theo nhưng nó không nhảy vào cùng xe với anh mà lại nhảy vào xe bên cạnh.

"Lại đây, con chó ngớ ngẩn kia". George hét lên nhưng con chó vẫn ngồi yên.

George cắm chìa khóa vào ổ, nhưng không xoay được chìa. Anh lại nhìn chiếc ô tô. Ôi, không phải xe của anh. Anh vào nhầm xe. Còn con chó lại vào đúng xe nhà.

"Nó ngồi cười ta đấy", George giận dữ nói. Nhưng rồi anh ta lại mỉm cười và sang xe con chó đang ngồi.

C. CHÚ THÍCH

It was not *his*

đây là đại từ sở hữu

thay cho: *his car*

hãy ghi nhớ tính từ sở hữu và đại từ sở hữu đi với các ngôi.

My	Mine
Your	Yours
His	His
Her	Hers
It	Its

We	Ours
Your	Yours
Their	Theirs

D. BÀI TẬP

DRAW LINES FROM THE WORDS ON THE LEFT TO THE CORRECT WORDS ON THE RIGHT.

- | | |
|------------------|------------------------------|
| 1. George | a. did not turn in the lock. |
| 2. George's car | b. does not have a wife. |
| 3. George's club | c. was a tennis club. |
| 4. George's dog | d. was very big. |
| 5. George's key | e. was very small |

A. Mr and Mrs Jones very seldom go out in the evening, but last Saturday, Mrs Jones said to her husband: "There's a good film at the cinema tonight. Can we go and see it?".

Mr Jones was quite happy about it, so they went, and both of them enjoyed the film.

They came out of the cinema at 11 o'clock, got into their car and began driving home. It was quite dark. Then Mrs Jones said: "Look, Bill. A woman's running along the road very fast, and man's running after her. Can you see them?"

Mr Jones said: "Yes, I can. He drove the car slowly near the woman and said to her: "Can we help you?".

"No, thank you", the woman said, but she did not stop running. "My husband and I always run home after the cinema, and the last one washes the dishes at home".

B. Ông bà Jones rất ít khi đi chơi vào buổi tối. Nhưng thứ bảy tuần trước bà Jones nói với chồng: "Đêm nay ở ngoài rạp có phim hay lắm. Chúng ta đi xem đi!".

Ông Jones rất vui. Thế là họ đi. Cả hai cùng rất thích bộ phim ấy.

11 giờ họ rời khỏi rạp, lên xe ô tô và lái về nhà. Lúc đó trời rất tối. Bỗng nhiên bà Jones nói: "Trông kia, Bill. Có người phụ nữ đang chạy rất nhanh trên phố kia kia, và một người đàn ông đang rượt theo. Ông có trông thấy không?". Ông Jones nói: "Có". Ông hãm xe chậm lại, lái vào sát người phụ nữ và nói: "Bà có cần chúng tôi giúp không?".

"Không, cảm ơn ông", bà ta nói nhưng vẫn không dừng lại, "Chồng tôi và tôi vẫn chạy về nhà sau khi xem phim xong như thế này. Người về sau phải rửa bát".

C. CHỦ THÍCH

Động từ sau "begin" có thể ở dạng nguyên thể có "to" hoặc dạng -ing.

Ví dụ: He *began to learn* English in 1985.
 He *began learning* English in 1985.

D. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE CORRECT?
WRITE THE CORRECT ONES.

1. How often do Mr and Mrs Jones go out in the evening?

- a. Often b. Not often.

2. Where did they go last Saturday?

- a. To the cinema b. To a dark road

3. Was it night or day when they came out?

- a. Night b. Day

4. What did they see on the road?

- a. They saw a man running after a woman.

- b. They saw a woman running after a man.

5. Why were they running?

- a. Because the woman's husband was angry with her.

- b. Because the last one always washed the dishes at home.

A. There were a lot of men's clubs in London a few years ago. Men went there and read their newspaper, quietly, or drank or had meals with their friends.

All of these men's clubs had a lot of very good servants. At every club one of the servants is a doorman. Mr Grace was the doorman of one of these clubs. He was fifty five years old, and he had grey hair and a big grey moustache. The telephone rang in his office at six o'clock in the evening, and a woman spoke to him. She said: "Are you the doorman of the George Club?"

"Yes, I am", Mr Grace answered.

"Please give my husband a message", the woman said.

"Your husband isn't at the club this evening", Mr Grace answered.

"But I haven't told you his name!", the woman said angrily.

"That isn't necessary", Mr Grace answered. "No husband is ever at the club".

B. Cách đây mấy năm ở London có rất nhiều câu lạc bộ đàn ông. Họ đến đó im lặng đọc báo. Hoặc uống rượu hoặc ăn uống với bạn bè. Tất cả các câu lạc bộ đàn ông này đều có nhiều người phục vụ tốt. Câu lạc bộ nào cũng có một người gác cổng. Ông Grace là người gác cổng một trong những câu lạc bộ này. Ông ta 55 tuổi, tóc hoa râm và có bộ ria rậm. Một buổi tối vào lúc sáu giờ ông nghe thấy tiếng chuông điện thoại gọi. Một người phụ nữ gọi đến. Bà ta hỏi: "Có phải ông là người gác cổng câu lạc bộ George không ạ?".

"Vâng", ông Grace trả lời.

"Xin ông nhấn hộ chồng tôi vài lời", bà ta nói.

"Chồng bà không có đây tối hôm nay", ông Grace trả lời.

"Tôi chưa nói tên chồng tôi sao ông biết?", người phụ nữ giận dữ nói.

"Không cần đâu ạ", ông Grace trả lời, "Không bao giờ có ông chồng nào đến câu lạc bộ cả".

C. CHÚ THÍCH

a) Số nhiều của danh từ tiếng Anh thông thường cấu tạo bằng cách thêm S vào đằng sau.

Ví dụ: boy - boys
 servant - servants

Ngoại lệ: man - men
 woman - women

b) Thời hiện tại hoàn thành (Present Perfect tense)

Chỉ một hành động xảy ra trong quá khứ dùng thời gian không xác định, cấu tạo: have + V quá khứ phân từ.

Ví dụ:

I have told you his name.

D. BÀI TẬP

PUT ONE OF THESE WORDS IN EACH EMPTY PLACE

her he him it its his she

1. Mr Grace worked at a club... name was the George Club

2. ... was the doorman there.

3. ... hair was grey, and... had a big grey moustache.

4. One day a woman telephoned...

5. ... said: "Is that the George Club?".

6. Mr Grace answered: "Yes, ... is".

7. The woman gave him a message for... husband.

8. Mr Grace said to... "Your husband isn't here" .

9. The woman said: "But I haven't given you... name!". Mr Grace answered: "I don't want... No husband is ever at the club".

A. Jimmy lives in London and began swimming a few months ago. He likes swimming, and he often goes to the swimming pool near his house with his mother and swims there for an hour or two.

He was six years old last week, and his mother said: "You swim quite well now, Jimmy, but you've never seen the sea, have you? Your father and I are going to take you there on Sunday, and you're going to swim in the sea. It isn't cold now, and it's much like than a swimming pool".

Jimmy's father and mother took him to the sea in their car on Sunday, and they stopped at the side of a small harbour. Jimmy went out and looked at the sea for a long time, but he was not very happy. Then he said to his mother: "Which is the shallow end".

B. Jimmy sống ở London. Cách đây mấy tháng nó bắt đầu tập bơi. Nó rất thích bơi và thường cùng với mẹ đi bơi ở bể bơi gần nhà. Ngày nào nó cũng bơi khoảng một hai tiếng đồng hồ.

Tuần trước Jimmy vừa tròn 6 tuổi. Mẹ nó bảo "Jimmy, bây giờ con đã bơi giỏi rồi, nhưng chưa bao giờ được trông thấy biển. Bố mẹ sẽ dẫn con ra biển vào chủ nhật này và con sẽ được bơi ở biển. Trời bây giờ chưa lạnh. Bơi ở biển thích hơn trong bể bơi nhiều".

Vào ngày chủ nhật, bố mẹ Jimmy đưa nó ra biển bằng ô tô.

Họ dừng lại bên bờ biển. Jimmy bước xuống ô tô ngắm biển một lúc lâu nhưng trông nó không được vui lắm, sau đó nói với mẹ: "Đâu nào nước nông hả mẹ?".

C. CHÚ THÍCH

a) Động từ "like" đòi hỏi động từ đi theo sau nó ở dạng -ing.

He likes swimming.

b) Ngược lại với tiếng Việt khi kể nhiều người trong đó có bản thân mình, người Anh kể các người khác trước rồi đến mình.

Ví dụ: *My mother, my sister and I went swimming.*

D. BÀI TẬP

WRITE THERE, PUT THE CORRECT WORDS IN

1. Jimmy | is swimming | now
| swims |

He | is often swimming | in this pool
| often swims |

2. His mother | does not swim |
| is not swimming |

She sometimes | does not swim |
| is not swimming |

3. Jimmy's father | takes | his family to the sea
| is taking | now

He is | seldom taking | them there.
| seldom takes |

4. Jimmy | does not sleep |
| is not sleeping |

He | is never sleeping in the car |
| never sleeps. |

A. Mary was an English girl, but she lived in Rome. She was six years old. Last year her mother said to her: "You're six years old now, Mary, and you're going to begin going to a school here. You're going to like it very much, because it's a nice school".

"Is it an English school?" Mary asked.

"Yes, it is", her mother said.

Mary went to the school, and enjoyed her lessons. Her mother always took her to school in the morning and brought her home in the afternoon. Last Monday her mother went to the school at 4 o'clock, and Mary ran out of her class.

"We've got a new girl in our class today, Mummy" she said: "She's six years old too, and she's very nice, but she isn't English. She's German".

"Does she speak English?", Mary's mother asked.

"No, but she laughs in English", Mary said happily.

B. Mary là một cô bé người Anh nhưng cô sống ở Rome. Bé mới lên 6. Năm ngoái mẹ nói với bé: "Năm nay con đã 6 tuổi rồi đấy Mary ạ, con sẽ đi học ở đây. Con sẽ rất thích trường lớp vì đó là một ngôi trường đẹp".

Mary nói: "Đấy có phải là trường Anh không mẹ?"
Mẹ trả lời: "Phải đấy".

Mary đi học và rất thích các bài học ở trường. Sáng nào mẹ cũng đưa bé đi tới trường và chiều đến là đón bé về nhà. Thứ hai tuần trước, mẹ đến trường vào lúc 4 giờ. Mary chạy ra khỏi lớp.

Bé nói: "Mẹ ơi, lớp con hôm nay có một bạn mới. Bạn ấy cũng sáu tuổi. Bạn ấy rất hay nhưng không phải là người Anh. Người Đức mẹ ạ".

Mẹ Mary hỏi: "Thế bạn ấy có nói tiếng Anh không?"

Mary vui vẻ nói: "Không mẹ ạ. Nhưng bạn ấy cười bằng tiếng Anh".

C. CHÚ THÍCH

Động từ đi sau "to begin" ở dạng - ing.

begin doing something

Ví dụ: She begins talking now.

D. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Mary went to an English school. ☐
2. She did not like her school. ☐
3. The new girl in Mary's class was English. ☐
4. The new girl in Mary's class was German. ☐
5. The new girl laughed like an English girl. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. Where did Mary live?

2. What did her mother say to her when she was six?
3. What did Mary ask?
4. What did her mother say?
5. How did Mary like her school?
6. What did she say to her mother last Monday?
7. What did her mother ask?
8. What did Mary say then?

A. Fred works in a factory. He does not have a wife, and he gets quite a lot of money every week. He loves cars, and has a new one every year. He likes driving very fast, and he always buys small fast red cars. He sometimes takes his mother out in them, and then she always says: "But, Fred, why do you drive these cars? We're almost sitting on the road!".

Then Fred laughs and is happy. He likes being very near the road.

Fred is very tall and very fat.

Last week he came out of a shop and went to his car. There was a small boy near it. He was looking at the beautiful red car. Then he looked up and saw Fred.

"How do you get into that small car?", he asked him.

Fred laughed and said: "I don't get into it. I put it on".

B. Fred làm việc ở một nhà máy. Anh chưa có vợ và tuần nào cũng kiếm được rất nhiều tiền. Anh rất yêu ô tô và năm nào anh cũng có một cái xe mới. Anh rất thích lái xe tốc độ nhanh vì thế anh luôn luôn mua ô tô nhỏ, phân khối lớn, màu đỏ. thỉnh thoảng anh lái xe cho mẹ đi chơi. Mẹ anh thường bảo: "Này, Fred, tại sao con lại lái những chiếc xe này? Chúng ta hầu như là ngồi ngang trên mặt đường ấy".

Những lúc đó Fred cười và cảm thấy rất vui. Anh rất thích gần mặt đường.

Fred người cao và to béo.

Tuần trước lúc anh bước ra khỏi cửa hàng, đi lại gần ô tô thì trông thấy một cậu bé đứng gần đó ngắm chiếc xe đẹp màu đỏ của anh.

Nó ngẩng lên và trông thấy Fred.

"Anh làm thế nào chui vào được chiếc xe này?"

Fred cười, trả lời: "À, anh không chui vào xe mà là *mặc xe vào người*".

C. CHÚ THÍCH

1) a lot of: "nhiều", dùng với danh từ đếm được và không đếm được.

Ví dụ: There's a lot of sugar in the box.

There are a lot of pens in the box.

2) To put on: mặc (quần áo), đội (mũ), đi (giày).

D. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Fred has a wife. ☐
2. Fred is a poor man. ☐
3. Fred buys a new car every year. ☐
4. Fred's mother does not like his cars. ☐
5. A small girl was looking at Fred's car. ☐
6. Fred gets into his car easily. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. Where does Fred work?
2. What cars does he like?
3. Who goes out in them with him sometimes?
4. What does she always say?
5. What does Fred do then?
6. Is Fred a big man, or a small man?
7. What did a small boy ask him last week?
8. What did Fred say?

C. OPPOSITES, PUT ONE WORD IN EACH EMPTY PLACE

1. Fred does not get... money: he gets a lot.
2. He does not... cars: he loves them.
3. He does not drive... he drives fast.
4. He does not buy... cars: he buys small ones.
5. He does not like sitting very... from the road: he likes sitting very near it.
6. Fred is not a...,man: he is a tall, fat man.
7. His car is not...: it is beautiful.

A. Miss Williams was a teacher, and there were thirty small children in her class. They were nice children, and Miss Williams liked all of them, but they often lost clothes. It was winter, and the weather was very cold. The children's mothers always sent them to school with warm coats and hats and gloves. The children came into the classroom in the morning and took off their coats and hats and gloves. They put their coats and hats on hooks on the wall and they put their gloves in the pockets of their coats.

Last Tuesday Miss Williams found two small blue gloves on the floor in the evening, and in the morning she said to the children: "Whose gloves are these?", but no one answered.

Then she looked at Dick. "Haven't you got blue gloves, Dick?", she asked him.

"Yes, miss", he answered, "but those can't be mine. I've lost mine".

B. Cô Williams là giáo viên. Lớp cô dạy có 30 học trò nhỏ. Các em đều rất ngoan và cô Williams rất yêu bọn trẻ, nhưng chúng hay đánh mất quần áo lắm. Hôm đó vào mùa đông, trời rất lạnh. Mẹ bọn trẻ thường mặc áo ấm, đội mũ, đi găng cho chúng để chúng đi học. Bọn trẻ khi vào lớp phải bỏ áo khoác, mũ và treo lên các móc áo trên tường còn găng tay thì bỏ vào túi áo khoác.

Tối thứ ba tuần trước cô Williams thấy có hai chiếc găng tay nhỏ màu xanh rơi trên sàn nhà. Sáng hôm sau cô hỏi bọn trẻ: "Găng của ai đây?". Nhưng không ai trả lời.

Cô nhìn Dick, hỏi: "Dick, em có găng tay màu xanh không?".

Dick trả lời: "Thưa cô, có ạ. Nhưng đôi găng đó không thể còn là của em. Em đánh mất đôi của em rồi ạ".

C. CHÚ THÍCH

1) Take off: cởi (quần áo), bỏ (mũ), tháo (găng), cởi (giày, dép).

2) Mine (đại từ sở hữu): cái gì đó của tôi.

Ví dụ: This book is *mine*
my book.

D. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. There were forty children in Miss Williams' class. ☐

2. Miss Williams liked all the children in her class. ☐
3. It was very cold. ☐
4. Miss Williams found one small glove. ☐
5. She found the gloves in the morning. ☐
6. The gloves were Dick's. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. What was Miss Williams?
2. Did she have big, or small children in her class?
3. What did they often do?
4. What did she find on the floor in the evening?
5. What did she ask the children in the morning?
6. Who answered?
7. What did she ask Dick?
8. What did he answer?

A. Whitebridge was a small village, and old people often came and lived there. Some of them had a lot of old furniture, and they often did not want some of it, because they were in a smaller house now, so every Saturday morning they put it out, and other people came and looked at it, and sometimes they took it away because they wanted it.

Every Saturday, Mr and Mrs Morton put a very ugly old bear's head out at the side of their gate, but nobody wanted it. Then last Saturday, they wrote "I am very lonely here, Please take me" on a piece of paper and put it near the bear's head.

They went to the town, and came home in the evening. There were now two bear's heads in front of their house, and there was another piece of paper. It said: "I was lonely too".

B. Whitebridge là một làng nhỏ, người già thường hay đến ở đó. Một số người có nhiều đồ dùng gia đình cổ, nhưng họ không biết để đâu cho hết vì bây giờ họ chuyển đến gia đình nhỏ hơn. Cho nên cứ đến sáng thứ bảy là họ bày ra ngoài cửa. Những người khác đến xem. Thỉnh thoảng có người cần đến và họ mang chúng đi.

Thứ bảy nào, ông bà Morton cũng bày ra ngoài cửa một chiếc đầu gấu cũ và xấu xí nhưng chẳng ai thích nó cả.

Vì thế thứ bảy tuần trước, họ viết vào một mảnh giấy dòng chữ "Ồ đây tôi rất đơn côi. Xin hãy đưa tôi đi" và treo ra ngoài cửa cạnh chiếc đầu gấu.

Hai ông bà ra thành phố chơi đến chiều tối mới trở về. Họ trông thấy hai cái đầu gấu ở trước cửa nhà và một mảnh giấy nữa: "Tôi cũng đơn côi".

C. CHỮ THÍCH:

(1) Sở hữu danh từ:

The head of the bear

The bear's head

The book of the boy

The boy's book

Loại sở hữu 's không được dùng cho đồ vật: The table's legs.

D. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Whitebridge was a big village.

☐

2. A lot of people lived in Whitebridge.

☐

3. They put out their old furniture every Sunday. ☐
4. The bear's head was very ugly. ☐
5. Nobody wanted the bear's head. ☐
6. There were now three bears' heads. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. Why did old people in Whitebridge often sell their old furniture?
2. Where did they put it?
3. What did Mr and Mrs Morton put out every Saturday?
4. What did they write on a piece of paper?
5. Where did they put the paper?
6. What did they find at the side of their gate when they came home in the evening?
7. What was near the bear's head?
8. What did the piece of paper say?

C. OPPOSITES, PUT ONE WORD IN EACH EMPTY PLACE.

1. Whitebridge was not... it was a small village.
- 2..... people did not often come and live there: old people did.
3. They did not sell their... houses now: they lived in small ones.
4. The bears' head was not... it was very ugly.
5. Mr and Mrs Morton did not come home in the... they came home in the evening.
6. The two bear's heads were not.... Mr and Mrs Morton's house: they were in front of it.
7. They did not see... piece of paper: they saw two.

A. Mrs Harris lives in a small village. Her husband is dead, but she has one son. He is twenty-one, and his name is Geoff. He worked in the shop in the village and lived there. Its name was Greensea. It was quite a long way from his mother's village, and she was not happy about this, but Geoff said: "There isn't any good work for me in the country, Mother, and I can get a lot of money in Greensea and send you some every week".

Mrs Harris was very angry last Sunday. She got in a train and went to her son's house in Greensea. Then she said to him: "Geoff, why do you never phone me?".

Geoff laughed. "But, Mother", he said, "you haven't got a phone".

"No", she answered, "I haven't but you've got one!".

B. Bà Harris sống ở một làng nhỏ. Chồng bà đã chết, bà chỉ còn lại một đứa con trai tên là Geoff, năm nay 21 tuổi. Lúc đầu anh ta làm việc tại một cửa hàng trong làng và sống cùng với mẹ. Sau đó anh ta tìm được việc làm ở thành phố và ra sống ở đó. Tên thành phố là Greensea, cách làng mẹ anh khá xa. Mẹ anh không thích lắm nhưng Geoff nói: "Mẹ ạ, ở nông thôn con không tìm được việc làm tốt. Ở Greensea con có thể kiếm ra nhiều tiền và hàng tuần con sẽ gửi tiền cho mẹ".

Chủ nhật tuần trước bà Harris rất bực mình. Bà lên tàu đi ra nhà con trai ở Greensea. Bà nói với anh: "Geoff, tại sao không bao giờ con gọi điện thoại cho mẹ?".

Geoff cười và nói: "Ôi, mẹ. Mẹ làm gì có điện thoại ở nhà".

Bà nói: "Tất nhiên là mẹ không có. Nhưng con có điện thoại cơ mà".

C. CHÚ THÍCH

1. "phone" viết tắt của "telephone"
2. It's quite a long way: cách xa.

D. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Mrs Harris's husband was dead.



- 2. Geoff went to live in Greensea. ☐
- 3. Geoff got less money in Greensea. ☐
- 4. Geoff had a phone. ☐
- 5. Geoff's mother had a phone. ☐
- 6. Geoff never phoned his mother. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

- 1. Where did Mrs Harris live?
- 2. Where did her son work?
- 3. Where did he go and work after that?
- 4. Was Mrs Harris happy about this?
- 5. What did Geoff say to her?
- 6. Where did Mrs Harris go last Sunday?
- 7. What did Mrs Harris do last Sunday?
- 8. What was Geoff's answer?
- 9. And what did Mrs Harris say to him then?

C. PUT ONE OF THESE IN EACH EMPTY PLACE

a long time a long way far long

- 1. Was the town... from Mrs Harris's village?

Yes, it was...

- 2. Did Geoff work in the village shop...?

No, he did not work there...

- 3. Did Geoff work in the town?

Yes, he worked there...

- 4. Was his house... from the station?

No, it was not...

A. Mr Robinson never went to a dentist, because he was afraid, but then his teeth began hurting a lot, and he went to a dentist. The dentist did a lot of work in his mouth for a long time. One the last day Mr Robinson said to him: "How much is all this work going to cost?". The dentist said: "Twenty-five pounds". But he did not ask him for the money.

After a month Mr Robinson phoned the dentist and said: "You haven't asked me for any money for your work last month".

"Oh", the dentist answered, "I never ask a gentleman for money".

"Then how do you live?", Mr Robinson asked.

"Most gentleman pay me quickly", the dentist said, "but some don't. I wait for my money for two months, and then I say: "That man isn't a gentleman, and then I ask him for my money".

B. Ông Robinson chưa bao giờ đi khám răng vì ông rất sợ. Nhưng đến lúc đau răng quá rồi ông đành phải đi khám. Bác sĩ nha khoa chữa rất nhiều lần. Vào ngày cuối cùng ông Robinson hỏi: "Tất cả những việc này hết bao nhiêu tiền thưa bác sĩ?".

Bác sĩ nói: "25 pao", nhưng ông không đòi tiền.

Sau đó một tháng ông Robinson gọi điện thoại cho bác sĩ và nói: "Tháng trước bác sĩ không yêu cầu tôi trả tiền chữa răng à?".

Bác sĩ trả lời: "Ồi tôi không bao giờ đòi tiền một người lịch sự cả?".

"Thế thì bác sĩ làm sao sống được?".

Bác sĩ nói: "Hầu hết những người lịch sự đều trả tiền tôi ngay. Chỉ có một số ít là không trả tiền thôi. Tôi chờ sau hai tháng mà tôi không thấy người ấy trả tiền thì tôi sẽ nói: "Người đó không phải là người lịch sự" và lúc đó tôi mới đòi tiền.

C. CHÚ THÍCH

- 1) To go to a dentist: đi chữa răng.
- 2) To ask somebody for something: yêu cầu ai một việc gì.

D. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Mr Robinson went to the dentist because his teeth hurt. ☐

2. The dentist wanted twenty-five pounds from Mr Robinson. ☐
3. Mr Robinson paid the money quickly. ☐
4. Mr Robinson phoned the dentist after a month. ☐
5. Most people paid the dentist quickly. ☐
6. The dentist waited for the money for three months. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. Why did Mr Robinson never go to dentist?
2. Why did he go to one after a long time?
3. What did Mr Robinson ask him then?
4. What did the dentist do?
5. What did Mr Robinson say to the dentist after a month?
6. What was the dentist's answer?
7. What did Mr Robinson ask then?
8. And what did the dentist say to him?

A. Bill likes football very much, and he often goes to matches in our town on Saturdays. He does not go to the best seats, because they are very expensive and he does not see his friends there.

There was a big football match in our town last Saturday. First it was very cold and cloudy, but then the sun shone, and it was very hot.

There were a lot of people on benches round Bill at the match. Bill was on one bench, and there was a fat man on a bench behind him. First the fat man was cold, but then he was very hot. He took his coat off and put it in front of him, but it fell on Bill's head. Bill was not angry. He took the coat off his head, looked at it and then smiled and said: "Thank you - but where are the trousers?".

B. Bill rất thích xem bóng đá. Chủ nhật anh thường ra thành phố xem các trận đấu. Anh không mua vé chỗ tốt nhất vì rất đắt và ở đó anh không gặp được bạn bè.

Chủ nhật tuần trước, thành phố có tổ chức một trận đấu lớn. Lúc đầu trời rất lạnh và nhiều mây, nhưng sau đó lại nắng và trời rất nóng.

Có nhiều người ngồi trên các ghế quanh Bill, Bill ngồi ở một ghế phía trước còn ngay đằng sau Bill là một người to béo. Lúc đầu ông béo thấy lạnh và sau đó lại rất nóng. Anh ta cởi áo để trước mặt nhưng nó rơi vào đầu Bill. Bill không tỏ ra bực tức gì cả. Anh nhắc áo ra ngấm nghĩa rồi mỉm cười và nói: "Cảm ơn anh, nhưng còn quần đâu?".

C. CHÚ THÍCH

- 1) on Sundays: - Chủ nhật nào cũng vậy
- Vào các ngày chủ nhật
- 2) Be at the match: xem thi đấu

D. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Bill plays in football matches in our town. ☐
2. He sits in the cheaper seats. ☐
3. His friends sit in the expensive seats. ☐
4. Last Saturday the weather was very hot, and then it was very cold and cloudy. ☐

5. The benches round Bill were almost empty. ☐
6. A fat man's coat fell on Bill's head. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. Where does Bill go on Saturday?
2. Why does he not sit in the best seats?
3. What weather did they have at the match last Saturday?
4. Who was behind Bill?
5. Why did the man take his coat off?
6. What happened to the coat?
7. Was Bill angry?
8. What did he say?

C. DRAW LINES FROM THE WORDS ON THE LEFT TO THE CORRECT WORDS ON THE RIGHT.

- | | |
|-------------------|---------------------------------------|
| 1. Bill | a. do not sit in the expensive seats. |
| 2. Bill's friends | b. dropped his coat on Bill. |
| 3. The best seats | c. sits in the cheaper seats. |
| 4. The fat man | d. was cold and then hot. |
| 5. The weather | e. were very expensive. |

A. George was sixty years old, and he was ill. He was always tired, and his face was always very red. He did not like doctors, but last month his wife said to him: "Don't be stupid, George. Go and see Doctor Brown".

George said: "No", but last week he was worse, and he went to the doctor.

Dr Brown examined him and then said to him: "You drink too much. Stop drinking whisky, and drink milk".

George liked whisky, and he did not like milk. "I'm not a baby!". He always said to his wife.

Now he looked at Dr Brown and said: "But drinking milk is dangerous, doctor".

The doctor laughed and said: "Dangerous? How can drinking milk be dangerous?".

"Well, doctor", George said, "it killed one of my best friends last year".

The doctor laughed again and said: "How did it do that?".

"The cow fell on him", George said.

B. Ông George đã 60 tuổi và rất yếu. Ông luôn luôn cảm thấy mệt mỏi, mặt luôn luôn đỏ. Ông không thích bác sĩ. Nhưng tháng trước vợ ông bảo: "George đừng có ngu ngốc như vậy. Đến bác sĩ Brown mà khám đi".

Ông George nói: "Không". Nhưng tuần trước ông lại thấy mệt mỏi hơn vì thế ông đi khám bệnh.

Bác sĩ Brown khám và bảo: "Ông uống rượu quá nhiều. Đừng uống wishky nữa. Hãy uống sữa đi".

George rất thích wishky. Ông không thích sữa. Ông thường bảo vợ: "Tôi không phải là một đứa trẻ".

Ông nhìn bác sĩ Brown và nói: "Thưa bác sĩ, uống sữa rất nguy hiểm".

Bác sĩ cười: "Nguy hiểm ư? Sao uống sữa lại nguy hiểm?".

Ông George cười và nói: "Sao lại thế được?".

Ông George trả lời: "Vì con bò ngã đè lên ông ấy".

C. CHÚ THÍCH

1. Worse là so sánh hơn, bất quy tắc của bad.

<i>Tính từ</i>	<i>So sánh hơn</i>	<i>So sánh nhất</i>
bad	worse	worst
good	better	best

2. Nhóm động danh từ dùng như một chủ ngữ.

V + ing. Ví dụ: Reading books

Drinking milk

Drinking milk is dangerous

D. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. George was always tired. ☐
2. George did not like going to doctors. ☐
3. George was ill because he drank too much whisky. ☐
4. George preferred drinking milk. ☐
5. George said: "Drinking milk is dangerous". ☐
6. George's friend died because he drank too much milk. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. Was George old, or young?
2. Why did he go to the doctor last week?
3. What did the doctor say to him?
4. What did George say to the doctor?
5. What did George answer?
6. What did George say then?
7. And what did the doctor ask him?
8. What was George's answer?

C. PUT ONE OF THESE IN EACH EMPTY PLACE

a lot a lot of many much

1. George drank... whisky, but his friends did not drink...
2. His friends did not drink... glasses of whisky in one evening, but George drank...
3. How... whisky did he drink?
4. How... glasses of whisky did he drink?

A. Mr White has a small shop in the middle of our town, and he sells pictures in it. They are not expensive ones, but some of them are quite pretty. Last Saturday a woman came into the shop and looked at a lot of pictures. Then she took Mr White to one of them and said: "How much do you want for this one? It was a picture of horse in a field"

Mr White looked at it for a few seconds and then went and brought his book. He opened it, looked at the first page and then said: "I want twenty pounds for that one".

The woman shut her eyes for a few seconds and then said: "I can give you two pounds for it".

"Two pounds?", Mr White said angrily, "Two pounds? But the canvas cost more than two pounds".

"Oh. but it was clean then", the woman said.

B. Ông White có một cửa hàng nhỏ bán tranh ảnh ở giữa thành phố. Ông bán loại tranh không đắt tiền nhưng một số tranh cũng rất đẹp. Thử bảy tuần trước một người phụ nữ vào cửa hàng ngắm một loạt tranh. Sau đó bà ta dẫn ông White đến gần một bức tranh, nói: "Bức tranh này ông bán bao nhiêu tiền?". Đó là bức tranh những con ngựa trên cánh đồng.

Ông White nhìn xem một lúc rồi quay đi lấy quyển sách mở trang đầu ra xem rồi nói: "Tôi bán 20 pao".

Người phụ nữ nheo mắt lại nói: "Tôi chỉ trả 2 pao thôi".

Ông White bực tức nói: "Hai pao, hai pao ư? Riêng tám vải đã mất hơn hai pao rồi bà ạ". Người phụ nữ nói: "Nhưng lúc đó nó hãy còn sạch".

C. CHÚ THÍCH

One (số ít) và Ones (số nhiều) là đại từ dùng để thay cho danh từ vừa mới nói ở trên để tránh nhắc lại.

D. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. The pictures in Mr White's shop were expensive. ☐
2. Last Saturday a woman came into the shop. ☐
3. She wanted a picture of flowers. ☐
4. The picture cost twenty pounds. ☐
5. The woman said: "I'll give four pounds for it". ☐

6. Mr White was angry.



B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. What does Mr White sell in his shop?
2. What picture does he sell?
3. What did a woman say to him last Saturday?
4. What did he do then?
5. And what did he say to the woman?
6. What did she answer?
7. And what did Mr White say then?
8. And what did the woman say?

A. Miss Green had a heavy cupboard in her bedroom. Last Sunday she said: "'I don't like this cupboard in my bedroom. The bedroom's very small, and the cupboard's very big. I'm going to put it in a bigger room". But the cupboard was very heavy, and Miss Green was not very strong. She went to two of her neighbours and said: "Please carry the cupboard for me". Then she went and made some tea for them.

The two men carried the heavy cupboard out of Miss Green's bedroom and came to the stairs. One of them was in front of the cupboard, and the other was behind it. They pushed and pulled for a long time, and then they put the cupboard down.

"Well", one of the men said to the other, "We're never going to get this cupboard upstairs".

"Upstairs?", the other man said, "Aren't we taking it downstairs?".

B. Trong phòng ngủ của cô Green có một cái tủ rất nặng. Chủ nhật tuần trước cô nói: "Tôi không thích để cái tủ này trong phòng ngủ. Buồng ngủ thì nhỏ mà tủ thì lớn. Tôi phải chuyển nó sang buồng to hơn". Nhưng tủ rất nặng mà cô Green thì chẳng khoẻ gì. Cô chạy sang nhà hai ông láng giềng: "Làm ơn chuyển giúp hộ tôi cái tủ". Cô đi pha trà mời họ.

Hai người khiêng cái tủ ra khỏi phòng ngủ của cô Green, đến cầu thang. Một người đứng trước tủ, một người đứng sau. Họ đẩy tủ đi một lúc lâu rồi dừng lại. Một người nói: "Này, chúng ta sẽ không đưa được cái tủ này lên gác đâu".

"Lên gác ư?", người kia nói, "Tôi lại cứ tưởng ta đang đưa nó xuống gác chứ".

C. CHÚ THÍCH

1) So sánh hơn của tính từ ngắn:

Big	Bigger
Heavy	Heavier

2) The bedroom's very small.

"s" ở đây không phải là sở hữu cách mà là cách viết tắt của "is".

D. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Miss Green's bedroom was very small.



2. She wanted the cupboard in a smaller room. ☐
3. Miss Green was not very strong. ☐
4. Two men carried the cupboard. ☐
5. They carried the cupboard upstairs. ☐
6. They carried the cupboard downstairs. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. Why didn't Miss Green like the cupboard in her bedroom?
2. What did she want it?
3. Why didn't she carry it there?
4. What did she say to two of her neighbours?
5. What did the neighbours do?
6. What did one of them say?
7. And what did the other man say?

C. OPPOSITES. PUT ONE WORD IN EACH EMPTY PLACE.

1. Miss Green's cupboard was not... it was heavy.
2. She did not want it in... room: she was....
3. Miss Green was not very strong: she was...
4. The men were not both in front of the cupboard, one was... it.
5. They did not push and pull for a... time: they did it for a long time.
6. One of the men was pushing the cupboard upstairs, but the other was pulling it...

A. Fred Williams worked in a factory with a lot of other men. They talked and laughed a lot, and at lunch time they sat together and read newspapers and laughed about the pictures in them.

Then Fred married. His wife, Betty, was very nice, but she liked better newspapers than Fred. Everyday a boy brought Fred's newspapers and Betty's newspapers to the house and Fred took his to the factory and left Betty's in the hall. Once or twice he looked at hers, but he did not like it, and sometimes in the evening he said to Betty: "Why do you read that paper? I hate it".

But last Monday Fred said to his wife: "There was something very nice in that newspaper yesterday".

Betty was happy. "Oh!", she said, "that's good, Fred. What was that?".

Fred laughed and said: "My friend Bill's lunch. He brought it to work in the newspaper".

B. Fred Williams làm việc ở một nhà máy cùng với nhiều người khác nữa. Họ hay nói chuyện cười đùa. Vào giờ ăn trưa họ cùng ngồi đọc báo và pha trò cười về những bức tranh trên báo.

Rồi Fred lấy vợ. Vợ anh là Betty, cô rất xinh, nhưng thích loại báo hay hơn. Ngày nào cũng có một cậu bé mang báo của Fred và của Betty đến nhà. Fred mang báo của anh đến nhà máy còn để báo của Betty lại trong phòng. Có một vài lần gì đó anh liếc qua báo của vợ, nhưng anh không thích. Thỉnh thoảng vào buổi tối anh nói với Betty: "Tại sao em lại đọc báo đó? Anh rất ghét".

Hôm thứ hai tuần trước, anh nói với vợ: "Trong tờ báo này hôm qua có một chuyện hay đấy".

Betty thấy rất vui. Cô nói "À, hay lắm anh Fred ạ. Chuyện gì cơ?".

Fred cười rồi nói "Bữa ăn trưa của Bill, bạn anh. Anh ta gói bữa trưa trong tờ báo ấy".

C. CHÚ THÍCH

Something là danh từ bất định, khác với loại danh từ khác, tính từ đi với nó đứng sau.

Hãy so sánh: a nice man
 something nice

D. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Fred's wife, Betty, like better newspapers than Fred. ☐

2. Everyday a boy brought two newspapers to Fred's house. ☐
3. Fred took Betty's newspaper to work. ☐
4. Fred hate Betty's newspaper. ☐
5. Fred read a nice story in Betty's newspaper. ☐
6. Fred saw a nice picture in Betty's newspaper. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. Where did Fred work?
2. What did the men do at lunch time?
3. Whom did Fred marry to?
4. What did Betty like?
5. What did Fred sometimes say about her newspaper? -
6. What did Fred say to her last Monday?
7. What did Betty answer?
8. And what did Fred say then?

A. Mrs Green was eighty, but she had a small car, and she always drove to the shops in it on Saturday and bought her food.

She did not drive fast, because she was old, she drove well and never hit anything. Sometimes her grand-children said to her: "Please don't drive your car, Grandmother. We can take you to the shops".

But she always said: "No, I like driving. I've driven for fifty years, and I'm not going to stop now".

Last Saturday she stopped her car at some traffic-lights because they were red, and then it did not start again. The lights were green, then yellow, then red, then green again, but her car did not start.

"What am I going to do now?", she said.

But then a policeman came and said to her kindly, "Good morning. Don't you like any of our colours today?".

B. Bà Green đã 80 tuổi nhưng bà vẫn có ô tô riêng. Vào ngày thứ bảy bà thường tự lái xe đến các cửa hàng mua thực phẩm.

Bà không lái nhanh vì đã già rồi nhưng bà lái rất giỏi, không bao giờ va quệt. Đôi khi các cháu bà lại nhắc: "Bà ơi, bà đừng lái xe nữa. Chúng cháu sẽ đưa bà đến cửa hàng".

Nhưng lần nào bà cũng nói: "Không, bà thích lái xe lắm. Bà đã lái 50 năm nay rồi, bây giờ bà không bỏ được đâu".

Thứ bảy tuần trước, bà dừng xe trước cột đèn giao thông vì lúc đó có đèn đỏ, nhưng rồi xe không nổ máy được nữa. Đèn xanh bật lên, rồi đèn vàng rồi đèn đỏ, lại đến đèn xanh nhưng bà vẫn không nổ được máy.

Bà nói: "Ta làm thế nào bây giờ đây?". Một người cảnh sát tiến đến, nói với bà một câu lịch sự "Xin chào cụ. Hôm nay cụ chẳng thích màu đèn nào của chúng cháu ư?".

C. CHÚ THÍCH

Các động từ đi sau động từ like phải ở dạng -ing.

Like + V-ing

D. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Mrs Green had a small car.



- 2. She always bought her food on Saturday. ☐
- 3. She did not drive well. ☐
- 4. She has driven for fifty years. ☐
- 5. Her grandchildren were happy when she drove her car. ☐
- 6. Mrs Green's engine did not start. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

- 1. Was Mrs Green old, or young?
- 2. How did she go to the shops?
- 3. Why did she drive slowly?
- 4. Why did she not go to the shops in her grandchildren's cars?
- 5. Why did she stop at the traffic-lights?
- 6. What did her car do then?
- 7. Who came and spoke to her?
- 8. What did he say?

C. WHAT WORDS IN THE STORY MEAN:

- 1. quickly
- 2. children's children
- 3. enjoy
- 4. not big
- 5. meat, fish, butter, eggs...
- 6. the day before Sunday
- 7. at this time
- 8. nicely

A. Mr and Mrs Taylor had one child. He was a boy, he was seven years old, and his name was Pat. Now, Mrs Taylor was expecting another child.

Pat had seen babies in other people's houses and had not liked them very much, so he was not delighted about the news that there was soon going to be one in his house too.

One evening Mr and Mrs Taylor were making plans for the baby's arrival. "This house won't be big enough for us all when the baby comes. I suppose we'll have to find a larger house and move to that" said Mr Taylor finally.

Pat had been playing outside, but he came into the room just then and said: "What are you talking about?".

"We were saying that we'll have to move to another house now, because the new baby's coming", his mother answered.

"It's no use", said Pat hopelessly, "He'll follow us there".

B. Ông bà Taylor có một đứa con. Đó là cậu con trai 7 tuổi tên là Pat. Bây giờ bà Taylor lại muốn có thêm một đứa con nữa.

Pat đã trông thấy bọn trẻ sơ sinh của các nhà khác và không thích bọn chúng lắm. cho nên khi nghe tin nhà mình cũng sắp có một đứa trẻ như vậy thì nó không vui lắm.

Một buổi tối, ông bà Taylor đang sắp đặt kế hoạch đón đứa trẻ. "Khi đứa bé ra đời nhà ta sẽ không còn đủ rộng nữa. Anh nghĩ ta phải tìm một ngôi nhà rộng hơn, dọn đến ở". Cuối cùng ông Taylor nói như vậy.

Pat đang chơi ở bên ngoài, vừa lúc đó bước vào. Nó hỏi: "Bố mẹ đang nói chuyện gì thế?". Bà mẹ trả lời: "Bố mẹ đang bảo là phải dọn đến một ngôi nhà khác thôi vì sắp có thêm một đứa bé nữa".

Pat thất vọng: "Chả có ích gì đâu mẹ ạ. Nó sẽ lại theo chúng ta đến đó".

C. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

- | | |
|---|--------------------------|
| 1. Mr and Mrs Taylor had a son. | <input type="checkbox"/> |
| 2. Pat was five years old. | <input type="checkbox"/> |
| 3. Mrs Taylor was going to have another baby. | <input type="checkbox"/> |
| 4. Pat did not like babies. | <input type="checkbox"/> |
| 5. Pat was not happy about the new baby. | <input type="checkbox"/> |
| 6. Mr and Mrs Taylor lived in large house. | <input type="checkbox"/> |

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. Did Pat have any brothers or sisters at the beginning of this story?

2. Why was he not happy to hear that his mother was expecting a baby?

3. What did his father say one evening about the baby's arrival?

4. Where was Pat when his father said this?

5. What did he do?

6. What did he ask?

7. What did his mother answer?

8. What did Pat answer?

C. WRITE THIS STORY, PUT ONE WORD IN EACH EMPTY PLACE. YOU WILL FIND ALL THE CORRECT WORDS IN THE STORY.

Before Mr Taylor married, he lived in a very small flat, but when he married, it was no... trying to live there with a wife, so he had to... to a flat. He was... to have a lot of trouble finding one, so he was... when he found one easily. Then he had to make... for moving his furniture. He also ordered more from a shop in a town, but he had to wait a month for its.... because it had to come from the North of England, I... he was lucky to have to wait only one month. Some people wait... month after month, and finally give up.

A. An important businessman went to see a doctor because he could not sleep at night. The doctor examined him carefully and then said to him: "Your trouble is that you need to learn to relax. Have you got any hobbies?"

The businessman thought for a few moments and then said: "No, doctor, I haven't. I don't have any time for hobbies?"

"Well", the doctor answered, "that is your main trouble you see. You don't have time for anything except your work. You must find some hobbies, and you must learn to relax with them, or you'll be dead in less than five years. Why don't you learn to paint pictures?"

"All right, doctor", the businessman said. "I'll try that".

The next day he telephoned the doctor and said: "That's was a very good idea of yours, doctor. Thank you very much. I've already painted 15 pictures since I saw you".

B. Một thương gia quan trọng đi khám bệnh vì ông ta không ngủ được. Bác sĩ khám cho ông rất cẩn thận rồi nói: "Có điều là ông phải học cách nghỉ ngơi. Ông có sở thích gì khác không?".

Ông ta nghĩ một lúc rồi nói: "Thưa bác sĩ tôi không có sở thích gì. Mà tôi cũng chẳng có thời gian nữa cơ".

Bác sĩ trả lời: "À đấy, bệnh của ông là ở chỗ đó, thấy không? Ông chẳng có thời gian làm gì khác ngoài công việc. Ông phải tìm cho ra sở thích của mình và học cách nghỉ ngơi bằng những sở thích đó, nếu không ông sẽ không sống nổi đến 5 năm nữa. Thế tại sao ông không học vẽ?".

Thương gia đó nói: "À phải đấy, thưa bác sĩ tôi sẽ học vẽ".

Ngày hôm sau ông ta gọi điện thoại cho bác sĩ: "Thưa bác sĩ, ý của bác sĩ rất hay. Xin cảm ơn. Từ lúc tôi gặp bác sĩ đến giờ tôi đã vẽ được 15 bức tranh".

C. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. The businessman wanted to sleep less at night. ☐
2. The businessman had trouble in sleeping at night because he did not relax enough. ☐
3. The businessman did not have any hobbies, because he wanted to relax when he was not busy. ☐

4. The doctor said that he would be dead in five years unless he learned some hobbies and relaxed while he was doing them. ☐

5. The doctor advised him not to do anything except his work, or he would be dead in less than five years. ☐

6. The businessman started a hobby, but he did not relax while he was doing it. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. Why did the businessman go to his doctor?

2. What did the doctor tell him? (He told him that...)

3. What did the businessman answer?

4. What did the doctor say was the businessman's main trouble?

5. What did he advise him to do?

6. What did he say would happen if he did not follow his advice?

7. What did the businessman answer?

8. What did he tell the doctor the next day on the telephone?

A. Mary's mother was nearly seventy, and Mary and her husband wanted to give the old lady a nice birthday present. She liked drinking tea, so Mary ordered an electric machine which made the tea and then woke you up in the morning. She wrapped it up in pretty paper and brought it to her mother on her birthday. Then her mother opened the package. Mary showed her how to use it.

"Before you go to bed, put the tea in the pot and the water in the kettle", she explained to the old lady, "and don't forget to switch the electricity on. Then, when you wake up in the morning, your tea will be ready".

After a few days, Mary's mother rang up and said: "Perhaps I'm being rather silly, but there's one thing I'm confused about: Why do I have to go to bed to make the tea".

B. Mẹ Mary đã gần 70 tuổi. Hai vợ chồng cô muốn tặng mẹ già một món quà sinh nhật thật đẹp. Biết bà thích uống trà nên Mary đặt mua một ấm điện vừa đun trà vừa báo thức. Cô ta gói vào giấy rất đẹp và mang đến tặng mẹ cô vào ngày sinh nhật. Mẹ cô mở gói giấy ra. Mary chỉ dẫn cho mẹ cách dùng, cô ta giải thích: "Trước khi đi ngủ, mẹ bỏ ít trà và đổ nước vào siêu. Đừng quên bật điện mẹ nhé. Sáng dậy mẹ sẽ có trà uống ngay".

Sau đó vài ngày, mẹ Mary gọi điện thoại cho cô và nói: "Có lẽ mẹ hơi ngớ ngẩn nhưng thực tình có một điều mẹ thấy lúng túng: Tại sao mẹ lại cứ phải đi ngủ để đun trà?"

C. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Mary's mother was old. ☐
2. She did not like tea very much. ☐
3. Mary sent her mother a nice present by post. ☐
4. The machine switched itself on in the morning. ☐
5. The kettle did not need electricity. ☐
6. Mary's mother thought she could only make the tea when she was in bed. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. How old was Mary's mother?
2. What did Mary and her husband buy her mother?
3. Why did they choose this to her?
4. What could the machine do?
5. What happened when Mary brought her mother the present?
6. What did Mary tell her mother?
7. What did Mary's mother do a few days later?
8. What did she tell Mary on the telephone?

A. Mr Grey was a manager of a small office in London. He lived in the country and came up to work by train. He liked walking from the station to his office unless it was raining because it gave him some exercise.

One morning he was walking along the street when a stranger stopped him and said to him: "You may not remember me, sir, but seven years ago I came to London without a penny in my pockets. I stopped you in this street and asked you to lend me some money, and you lent me five pounds, because you said that you were willing to take a chance so as to give a man a start on the road to success".

Mr Grey thought for a few moments and then said: "Yes I remember you. Go on with your story".

"Well", answered the stranger, "Are you still willing to take a chance?"

B. Ông Grey là một trưởng phòng của một công sở ở London. Ông sống ở nông thôn và đi làm bằng tàu hỏa. Ông thích đi bộ từ nhà ga đến công sở trừ những hôm trời mưa. bởi vì đi bộ như vậy coi như tập thể dục.

Vào một buổi sáng trong khi ông đang đi bộ dọc theo đường phố, một người lạ mặt chặn ông lại và nói: Thưa ngài, chắc ngài không nhớ tôi. Cách đây 7 năm tôi đến London, không một đồng xu dính túi. Tôi ngăn ngài lại ở ngoài phố và xin ngài cho tôi mượn một ít tiền. Ngài đã cho tôi vay 5 pao và nói rằng ngài cũng muốn có cơ hội để giúp cho một người nào đó một sự khởi đầu để tiến tới thành công".

Ông Grey nghĩ một lúc rồi nói: "À đúng, tôi đã nhớ ra ông rồi. Kể tiếp chuyện đi".

Người lạ mặt nói: "Vâng, bây giờ ông có muốn có cơ hội như vậy không?"

C. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Mr Grey only walked to his office when the weather was good. ☐
2. He walked because he was poor. ☐
3. He had helped the stranger some years before. ☐
4. He had been willing to take a chance because he wanted to help the man. ☐
5. The stranger had been successful since then. ☐

6. Now she wanted to give Mr Grey his money back. □

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. Where did Mr Grey work?
2. How did he get from his home to his office?
3. Why didn't he go from the station to his office by bus everyday?
4. What happened to him one day in the street?
5. What did the stranger say?
6. What did Mr Grey answer?
7. And what did the stranger ask then?

C. ANSWER THESE QUESTIONS

1. What did the stranger say to Mr Grey? Begin your answer with the words: "The stranger told Mr Grey that he...".
2. What did Mr Grey answer? Begin your answer with the words: "Mr Grey said that..."
3. What did the stranger say then? Begin your answer with the words: "The stranger asked him whether....".

A. During the Second World War it was difficult to travel by plane because the seats were needed for important government and army people.

Mr Brown worked for the government during the war. He was a civilian, and he was doing very secret work, so nobody was allowed to know how important he was except very few people.

One day he had to fly to Edinburgh to give a lecture to a few top people there, but an important army officer came to the airport at the last minute, and Mr Brown's seat was given to him, so he was not able to fly to the city to give his lecture.

It was not until he reached the city that the important officer discovered that the man whose seat he had taken was the one whose lecture he had flown to the city to hear.

B. Trong chiến tranh thế giới lần thứ hai việc đi lại bằng máy bay rất khó khăn vì chỗ thường dành cho những người quan trọng trong chính phủ và quân đội.

Ông Brown làm việc cho chính phủ trong thời gian chiến tranh. Ông là nhân viên dân sự nhưng đảm nhận những việc bí mật. Trừ một số người còn không ai biết ông quan trọng tới mức nào.

Một hôm ông phải bay đến Edinburgh để giảng bài cho một số người đứng đầu ở đó. Nhưng đến phút cuối cùng có một viên sĩ quan quan trọng trong quân đội ra sân bay. Chỗ của ông Brown phải nhường lại cho người đó, cho nên ông không thể bay đến thành phố đó để giảng bài được.

Mãi tới khi đến thành phố ấy, viên sĩ quan quan trọng kia mới phát hiện ra rằng cái người dân ông mà anh ta lấy tranh chỗ chính là người giảng bài mà anh ta phải bay đến để nghe.

C. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. It was difficult for government and army people to find seats on plane during the Second World War. ☐
2. Mr Brown was an important person. ☐
3. He wanted to go to Edinburgh by plane one day. ☐
4. His seat was given to somebody else because he was late. ☐

5. The important officer went to Edinburgh to give a lecture. ☐

6. The important officer arrived in time for Mr Brown's lecture because he went by plane. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. Why did ordinary people find it difficult to go by plane during the Second World War?

2. Whom did Mr Brown work for?

3. Was he in the army?

4. What work did he do?

5. Why were only very few people allowed to know how important he was?

6. Why did he have to fly somewhere one day?

7. Why didn't he manage to get there?

8. What did the important officer find out when he got to the city?

A. Peter Judd joined the army when he was eighteen, and for several months he was taught how to be a good soldier. He did quite well in everything except shooting. One day he and his friends were practising their shooting, and all of them were doing quite well except Peter. After he had shot at the target nine times and had not hit it once, the officer who was trying to teach the young soldiers to school said: "You're quite hopeless, Peter! Don't waste your last bullet too! Go behind the wall and shoot yourself with it".

Peter felt ashamed. He went behind the wall, and a few seconds later the officer and the other young soldiers heard the sound of a shot.

"Heavens!", the officer said, "has that silly man really shot himself?"

He ran behind the wall anxiously, but Peter was all right. "I'm sorry, sir", he said, "but I missed again".

B. Peter Judd gia nhập quân đội vào năm 18 tuổi. Trong mấy tháng đầu người ta huấn luyện anh trở thành một người lính giỏi. Anh học môn gì cũng giỏi trừ môn bắn súng. Một hôm anh và đồng đội tập bắn, ai bắn cũng tốt trừ Peter. Anh nhằm mục tiêu bắn 9 lần nhưng không trúng được một viên. Viên sĩ quan dạy bắn nói rằng:

"Peter, anh thật là vô vọng! Thôi đừng bắn phí viên đạn cuối cùng nữa. Đi ra sau tường kia và dùng viên đạn đó mà tự bắn vào mình".

Peter xấu hổ quá. Anh đi ra sau tường. Một vài giây sau viên sĩ quan và các lính trẻ kia nghe thấy một tiếng súng.

Viên sĩ quan nói "Trời ơi! Thành phần độn ấy tự bắn mình thật à?".

Ông lo lắng chạy ra phía sau tường, nhưng Peter không bị sao cả.

Anh nói: "Tôi xin lỗi, tôi lại bắn trượt".

C. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Peter was good at everything. ☐
2. Peter was not good at shooting. ☐
3. A lot of other soldiers were bad at shooting too. ☐
4. One of Peter's nine bullets hit the target. ☐
5. The officer was not pleased with him. ☐
6. The officer thought that Peter had shot himself. ☐

91

A. Mr Richards worked in a small seaside town, and he and his wife had a comfortable house near the sea. During the winter they were quite happy there, but every summer a lot of their relatives used to want to come and stay with them, because it was a nice place for a holiday, and it was much cheaper than staying in a hotel.

Finally on June Mr Richards complained to an interlligent friend of his who lived in the same place. "One of my wife's cousins intends to bring her husband and children and spend ten days with us next month again. How do you prevent all your relatives coming to live with you in summer?"

"Oh", the friend answered, "that isn't difficult, I just borrow money from all the rich ones, and lend it to all the poor ones. After that, none of them come again".

B. Ông Richards làm việc tại một thành phố nhỏ bên bờ biển. Hai vợ chồng ông ở một ngôi nhà khang trang gần bờ biển. Vào mùa đông họ ở đó rất vui vẻ, nhưng vào mùa hè rất nhiều họ hàng bạn hữu muốn đến ở nhờ vì đó là một nơi nghỉ ngơi rất tốt, và ở đó rẻ hơn ở khách sạn nhiều.

Rồi đến một lần vào tháng 6, ông Richards phàn nàn với ông bạn sống ở trong cùng khu đó. "Tháng sau cô em họ nhà tôi muốn đưa chồng con đến ở với chúng tôi 10 ngày. Thế anh làm cách nào mà ngăn được người quen đến ở với anh vào mùa hè".

Ông bạn trả lời: "Ồi, chẳng có gì là khó cả. Tôi cứ hỏi vay tiền của những người giàu có, rồi lại cho những người nghèo vay lại. Thế là chẳng ai đến đây nữa".

C. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Mr and Mrs Richards did not have many relatives. ☐
2. Mr and Mrs Richards often went to stay with their relatives in the summer. ☐
3. Mrs Richards's cousin decided to visit them. ☐
4. Mr Richards was not at all happy about this. ☐
5. A friend of his told him how to stop visitors. ☐
6. He borrowed money from his poor relatives, and lent money to his rich ones. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. Where did Mr and Mrs Richards live?
2. What was their house like?
3. Why were they happier in winter than in summer?
4. Why did their relatives want to visit them?
5. Who did Mr Richards ask for advice them?
6. What did he say to him?
7. And what did his friend answer?
8. Why did the friend's relatives not want to visit him again?

C. PUT ONE WORD IN EACH EMPTY PLACE. YOU WILL FIND ALL THE WORDS IN THE STORY.

George liked the sea. so he lived in a house at the... His parents and a lot of his other.... lived near him. George's chairs were very hard. so they were not very... to sit on... one day his mother... about this, saying: "I wish you had some softer chairs, George". But his father laughed and answered: "George is an... man: he had hard chairs because he... to ... people... too long when they come to visit him! When he wants a soft chair, he can... it from our house.

A. Mrs Scott bought a new house last year. The walls of the rooms had been painted a short time before, and Mrs Scott liked the colour, but the person who had sold her the house had taken the curtain with him, so Mrs Scott had to buy new ones, and of course she wanted to buy ones whose colour would go with the walls of her rooms. She discovered that her comb was exactly the same colour as these walls, so she always took it with her whenever she went to look for cloth for curtains.

In one shop she showed the shopkeeper the comb and then looked at various cloth for curtains for half an hour with him, until he got tired and said to her. "Madam, wouldn't it be easier just to buy some cloth you like, and then find a new comb to go with that?"

B. Năm ngoái bà Scott mua một ngôi nhà mới. Trước khi mua ít lâu các phòng đều được quét vôi lại. Bà Scott rất thích màu vôi đỏ. Nhưng người bán nhà cho bà đã mang hết các tấm rèm cửa đi, cho nên bà Scott phải mua rèm cửa mới. Bà rất muốn mua rèm cửa hợp với màu tường. Bà phát hiện ra là cái lược của bà có cùng màu với màu tường, cho nên cứ đi mua vải rèm ở đâu là bà đều mang cái lược đi theo.

Một hôm đến một cửa hàng, bà và người bán hàng cùng đi chọn vải. Một lúc sau anh ta thấy một quả, anh nói: "Thưa bà, thế thì tốt nhất là bà mua một mảnh vải có màu bà thích, sau đó tìm mua một chiếc lược cùng màu, thế có hơn không?".

C. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. When Mrs Scott bought her new house, she did not have the walls painted. ☐

2. She kept the curtains whose colour was rather like the walls. ☐

3. She liked curtains whose colour was very different from the walls. ☐

4. Her comb and the curtains were the same colour. ☐

5. Her comb and the walls were the same colour. ☐

6. One shopkeeper suggested that she should get a comb of a different colour instead of the cloth like the comb. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. Why did Mrs Scott not want to have the walls of her new house painted?
2. Why did she have to buy new curtains?
3. What kind of curtains did she want?
4. Why did she take her comb with her when she went looking for cloth?
5. What happened in one shop?
6. How did the shopkeeper feel after sometime?
7. What did he say to Mrs Scott?
8. Why couldn't Mrs Scott follow his advice?

A. Helen lived with her sister Mary. Both of them were about seventy-five years old, and neither of them had ever married. They had a small old car, and when they wanted to go somewhere, which they did very rarely. Mary always drove, because her eyes were better.

One weekend they drove to a large town to look at some things which they had read about in the newspaper. Neither of them had been to that town before.

They were driving along in a lot of traffic when they turned right into a street which cars were not allowed to go into. There was a policeman there, and he blew his whistle, but Mary did not stop, so he got on his motorcycle and followed them.

After he had ordered them to stop, he said: "Didn't you hear me blow my whistle?"

"Yes, we did", admitted Mary politely, "But Mummy told us never to stop when men whistle at us".

B. Helen sống với bà chị là Mary. Cả hai đều khoảng 75 tuổi và cả hai cùng chưa lấy chồng lần nào. Họ có một chiếc ô tô cũ nhỏ. Rất ít khi họ đi đâu nhưng cứ khi nào có việc đi, Mary đều lái xe cả vì mắt bà tốt hơn.

Một hôm cuối tuần, họ đến một thành phố lớn để xem một số thứ mà họ đã đọc thấy quảng cáo trên báo. Cả hai cùng chưa đến thành phố đó bao giờ.

Họ lái xe theo dòng xe cộ rồi rẽ tay phải vào một phố cấm ô tô qua lại. Người cảnh sát đứng ở góc phố huýt còi gọi lại, nhưng bà Mary không dừng xe. Người cảnh sát nhảy lên mô tô đuổi theo.

Sau khi ra lệnh cho xe dừng, anh ta nói: "Bà không nghe thấy tôi huýt còi sao?".

Mary nhận lỗi một cách lịch sự: "Có ạ. Nhưng tôi nhớ lời mẹ tôi dặn là khi bọn đàn ông huýt còi thì đừng có dừng lại".

C. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Helen and Marry were sisters. ☐
2. They were quite young. ☐
3. They were both married. ☐
4. Mary drove their car. ☐
5. A policeman tried to stop her one day. ☐
6. She did not stop because she did not hear him blow his whistle. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. Where did Mary and Helen drive one day?
2. What did they do in the town?
3. What did the policeman do?
4. And what did Mary do?
5. What did the policeman do then?
6. What did he say to Mary when he stopped her?
7. And what did Mary answer?
8. Had her mother really meant that she should not stop when a policeman blew his whistle?

C. FIND WORDS IN THE STORY WHICH MEAN ABOUT THE SAME AS:

1. at any time
2. big
3. cars, buses, vans, etc...
4. confessed
5. got husbands
6. Mother
7. not rudely
8. Saturday or Sunday
9. seldom
10. told
11. went after

A. In England nobody under the age of eighteen is allowed to drink in a public bar.

Mr Thompson used to go to a bar near his house quite often, but he never took his son, Tom, because he was too young. Then when Tom had his eighteen birthday. Mr Thompson took him to his usual bar for the first time. They drank for half an hour, and then Mr Thompson said to his son: "Now, Tom, I want to teach you a useful lesson. You must always be careful not to drink too much. And how do you know when you've had enough? Well, I'll tell you. Do you see those two lights at the end of the bar? When they are seen to have become four, you've had enough and should go home".

"But, Dad", said Tom, "I can only see one light at the end of the bar".

B. Ở nước Anh, bọn trẻ dưới 18 tuổi không được phép uống rượu tại các quán rượu.

Ông Thompson thường hay đến quán rượu gần nhà, nhưng không bao giờ đưa con trai đi cả vì nó còn nhỏ tuổi quá. Đến hôm sinh nhật Tom 18 tuổi, ông Thompson dẫn cậu đến quán rượu ông thường đến. Hai bố con uống với nhau khoảng nửa giờ. ông Thompson nói với con: "Tom này, tao muốn dạy cho mày một bài học hữu ích. Mày phải cẩn thận đấy đừng bao giờ uống quá độ. Thế mày có biết uống đến mức nào gọi là đủ không? Ừ, tao sẽ bảo cho. Mày có trông thấy hai cái đèn ở đằng cuối quán kia không? Khi nhìn thấy chúng biến thành bốn, thế thì là đủ và nên về thôi".

Tom nói: "Nhưng thưa bố, con thấy chỉ có một cái đèn đỏ thôi ạ".

C. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. When Tom was under eighteen, his father took him to a public bar. ☐
2. It was the first time that he had taken him to his usual bar. ☐
3. There was one light at the end of the bar. ☐
4. Mr Thompson wanted to teach Tom not to drink too much. ☐

5. Mr Thompson thought he saw four lights. ☐

6. Tom only saw two. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. Who can drink in public bars in England?

2. Why did Mr Thompson not take Tom to his usual bar for a long time?

3. When did he take him?

4. What did they do there?

5. What did Mr Thompson say then?

6. And what did Tom answer?

7. Who had had enough to drink, Tom or his father?

8. How did Tom know this?

A. Mr and Mrs Davis had four children. One Saturday Mrs Davis said to her husband: "The children haven't got any lessons today, and you're free too. There's a fun-fair in the park. Let's all go".

Her husband was doubtful about this. "I want to finish some work", he said.

"Oh, forget about it and come to the fair", his wife said.

So Mr and Mrs Davis took the children to the fun fair. Mr Davis was forty-five years old, but he enjoyed the fun-fair more than the children. He hurried from one thing to another, and ate a lot of sweets and nuts.

One of children said to her mother: "Daddy's behaving just like a small child, isn't he, Mummy?".

Mrs Davis, was quite tired of following her husband around by now, and she answered: "He's worse than a small child, Mary, because he's got his own money!".

B. Ông bà Davis có 4 đứa con. Vào một ngày thứ bảy bà Davis nói với chồng: "Hôm nay bọn trẻ không phải đến trường, mà ông cũng rỗi rãi, ở công viên hiện nay có trò vui, ta đi đi".

Chồng bà hơi nghi ngờ. Ông nói: "Tôi có việc phải làm xong đã".

"Thôi, quên việc đi, đi chơi đã". Bà nói.

Ông bà Davis đưa bọn trẻ ra hội vui. Ông Davis đã 45 tuổi nhưng ông tham gia vào hội vui còn sôi nổi hơn bọn trẻ con. Ông cứ chạy hết trò chơi nọ sang trò chơi kia, ăn rất nhiều hạt và kẹo.

Một đứa con nói với mẹ: "Bố trông như một đứa trẻ con ấy mẹ nhỉ".

Lúc này bà Davis chạy theo chồng cũng đã mệt nhoài. Bà nói: "Còn tôi hơn cả một đứa trẻ nữa, Mary ạ, vì bố con có tiền riêng".

C. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Mr Davis and his children did not work on Saturday. ☐

2. Mr Davis was eager to go to the fun-fair, but his wife was not. ☐

3. The children enjoyed the fun-fair, but Mr Davis did not. ☐

4. He behaved like a small child. ☐

5. Mrs Davis got tired. □

6. Mr Davis did not like the fun fair because he was a rich man and wanted something better than that. □

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. How many children did Mr and Mrs Davis have?

2. Where did Mrs Davis suggest that they should take them?

3. How did Mr Davis feel about this?

4. What did he say?

5. What did his wife answer?

6. What did he do at the fair?

7. ~~What~~ did one of the children say about him?

8. What did Mrs Davis answer?

A. Mr Jones bought something from a big shop last month and when he got the bill a few days ago, he thought that there was a mistake in it, so he telephoned the shop and asked to speak to the Accounts Department: "Who do you want to speak to in the Accounts Department?" the telephone operator asked.

"It doesn't matter to me", Mr Jones answered. He did not know the names of any the people who worked there. He heard nothing for a few seconds and then the operator said: "Hullo, you wanted to speak to someone in the Accounts Department, didn't you?".

"Yes, that's right". Mr Jones answered.

"Would you like to speak to Mr Hankinson?", the operator said.

"Yes, that'll be all right". Mr Jones said patiently, "It doesn't matter who I speak to"..

"I'm sorry", the operator answered, "But Mr Hankinson isn't in today".

B. Tháng trước ông Jones mua một số thứ ở một cửa hàng lớn. Cách đây mấy hôm khi nhận phiếu thanh toán ông nghĩ rằng chắc họ tính nhầm gì đây. Ông gọi điện thoại đến cửa hàng xin nói chuyện với phòng tài vụ. Người trực điện thoại hỏi: "Thưa ông, ông muốn nói chuyện với ai trong phòng tài vụ?".

Ông Jones trả lời: "Ai cũng được". Ông không biết tên của những người làm trong phòng đó. Ông không nghe thấy ai trả lời nhưng rồi người trực hỏi lại: "A lô, ông muốn nói chuyện với một người nào đó trong phòng tài vụ phải không ạ!".

Ông Jones trả lời: "Vâng".

"Ông muốn nói chuyện với ông Hankinson ạ?"

Ông Jones kiên nhẫn nói: "Vâng, thế cũng được. Tôi nói chuyện với ai cũng được".

Người trực điện thoại trả lời: "Tôi xin lỗi, ông Hankinson hôm nay không đến".

C. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Mr Jones got a bill from a big shop. ☐
2. he belived that the bill was wrong. ☐
3. He only knew Mr Hankinson in the Accounts Department. ☐
4. The telephone operator tried to get Mr Hankinson for him. ☐

5. Mr Hankinson was not in the Accounts Department that day. ☐
6. The telephone operator helped Mr Jones a lot. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. Why did Mr Jones telephone the big shop?
2. What did the telephone operator ask him?
3. What did he answer?
4. What did Mr Jones say?
5. What did the operator ask him then?
6. What did Mr Jones answer?
7. And what did the operator say?

A. Mr Hodge was a chicken farmer. He had hundreds of chickens, and sold the eggs and the meat and got quite a lot of money for them, but he lived in a very hot part of the country, and he found that his hens laid hardly any eggs in the summer. So he decided to put air-conditioning into his chicken-house so that the hens would lay well through the year and he could get more eggs and in that way earn more money.

The owner of the company which sold the air conditioning came to see him, and when he saw Mr Hogde's house, he thought that he might be able to persuade him to buy some air- conditioning for that too.

"Your wife would be much happier and more comfortable then", he said to Mr Hodge. But Mr Hodge was not interested.

"My wife doesn't lay eggs", he said.

B. Ông Hodge là người chăn nuôi gà. Ông có hàng trăm con gà. Bán trứng và thịt gà, ông kiếm được khá nhiều tiền. Nhưng vì nơi ông ở là một vùng đất khí hậu nóng cho nên ông thấy gà hầu như không đẻ trứng vào mùa hè. Vì thế ông quyết định đặt máy điều hoà nhiệt độ vào chuồng gà hy vọng gà sẽ đẻ trứng nhiều quanh năm, ông sẽ thu hoạch được nhiều trứng hơn, kiếm được nhiều tiền hơn.

Người chủ công ty bán máy điều hoà nhiệt độ đến gặp ông. Khi trông thấy nhà của ông Hodge, ông ta nghĩ có thể thuyết phục ông Hodge mua thêm máy điều hoà nhiệt độ để lắp vào trong nhà.

Ông nói với ông Hodge: "Vợ ông sẽ thấy vui hơn và thoải mái hơn". Nhưng ông Hodge không có vẻ thích thú lắm.

Ông nói: "Vợ tôi không đẻ trứng".

C. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Mr Hodge's chickens laid a lot of eggs when the weather was hot. ☐
2. Mr Hodge wanted air-conditioning for his chickens. ☐
3. The owner of the air-conditioning company sent a man to see Mr Hodge. ☐
4. The owner of the company wanted to sell as much air-conditioning as possible. ☐
5. Mr Hodge agreed to have air-conditioning to his house too. ☐
6. Air-conditioning in his house would not bring him more money. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. What work did Mr Hodge do?
2. How did he earn his money?
3. Why did he not get so much money in the summer?
4. Where did he decide to put air-conditioning?
5. Why did he decide this?
6. What did the owner of the air-conditioning company hope to do?
7. What reason did he give for having air-conditioning in the house?
8. What did Mr Hodge answer?

C. WRITE THESE SENTENCES. CHOOSE THE CORRECT WORD OR WORDS TO PUT IN. THE WORDS ARE: could be earned, could earn, did not lay, put, sold, suggested, was put, was suggested, were laid, were sold.

1. Mr Hodge... eggs and meat in the market.
2. Mr Hodge's eggs and meat..... in the market.
3. The chickens... many eggs in summer.
4. Not many eggs... in summer.
5. Mr Hodge... more money if he had air-conditioning.
6. The owner of the company... air-conditioning for the house too.
7. Air-conditioning for the house too... by the owner of the company.
8. Mr Hodge only.... air-conditioning in his chicken house.
9. Air-conditioning... only in Mr Hodge's chicken-house.

A. George Banks was a clever journalist. He worked for a good newspaper, and he liked arguing very much. He argued with anybody, and about anything. Sometimes the people whom he argued with were as clever as he was, but often they were not.

He did not mind arguing with stupid people at all: he knew that he could never persuade them to agree because they could never really understand what he was saying, and the stupider they were, the surer they were that they were right; but he often found that stupid people sometimes said very amusing things.

At the end of one argument which George had with one of these less clever people, the man said something which George has always remembered and which has always amused him. It was: "Well, sir, you should never forget this, there are always three answers to every question: your answer, my answer, and the correct answer".

B. George Banks là một nhà báo khôn khéo. ông làm việc cho một tòa báo có tiếng và ông rất thích tranh luận. Ông tranh luận với mọi người, về mọi vấn đề. thỉnh thoảng có người ông cùng tranh luận cũng khôn ngoan như ông nhưng phần lớn các người khác thường không bằng.

Ông thấy tranh luận với những người ngu ngốc cũng chẳng sao. Ông biết không bao giờ thuyết phục được loại người này đồng ý với mình, bởi vì chẳng bao giờ họ thực sự hiểu được ông đang nói gì. Họ càng ngu ngốc bao nhiêu họ càng dễ tin là họ đúng bấy nhiêu. Nhưng ông cũng phát hiện ra một điều là những người ngu ngốc đôi khi cũng nói ra được những điều thú vị.

Trong một cuộc tranh luận với một người kém thông minh, cuối cùng người đó nói ra một điều mà George nhớ mãi và làm ông thích thú mãi. Anh ta nói rằng: "Thưa ngài, không bao giờ ngài nên quên điều này: Câu hỏi nào cũng có 3 câu trả lời, câu trả lời của ông, của tôi và câu trả lời đúng".

C. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. George only argues with people who were less clever than he was. ☐
2. Stupid people understood what he said, because he spoke very clearly. ☐
3. Stupid people believed that they were always right. ☐

- 4. George was sometimes amused by stupid people. ☐
- 5. The stupid man thought that both he and George were wrong. ☐
- 6. George soon forgot what this man had said. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

- 1. What was George's job?
- 2. What did he work for?
- 3. What was his hobby?
- 4. Why did he not mind arguing with stupid people?
- 5. How did he enjoy that?
- 6. What did one stupid person say to George?
- 7. What did George think of this answer?

C. FIND WORDS IN THE STORY WHICH MEAN ABOUT THE SAME AS

- 1. correct
- 2. funny
- 3. intelligent
- 4. less doubtful
- 5. made (him) laugh
- 6. made (them) believe
- 7. out to
- 8. person who writes for newspaper
- 9. talking against other people.

A. Pat came over from Ireland to England with his wife one year to find work. He got quite a good job with a building company, and as he did not drink or smoke, he saved up quite a lot of money.

His wife's parents were still in Ireland, and one day she got a telegram to say that her mother was ill, so Pat gave her some money and she went to Ireland to see her.

After a week, Pat wanted to write a letter to her, but he could not read or write very well, so he went to his priest and asked him to do it for him. Pat told the priest what he wanted to say, and the priest wrote it down. After a few minutes Pat stopped, and the priest said: "Do you want to say any more?"

"Only, Please excuse the bad writing and spelling", Pat said.

B. Vào một năm, Pat cùng với vợ rời Ireland đến nước Anh tìm việc. Anh xin được một việc rất tốt trong công ty xây dựng. Anh không hút thuốc lá, không uống rượu cho nên dễ dàng được rất nhiều tiền.

Bố mẹ vợ anh vẫn còn ở Ireland. Một hôm vợ anh nhận được điện báo mẹ ốm nặng. Pat đưa vợ một ít tiền và cô ta trở về Ireland.

Sau đó một tuần, Pat muốn viết thư cho vợ, nhưng anh đọc viết chưa thạo, cho nên anh gặp một vị cố đạo nhờ viết thư hộ. Pat nói điều mình muốn viết và người cố đạo viết hộ thư. Một vài phút sau Pat dừng lại. người cố đạo hỏi: "Ông muốn nói gì nữa không?".

Pat nói: "Viết thêm: Xin lỗi vì chữ xấu và sai chính tả".

C. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Pat brought his wife to England with him. ☐
2. He did not spend all his money. ☐
3. His mother-in-law came to England too. ☐
4. Pat went to see his mother-in-law because she was ill. ☐
5. Pat wrote a letter to his wife after a week. ☐
6. He asked his wife to excuse the priest's bad writing and spelling. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. Why did Pat come to England?
2. How did he manage to save money?
3. Why did his wife have to go to Ireland?
4. What did Pat want to do a week later?
5. Why didn't he write the letter?
6. Who wrote it for him?
7. What did the priest say after Pat had finished?
8. And what did Pat answer?

C. DRAW LINES FROM THE WORDS ON THE LEFT TO THE CORRECT WORDS ON THE RIGHT.

- | | |
|------------------------|---------------------------------|
| 1. A building company | a. became ill |
| 2. Pat | b. could not read or write. |
| 3. Pat's mother-in-law | c. gave Pat a job. |
| 4. Pat's wife | d. went home to see her mother. |
| 5. The priest | e. wrote Pat's letter. |

100

A. Mark went to barber's shop and had his hair cut, but when he came out, he was not happy with the result, and when his friend George saw him, he laughed and said: "What's happened to your hair, Mark?".

Mark said: "I tried a new barber's shop today, because I wasn't at all satisfied with my old one, but this one seems even worse".

George agreed: "Yes, I think you're right, Mark. Now I'll tell the barbers' hair, and then go to the one whose own hair been cut the worst".

"The one whose hair's been cut the worst?", Mark repeated, "But that would be foolish!".

"Oh, no, it wouldn't", answered George, "Who do you think cut that man's hair? he couldn't cut it himself, could he? Another of the barbers cut it - and he must have been a worse barber than the one whose hair he cut".

B. Mark đến một cửa hàng cắt tóc. Khi ra khỏi cửa hàng anh không hài lòng lắm. Khi bạn anh George trông thấy, anh ta cười và nói: "Tóc anh làm sao thế kia, Mark?".

Mark nói: "À, hôm nay tôi vào thử một hiệu cắt tóc mới vì tôi không hài lòng với hiệu cũ, nhưng cửa hàng này còn tồi tệ hơn".

George đồng ý: "Đúng, anh nói đúng Mark ạ. Tôi mách anh một điều nhé, lần sau khi anh vào hiệu cắt tóc hãy nhìn một lượt bộ tóc của các anh thợ cạo rồi đến anh có bộ tóc cắt xấu nhất ấy".

"Anh chàng có bộ tóc cắt xấu nhất ư?" Mark nhắc lại. "Thế chẳng hóa mình điên sao?".

George trả lời: "Ồi! Không. Theo anh thì ai cắt bộ tóc ấy. Chắc chắn không phải là chính anh ta, phải không? Phải là một người thợ khác cắt. Như vậy anh chàng cắt bộ tóc ấy phải cắt kém hơn anh chàng có bộ tóc xấu".

C. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Mark's hair was cut badly. ☐
2. He had not been to that barber's shop before. ☐
3. It was better than the one he used to go to before. ☐
4. His friend George advised him to choose the barber whose hair looked the worst. ☐

5. Barbers cut each other's hair.



6. The barber whose hair is cut the worst cannot be the worst barber.



B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. How did Mark feel when he came out of the barber's shop?

2. What did his friend George do when he saw him?

3. And what did George say?

4. What was Mark's answer?

5. What did George suggest then?

6. And what did Mark answer?

7. What did George say then?

8. Which barber would have the best haircut?

A. Mrs Harris's husband died when she was forty-five years old. She had a son, who was eighteen years old at that time.

Mrs Harris was not a widow for very long. She met a nice man who was a few years older than she was, and two years after her first husband had died, she married for the second time. Her son, Peter, was twenty years old then.

Mrs Harris had a nice, quiet wedding in the village church, and after that, they had the usual party at her house for her family and her new husband's, and for some of their friends, but Peter was very late for party. At last he hurried in, kissed his mother and said: "I am sorry I'm late, Mum, but I've been looking everywhere for a card which says: "To my Mother, for her Wedding", and I haven't been able to find one".

B. Chồng bà Harris chết vào năm bà 45 tuổi. Bà có một đứa con trai lúc đó vừa 18 tuổi.

Bà Harris không ở góa được lâu. Bà gặp một người đàn ông tốt bụng, hơn bà vài ba tuổi. Sau khi chồng chết được hai năm, bà lấy chồng thứ hai. Lúc đó con trai bà là Peter đã 20 tuổi.

Đám cưới của bà Harris tiến hành một cách vui vẻ lặng lẽ ở nhà thờ trong làng. Sau đó họ tổ chức một bữa tiệc tại nhà, cả nhà bà và nhà chồng cùng một số bạn hữu đến dự nhưng riêng Peter về rất muộn. Mãi sau Peter mới chạy vội về, hôn mẹ và nói: "Mẹ, con xin lỗi con về muộn, nhưng vì con đã đi khắp nơi tìm bưu thiếp có đề "Tặng mẹ nhân ngày cưới" mà không thể tìm được.

C. CHÚ THÍCH

1. Her family and her new husband's:

's ở đây có nghĩa là "her new husband's family".

2) Be able to = can.

C. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Mrs Harris was 25 when Peter was born. ☐

2. She was 47 when she married her second husband. ☐

3. She married him at her house in the village. ☐

4. Peter was in a card shop when his mother's wedding party started. ☐

5. He found the card he wanted in the last shop he went to. ☐

6. He did not find the card he wanted. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. Why did Mrs Harris marry when she was forty seven?

2. Who was Peter?

3. How old was he then?

4. What kind of wedding did Mrs Harris have?

5. What happened after the wedding?

6. Why was Peter late?

7. What had he been looking for?

8. Why hadn't he been able to find it?

A. A long time ago, when aeroplane were not very big or strong yet, all passengers had to be weighed with their luggage, so that planes did not have to carry more than it was safe to carry. Then later, when aeroplanes became bigger and stronger, only the luggage had to be weighed, and now very often, the luggage has to be measured instead of being weighed, because size is more important to the airlines than weight. Aeroplanes are so big and strong now that they can carry almost any weight.

But before a passenger can travel by Hawaiian Airlines, he or she still has to be weighed. Once when one fat man was asked by the airlines' clerk how much he weighed, he thought for a few seconds and then said to her:

"With or without my clothes?".

"Well, sir", the girl answered, "How are you planning to travel?"

B. Trước đây khi máy bay chưa to và chưa chắc chắn, tất cả các hành khách đều phải cân cùng với hàng hóa vì máy bay không được chở quá số cân để giữ cho an toàn. Sau đó khi máy bay đã to hơn và chắc chắn hơn thì chỉ có hàng hóa phải cân thôi. Đến bây giờ thường thường người ta chỉ đo các kiện hàng chứ không phải cân vì đối với đường hàng không kích thước quan trọng hơn là cân nặng vì ngày nay máy bay rất to và rất chắc chắn, nó có thể chịu được trọng tải lớn.

Nhưng những hành khách đi Hàng không Hawaii vẫn phải cân. Có một lần nhân viên Hàng không Hawaii hỏi một khách to béo là ông ta nặng bao nhiêu cân. Ông ta nghĩ một lúc rồi trả lời cô:

"Cả quần áo hay không quần áo?"

Cô gái trả lời: "Thưa ngài, ngài định đi có quần áo hay không ạ?"

C. CHÚ THÍCH

1) So sánh hơn của tính từ dài:

more + tính từ + than

Ví dụ: Size is more important than weight.

2) It is so big and strong.

so để nhấn mạnh: đến như vậy.

D. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Aeroplane passengers were weighed a long time ago. ☐

2. Later, only the luggage was weighed. ☐

3. Even now, aeroplanes are not strong enough to carry heavy weights. ☐

4. Hawaiian Airlines only weighed fat passengers. ☐

5. One fat man did not know whether the airlines clerk wanted his weight with clothes or without. ☐

6. He wanted to travel without clothes. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. Why did aeroplane passengers have to be weighed a long time ago?

2. Why did they not have to be weighed some years later?

3. What happens to luggage now?

4. Why is it treated in this way?

5. What still happens at Hawaiian Airlines?

6. What did the airlines' clerk there ask one fat man?

7. What did he answer?

8. What did the clerk say then?

A. When Dick was six years old, he went and stayed with his grandparents in the country for a few weeks in the summer. He talked a lot with his grandmother while he was there, and she told him a lot of interesting things about their family which he had not known before. When he came home again to his own parents, he said to his father: "Is it true that I was born in London, Daddy?".

"Yes, it is, Dick", his father answered.

"And, were you really born in Germany?", Dick asked.

"Yes, that's right", his father answered, "I was".

"And it is true that Mummy was born in Ireland?", Dick continued.

His father said: "Yes, it is, but why are you asking me all these questions?".

Dick answered: "Because when Granny told me all those things while I was with her, I couldn't understand how we had all met".

B. Hồi Dick lên 6 tuổi, vào dịp hè nó về quê với ông bà vài tuần. Thời gian ở đó nó nói chuyện rất nhiều với bà và bà cũng kể cho nó rất nhiều chuyện hay về gia đình mà trước đó nó chưa hề biết. Khi trở về nhà với bố mẹ, nó hỏi bố:

"Bố ơi, có phải con sinh ở London không?"

"Đúng thế, Dick ạ"

"Thế còn bố sinh ở Đức phải không bố?"

"Đúng thế con ạ". Bố nó trả lời.

Dick lại hỏi tiếp: "Thế còn mẹ sinh ở Ireland phải không bố?"

Bố nó trả lời: "Phải. Nhưng tại sao con lại hỏi bố những điều đó?"

Dick trả lời: "Bởi vì khi nghe bà kể cho con những điều đó, con không hiểu làm thế nào mà chúng ta gặp nhau được".

C. CHÚ THÍCH

1) Thời Past perfect của động từ chỉ hành động xảy ra trước một thời điểm hoặc một hành động khác trong quá khứ.

Ví dụ:

It was the new thing which he hadn't known before.

I couldn't understand how we had met.

2) A lot of (nhiều) có thể dùng được với cả hai loại danh từ: đếm được và không đếm được.

Ví dụ: A lot of money
 books

D. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Dick and his grandmother talked to each other a lot. □

2. Dick already knew a lot about his family. ☐
3. His grandmother told him a lot about it. ☐
4. Dick's parents had been born in the same country. ☐
5. Dick had been born in a different country. ☐
6. Dick had met his parents in Germany. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. Whom did Dick visit when he was six?
2. How did Dick find out a lot of interesting things about his family?
3. Whom did he talk to about these things when he came home?
4. Where had Dick been born?
5. Where had his father been born?
6. And where had his mother been born?
7. What did his father say when he asked a lot of questions?
8. And what did Dick answer?

C. PUT WHAT, WHICH OR WHO IN EACH EMPTY SPACE

1. Dick's grandmother told him things.... he had not known before.
2. She told him... he wanted to know.
3. Dick had a father... had been born in Germany.
4. It didn't matter... Dick asked: his grandmother knew the answer.
5. "... a stranger thing!" Dick thought. "We were all born in different places, but we all met".
6. "... of those men is Dick's father?". "The tallest one".
7. "... is he?". "He's a teacher".
8. "... is that woman?". "She's Dick's mother".

A. When Dave Perkins was young, he played a lot of games, and he was thin and strong, but when he was forty-five, he began to get fat and slow. He was not able to breathe as well as before, and when he walked rather fast, his heart beat painfully.

He did not do anything about this for a long time, but finally he became anxious and went to see a doctor, and the doctor sent him to hospital. Another young doctor examined him there and said: "I don't want to mislead you, Mr Perkins. You're very ill and I believe that you are unlikely to live much longer. Would you like me to arrange for anybody to come and see you before you die?"

Dave thought for a few seconds and then he answered: "I'd like another doctor to come and see me".

B. Khi Dave Perkins còn trẻ, ông chơi thể thao rất nhiều. Hồi đó ông trông mảnh khảnh nhưng rất khỏe. Đến tuổi 45 ông trở nên to béo và chậm chạp. Ông thở không được tốt như ngày xưa. Cứ khi nào đi bộ nhanh là tim ông lại đập mạnh.

Cứ như vậy một thời gian lâu ông không chạy chữa gì, nhưng cuối cùng ông thấy lo lắng và đi khám bệnh. Bác sĩ gửi ông đến bệnh viện. Một bác sĩ bệnh viện khám và nói: "Ông Perkins ạ, tôi không muốn làm ông lo sợ nhưng thật sự ông ốm lắm và tôi tin rằng ông không sống được lâu nữa đâu. Ông có muốn tôi sắp xếp mời ai đến gặp ông trước khi ông chết không?"

Dave nghĩ một lúc rồi trả lời: "Tôi muốn một bác sĩ khác đến thăm tôi".

C. CHÚ THÍCH

1) "**Be able to**" dùng thay cho "**can**", đặc biệt là ở thời Future: **will be able to**...

2) So sánh ngang của trạng ngữ:

as + adverb + as

He could breathe as well as (he did) before.

D. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Dave was fat and slow until he was forty-five. ☐

2. As soon as Dave had trouble in breathing and walking, he went to see a doctor. ☐

- 3. Dave was afraid he was ill. ☐
- 4. The young doctor thought Dave was going to die soon. ☐
- 5. He wanted Dave to see another doctor first. ☐
- 6. Dave did not trust the young doctor. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

- 1. What was Dave like when he was young?
- 2. What happened to him when he was forty-five?
- 3. What did he do about it at first?
- 4. What did he do later?
- 5. What did his doctor do?
- 6. What did the young doctor in hospital say to Dave?
- 7. What did he ask him?
- 8. And what did Dave answer?

C. PUT ONE WORD IN EACH EMPTY PLACE. YOU WILL FIND ALL THE WORDS IN THE STORY.

When Dave was a very small boy, he had trouble with his lungs. Sometimes, after running, he was only... to... His mother, of course, was very... about these pains. She took him to the doctor, and he... him carefully and ... said: "Well. I... that is ... to be anything serious, and that he will grow out of it, but I don't want to... you if I'm wrong, so I will... for him to go into hospital for tests". The tests proved that the doctor was quite right.

A. Joe was one of those people who love the sound of their own voice. He never had anything interesting to say, but he talked and talked and talked, and every story he told reminded him of another one, so that he never stopped for a second to let anybody else say anything.

One evening he was invited to a party by someone who he had met only a few days before and who did not know him very well yet. They had a good meal, and then they had some music and dancing. Joe danced once with a pretty girl and then suggested that they should sit and talk. He talked and talked and talked, and was just beginning, "And that reminds me of the time...", when the girl said: "The time? Yes, you're quite right!". She looked at her watch quickly and said: "Look how late it is. I must go".

B. Joe thuộc loại những người rất yêu thích giọng của chính mình. Chẳng bao giờ anh ta nói được chuyện gì hay ho nhưng lúc nào cũng thích nói, nói và nói. Cứ khi anh kể một chuyện là y rằng nó lại gọi ra chuyện khác, tới mức không bao giờ anh ta ngừng một phút để cho người khác nói xen vào.

Một hôm anh được một người mời đến ăn tiệc. Anh mới gặp người đó cách đây có mấy hôm nên người ta chưa biết rõ anh. Họ ăn một bữa cơm ngon lành rồi nghe nhạc và nhảy. Joe nhảy với một cô gái rất đẹp một bài, sau đó mời cô ngồi chơi và nói chuyện với mình. Anh cứ nói mãi, nói mãi. Rồi khi anh vừa lắc đầu nói thêm "À nó gọi cho tôi nhớ lại thời gian..." thì cô ta ngắt lời "À ... thời gian ư? Đúng, anh nói rất đúng!". Cô ta liếc nhìn đồng hồ và nói, "Anh xem này muộn quá rồi. Tôi phải đi đây".

C. CHÚ THÍCH

1) To *remind* somebody of something: gọi cho ai nhớ lại điều gì.

2) Động từ: "suggest" (gợi ý) thường đi với "should".

Ví dụ:

He suggested we should wait.

D. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Joe liked talking very much. ☐
2. People did not enjoy listening to him. ☐
3. He stopped other people saying anything. ☐
4. He was invited to a party by an old friend. ☐
5. Joe wanted to talk instead of dancing. ☐
6. A girl asked Joe to talk instead of dancing. ☐
7. Joe was probably going to say: "And that reminds me of the time that I was...", but the girl stopped him. ☐
8. Joe was probably going to say: "And that reminds me of the time. It's late. I must go", but the girl stopped him. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. What kind of person was Joe?
2. What happened whenever he found someone to talk to?
3. What happened one evening?
4. What did Joe and pretty girl do?
5. What did Joe do then?
6. What was he saying when the girl stopped him?
7. What did she do?
8. And what did she say?

A. Matthew Hobbs was sixteen years old. He had been at the same school for five years, and he had always been a very bad pupil. He was lazy, he fought with other pupils, he was rude to the teachers, and he did not obey the rules of the school. His headmaster tried to make him work and behave better, but he was never successful and the worst thing was that, as Matthew grew older, he was a bit influence on the younger boys.

Then at last Matthew left school. He tried to get a job with a big company, and the manager wrote to the headmaster to find out what he could say about Matthew.

The headmaster wanted to be honest, but he also did not want to be too hard, so he wrote: "If you can get Matthew Hobbs to work for you, you will be very lucky".

B. Matthew Hobbs 16 tuổi. Trong 5 năm liền nó học ở một trường và luôn luôn là một anh học trò dốt. Nó lười học, đánh nhau với bạn, vô lễ với thầy cô và không tuân theo nội quy của trường. Thầy hiệu trưởng đã cố gắng giáo dục nó học tốt hơn và cư xử ngoan hơn, nhưng không bao giờ ông thành công cả. Một điều tồi tệ nhất là Matthew càng lớn càng gây ảnh hưởng xấu đến các học sinh nhỏ hơn.

Cuối cùng Matthew vẫn ra trường. Anh ta xin việc tại một công ty lớn. Người chủ công ty viết thư cho ông hiệu trưởng trường xem ông có nhận xét gì về Matthew. Ông hiệu trưởng thấy cần phải thành thật nhưng đồng thời cũng không nên cứng rắn quá cho nên ông trả lời: "Nếu ông có thể thuyết phục Matthew Hobbs làm việc cho ông thì ông thật là người may mắn".

C. CHÚ THÍCH

1. To make somebody do something: làm/bắt buộc/ thuyết phục.... ai làm việc gì.

Chú ý sau động từ *make*, động từ kia ở nguyên thể không có *to*.

2. Too + tính từ: mang hàm ý phủ định.

D. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Matthew had come to his school when he was eleven. ☐

- 2. He was always a good boy. ☐
- 3. The younger boys learn good manners from him. ☐
- 4. Matthew got a job with a big company. ☐
- 5. His old headmaster got a letter from the manager. ☐
- 6. The headmaster answered the letter cleverly. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

- 1. How did Matthew behave at school?
- 2. What did his headmaster do about it?
- 3. Did he succeed?
- 4. What made things even worse?
- 5. What did Matthew do when he left school?
- 6. What did the manager of the company do?
- 7. How did the headmaster feel about this?
- 8. What did he write to the manager?

A. Harry came to his mother one morning while she was having her breakfast, and said to her: "No one at my school likes me. Mother. The teachers don't, and the children don't. Even the cleaners and the bus drivers hate me".

"Well, Harry", his mother answered, "perhaps you aren't very nice to them. If a few people don't like a person, he or she may not be responsible for that. But if a lot of people don't, there's usually something wrong, and that person really needs to change".

"I'm too old to change", Harry said, "I don't want to go to school".

"Don't be silly, Harry", his mother said, going towards the garage to get the car out. "You have to go. You're quite well, and you still have a lot of things to learn. And besides that, you're the headmaster of the school".

B. Một buổi sáng Harry vào gặp mẹ đúng vào lúc bà đang ăn sáng. Harry nói: "Mẹ ơi, ở trường chẳng có ai thích con cả. Các giáo viên cũng không mà học trò cũng không. Ngay cả mấy người lao công và các tay lái xe cũng ghét con".

Bà mẹ nói: "Ừ, Harry. Có lẽ vì con không cư xử đúng mức với mọi người. Nếu chỉ có vài người không thích một người nào đó thì chưa chắc đã phải lỗi tại người đó nhưng nếu nhiều người không thích một người thì thường có điều gì đó không hay và người đó cần phải sửa chữa".

Harry nói: "Mẹ ơi! Con quá lớn rồi không thay đổi được nữa. Con không muốn đến trường nữa đâu".

"Harry, đừng có ngu ngốc như vậy". Mẹ vừa nói vừa đi về phía nhà để xe, lái ô tô. "Con phải đi, con rất giỏi tuy có nhiều điều con cần phải học thêm. Hơn nữa, con lại là hiệu trưởng của trường cơ mà".

C. CHÚ THÍCH

1) Trong mệnh đề "*While*" thời của động từ thường là tiếp diễn vì nghĩa của "*while*" là trong khi (ai đó đang làm điều gì).

2) Khi hai hành động xảy ra song song, ta dùng động từ thứ hai ở dạng -ing: vừa... vừa...

Ví dụ:

His mother *said*, *going* towards the garage (Mẹ nói vừa nói vừa đi về phía nhà để xe).

D. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Harry was a schoolboy. ☐
2. He liked going to school. ☐
3. His mother wanted him to go to school too. ☐
4. His mother thought he should change because a lot of people did not like him. ☐
5. She thought he might be too ill to go to school that day. ☐
6. He was the headmaster. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. What did Harry say to his mother?
2. When did he say this?
3. What did his mother answer?
4. And what did Harry say then?
5. What was his mother's answer?
6. And what did she do while she was saying that?
7. Why did she do this, do you think?
8. What did you think Harry was when you started reading this story?

108

A. Mrs Watson was a doctor's wife. She had a nice neighbour, Mrs Potts. They often did each other's shopping.

One day, Mrs Potts had to go to Dr Watson because she was ill, so Mrs Watson said: "I'll do your shopping to day, Beryl". Mrs Potts told her that she only wanted a sheep's kidney.

Mrs Watson went to the shops, and when she came back, she went to Mrs Potts's house, but she was not there, so she went to her own house. She looked in her husband's waiting-room, but Mrs Potts was not there either, so she went into her husband's office. Her husband told her that Mrs Potts had just left him and gone to the lavatory.

Mrs Watson ran out into the crowded waiting-room just in time to catch Mrs Potts. She shouted: "Here's your kidney!", and ran and gave her the parcel.

B. Bà Watson là vợ một bác sĩ. Bà có một bà hàng xóm rất tốt là bà Potts. Họ thường đi chợ mua bán hộ nhau.

Một hôm bà Potts phải đến bác sĩ Watson để khám bệnh vì bà bị ốm. Bà Watson nói: "Beryl này, hôm nay tôi đi chợ hộ bà nhé".

Bà Potts dặn là bà chỉ cần mua quả càt cừu thôi.

Bà Watson ra cửa hàng. Khi về bà rẽ qua nhà bà Potts nhưng bà ấy không có nhà cho nên bà về nhà mình. Bà ngó qua phòng đợi của chồng nhưng cũng không thấy bà Potts ở đó. Bà lại đến nơi làm việc của chồng. Chồng bà bảo là bà Potts vừa ra nhà vệ sinh.

Bà Watson chạy vào phòng đợi đây những người chờ khám vừa lúc gặp bà Potts. Bà Watson kêu to lên: "Đây, càt của bà đây", rồi chạy lại đưa bà Potts cái gói.

C. CHÚ THÍCH

Trong phần tiếng Anh ta phân biệt "cũng" (khẳng định) là "*too*" và "cũng không" là "*not...either*".

Ví dụ: *I like music too*

I don't like volley-ball either

D. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Mrs Potts lived near Mrs Watson.



- 2. Mrs Watson was ill. ☐
- 3. Mrs Watson did Mrs Potts' shopping. ☐
- 4. During the time, Mrs Potts went to the lavatory and then to Dr Watson's office. ☐
- 5. Mrs Watson stopped Mrs Potts as she was leaving. ☐
- 6. Dr Watson had cut Mrs Potts's kidney out. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

- 1. What work did Mrs Watson's husband do?
- 2. Who was Mrs Potts?
- 3. How did she and Mrs Watson help each other?
- 4. Why did Mrs Watson offer to do Mrs Potts' shopping one day?
- 5. What did Mrs Potts ask her to get?
- 6. Where did Mrs Watson look for Mrs Potts when she came back?
- 7. Where was Mrs Potts?
- 8. What did Mrs Watson shout to her when she found her at last?

A. Jim was intelligent, but he hated hard work. He said: "You work hard, and earn a lot of money, and then the government takes most of it. I want easy work that gives me lots of money and that the government doesn't know about".

So he became a thief - but he did not do the stealing: he got others to do it. They were much less intelligent than he was, so he arranged everything and told them what to do.

One day they were looking for rich families to rob, and Jim sent one of them to a large beautiful house just outside the town.

It was evening, and when the man looked through one of the windows, he saw a young man and a girl playing a duet on the piano.

When he went back to Jim, he said: "That family can't have much money. Two people are playing on the same piano there".

B. Jim là người rất thông minh nhưng anh không thích làm việc nhiều. Anh nói: "Ta làm việc nhiều, kiếm ra nhiều tiền rồi chính phủ tước đoạt gần hết. Tôi chỉ thích những công việc nhẹ nhàng kiếm ra nhiều tiền mà chính phủ không hề biết".

Và thế là anh ta trở thành một tên ăn cắp, nhưng anh ta không tự đi ăn cắp mà thuê người khác làm. Bọn này không thông minh bằng anh cho nên anh sắp xếp mọi việc và sai bọn chúng làm.

Một hôm trong lúc đang tìm kiếm những nhà giàu có để ăn cắp, Jim sai một tên đến một ngôi nhà to và đẹp ngay phía ngoài thành phố.

Lúc đó đã chập tối, tên kia nhìn qua cửa sổ. Hắn trông thấy một người đàn ông trẻ và một cô gái đang chơi bản duyê (bản nhạc đôi) bằng đàn pi-a-nô. Hắn quay về nói với Jim: "Cái gia đình đó không thể có nhiều tiền được. Hai người chơi có một cái đàn piano thôi".

C. CHÚ THÍCH

1) Công thức so sánh kém của tính từ

Less + tính từ + than

Ví dụ: They are less intelligent than he was.

2) Động từ đi sau "to see" ở dạng -ing

See somebody doing something

Ví dụ: He *saw* a young girl *playing* the piano.

D. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Jim was clever, but lazy. ☐
2. He didn't like paying taxes. ☐
3. He always used clever people to steal for him. ☐
4. They tried to find rich families. ☐
5. One of these men played a duet on a piano with a girl. ☐
6. The girl's family was poor. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. Why did Jim become a thief?
2. How did he steal things?
3. What was his job in this?
4. Why was he good at it?
5. What did he send one of his men to do one evening?
6. What did the man see?
7. What did he say to Jim?
8. What mistake did he make?

C. OPPOSITES: FIND WORDS IN THE STORY WHICH MEAN ABOUT THE OPPOSITE OF:

1. difficult
2. lazy
3. little
4. more
5. old
6. poor
7. small
8. spend
9. stupid
10. ugly

A. Fred sometimes liked to go to a bar to have a drink before he went home after work. There were some tables and chairs in the bar, but it was too early for most people when Fred was there, so he seldom found anyone to talk to.

Then one evening he went into the bar and saw a man playing draughts at a table, but he could not see anyone in the chair opposite him. He went near to look, and was very surprised to see that man was playing against a dog. When it had to move one of its draughts, it stood on its back legs on the chair.

Fred watched while the two played their game, and when the dog lost, Fred went up to its owner and said: "I've never seen a clever dog before".

"Well", answered the other man, "he isn't really very clever. I always win".

B. Thỉnh thoảng sau giờ làm việc Fred thích ra quán uống rượu trước khi về nhà. Ở đó có rất nhiều bàn ghế nhưng khi Fred đến thì còn quá sớm chưa ai đến cho nên ít khi anh được nói chuyện với ai.

Rồi, một buổi chiều khi Fred vừa bước vào quán anh trông thấy một người đàn ông đang chơi cờ đam nhưng anh lại không thấy ai ngồi chơi cùng. Anh tiến lại gần rất ngạc nhiên vì thấy ông ta đang đánh cờ với con chó. Khi đi quán cờ, con chó đứng thẳng lên hai chân sau.

Fred đứng nhìn hai đối thủ chơi cờ với nhau. Khi con chó bị thua Fred tiến đến và nói với người chủ: "Tôi chưa bao giờ thấy một con chó thông minh như thế này".

Người đàn ông nói: "Ồ, nó không thông minh lắm đâu vì ván nào tôi cũng thắng".

C. CHÚ THÍCH

Tính từ nói chung và số từ nói riêng khi đi với quán từ "the", chúng trở thành danh từ.

Ví dụ:

Tính từ danh từ

Rich (giàu) The rich (người giàu)

Poor (nghèo) The poor (người nghèo)

Two (số 2) The two (hai người ấy, hai con vật ấy...)

D. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Fred always had his drink at home. ☐
2. He talked to a lot of people in a bar. ☐
3. A man was playing draughts with a dog in the bar one evening. ☐
4. The dog moved the draughts itself. ☐
5. Fred was very surprised. ☐
6. The dog sometimes won the game. ☐

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. Where did Fred sometimes go after work?
2. Why did he seldom find anyone to talk to there?
3. What did he see one evening?
4. Why was he very surprised when he went nearer?
5. How did the dog manage to play?
6. Who won?
7. What did Fred say then?
8. What did the dog's owner answer?

111

A. Henry was from the United States and he had come to London for a holiday.

One day he was not feeling well, so he went to the clerk at the desk of his hotel and said: "I want to see a doctor. Can you give me the name of a good one?".

The clerk looked in a book and then said: "Dr Kenneth Grey, 61010".

Henry said: "Thank you very much. Is he expensive?".

"Well", the clerk answered. "He always charges his patients two pounds for their first visit to him, and 1.50 for later visits".

Henry decided to save 50p, so when he went to see the doctor, he said: "I've come again, doctor".

For a few seconds the doctor looked at his face carefully without saying anything. Then he nodded and said: "Oh, yes". he examined him and then said: "Everything's going as it should do. Just continue with the medicine I gave you last time".

B. Henry là người Mỹ. Ông ta đến nghỉ ở London.

Một hôm ông thấy không được khoẻ lắm, ông đến gặp nhân viên lễ tân của khách sạn.

"Tôi muốn đi khám bệnh. Ông giới thiệu giúp tôi một bác sĩ giỏi".

Nhân viên lễ tân xem sổ rồi nói: "Bác sĩ Kenneth Grey 61010".

Henry nói: "Cám ơn ông. Tiền khám bệnh có đắt không?".

"À, thường thì ông ta lấy 2 pao đôi với những bệnh nhân mới đi khám lần đầu, còn các lần sau mỗi lần 1,5 pao".

Henry quyết định tìm cách tiết kiệm 50 xu. Khi ông gặp bác sĩ, ông nói ngay: "Thưa bác sĩ, tôi đến xin khám lại".

Bác sĩ chăm chú nhìn mặt ông một lúc nhưng không nói gì. Sau đó ông gật đầu nói: "À, vâng".

Bác sĩ khám rồi nói: "Mọi việc vẫn tiến triển như cũ. Ông cứ tiếp tục uống loại thuốc mà tôi kê đơn lần trước".

C. CHÚ THÍCH

(be) from: xuất thân từ...

Ví dụ: He is from Hanoi.

Where are you from?

D. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Henry wanted the clerk at the hotel to send a good doctor to his room. ☐

2. The clerk gave him the name and address of a doctor. ☐

3. Henry wanted to know how much it cost to go to him. ☐

4. The first visit to the doctor cost less than later visits.

5. Henry tried to make the doctor believe that he had been to him before.

6. The doctor knew that he had not seen Henry before.

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. Why did Henry have to ask someone else for the name of a doctor?

2. What did the clerk do?

3. What did Henry ask him then?

4. And what did the clerk answer?

5. What did Henry decide?

6. What did he do?

7. What did he say to the doctor?

8. And what was the doctor's answer?

C. PUT ONE WORD IN EACH EMPTY PLACE. YOU WILL FIND ALL THE CORRECT WORDS IN THE STORY.

Dr Brown is a kind man. He left England to work in a foreign country when he was 25. Someone of his... are quite poor, and he... them very little. And when they need... medicines, he sometimes even pays for them. One day a... who worked in a small office brought him his son. He was very ill, and he knew that only very expensive medicines could... him from dying. Dr Brown... the boy carefully. "Well", the father said, "What have you found, doctor? Will he be all right?". The doctor... without looking at him. He thought for a minute and then said: "Yes, he'll be all right. I'm going to give you some medicines for him. He must... taking it for a month. We don't want him to die, do we?"

A. Mrs Jenkins was the owner of a small restaurant in Southampton. Southampton is a big port. Mrs Jenkins had two young waitresses and a cook to help her.

One day a sailor came into the restaurant, sat down at one of the tables, ordered what he wanted from the waitress and then got up and left again after a few minutes. The owner of the restaurant was surprised when she saw this, so she called the waitress and asked her why the man had left before having his meal.

"Well", the waitress answered, "he asked for some of our fried rabbit, and when I went out into the kitchen to order it from the cook, the cat was just on the other side of the door and I stepped on its tail by mistake. It made a terrible noise, of course, and then the man got up from his table and went out very quickly".

B. Bà Jenkins là chủ một cửa hàng ăn nhỏ ở Southampton. Southampton là một cảng lớn. Bà Jenkins thuê hai cô hầu bàn trẻ và một người nấu bếp để giúp bà.

Một hôm có một anh thủy thủ vào cửa hàng, ngồi vào bàn, gọi cô hầu bàn đến để gọi món ăn rồi chỉ sau đó vài phút anh ta đã đứng dậy ra đi. Thấy thế bà chủ rất ngạc nhiên. Bà gọi cô hầu lại hỏi tại sao anh ta lại bỏ đi không ăn.

Cô hầu trả lời: "Dạ. Anh ta gọi món thỏ rán. Khi tôi vào bếp để gọi món ăn đó thì con mèo ngồi ngay cạnh cửa, tôi dẫm phải đuôi nó. Nó kêu lên một tiếng sợ hãi. Thế là anh lính thủy đứng dậy, vội vã đi ra cửa".

C. CHÚ THÍCH

Mệnh đề wh-. Mệnh đề này có thể dùng như một tân ngữ trong câu.

Ví dụ: *He asked her why the man **had** left.*

S V 01 02

D. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Mrs Jenkins' restaurant was very big. ☐
2. A sailor came in, but he did not like the waitress, so he went out again. ☐
3. Mrs Jenkins was surprised when the sailor left. ☐

4. The sailor ordered rabbit for his meal.
5. The cat made a noise because its tail hurt.
6. The restaurant gave people cat's meal instead of rabbit's.

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. What was Mrs Jenkins's job?
2. Who did she have working for her?
3. What did the sailor do?
4. Why was Mrs Jenkins surprised?
5. What did she do then?
6. What did she ask the waitress?
7. And what did the waitress answer?
8. What had the sailor thought?

A. There is a prison in Iceland which allows its prisoners to go out without any guards to work every day. They work on the farms near the prison during the day, and come back to have their evening meal and to sleep every evening. Before they are allowed to go out like this, they have to promise to come back every evening. If they do not promise this, they are not let out.

One night one of the prisoners was invited to have a meal and a drink with the family of the farmer he was working for, so he came back to the prison very late. He had to knock at the gate several times before the guard came to let him in.

The guard did not like being disturbed at that time, so he said to the prisoner angrily: "If you come back so late again, I won't let you in".

B. Ở Iceland có một nhà tù cho phép tù nhân ra ngoài làm việc không có lính gác. Ban ngày họ làm việc ở những trang trại gần nhà tù, buổi tối về ăn cơm và ngủ. Trước khi đi họ phải hứa là sẽ quay về khi trời tối. Nếu ai không hứa thì không được ra làm.

Một hôm, có một tù nhân được gia đình chủ trang trại mà anh ta đang làm việc mời ăn cơm tối cho nên anh trở về rất muộn. Anh phải gõ cửa dăm bảy lần người gác mới ra mở cửa cho anh vào.

Người gác không thích bị làm phiền vào giờ này cho nên anh ta gắt gỏng: "Lần sau mà anh về muộn như thế này tôi sẽ không cho anh vào nữa nghe chưa?"

C. CHÚ THÍCH

1) To let somebody in (out): cho ai vào (ra)

to be in(out): có nhà/đi vắng.

2) Động từ let là động từ bất quy tắc. Quá khứ phân từ vẫn là let.

They *are let out*

Thụ động cách

D. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. The guards in the prison in Iceland were on the farms with the prisoners during the day. ☐

2. The prisoners had to have their evening meal on the farms. ☐

3. They spent the night in the prison.
4. One prisoner had his meal on a farm one evening.
5. The guard did not like opening the gate late at night because he was afraid.
6. He did not let the prisoner in.

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. In what way is the prison in this story different from most others?
2. What work do the prisoners do?
3. What do they have to do in order to be allowed to work outside?
4. What happens if they do not do this?
5. Why was one prisoner very late one night?
6. What did he have to do to get into the prison again?
7. How did the guard feel about this?
8. What did he threaten to do if the prisoner was late again?

C. PUT IT, NOR OR SO IN EACH EMPTY PLACE, BUT ONLY ONE OF THESE IS NEEDED:

1. "Did all the prisoners promise to come back every evening?". "Yes, I think....".
2. "Did they always come back?". "No, I expect....".
3. "Did the prisoners work really hard on the farms? I wonder....".
4. "Did the farmer who invited the prisoner like him?". "yes, I suppose....".
5. "Do you think the prisoner who was late ever came late again?". "I doubt....".
6. "Did the guards ever lock a prisoner out?". "No, I hope....".
7. "I think that was a nice prison". "I agree....".
8. "We have prisons like than in Britain too". "I don't believe....!".

A. Peter was 10 years old, and he was having painting lessons every week at a small private class.

During the Christmas holiday, he had a party at his home, and he wanted to invite one of the other students, but he only knew her name Celia Poe. He did not know address or her telephone number.

Peter's mother looked in the telephone book and said: "Well, there are only four Poes here, so I'll telephone each of them and ask whether they have a daughter who has painting lessons".

She telephoned the first one, and the telephone rang for rather a long time before a woman answered. Peter's mother said: "Excuse me. Is that the Mrs Poe who has a daughter who takes painting lessons?"

"No, it isn't", the woman answered, "This is the Mrs Poe who had to get out of her bath to answer the telephone".

B. Peter lên 10 tuổi, tuần nào cậu cũng đi học vẽ ở một lớp tư. Trong những ngày nghỉ lễ Giáng sinh nó muốn tổ chức một buổi liên hoan và mời một bạn học đến, nhưng nó chỉ biết tên cô bạn ấy là Celia Poe, mà không biết địa chỉ, cũng chẳng biết số điện thoại.

Mẹ Peter tra sổ danh bạ rồi nói: "À, ở đây có bốn gia đình Poe, vậy ta cứ gọi từng nhà một và hỏi xem nhà nào có con gái đi học vẽ".

Bà gọi nhà thứ nhất. Chuông điện thoại reo mãi một lúc sau mới có một giọng phụ nữ trả lời. Mẹ Peter hỏi: "Xin lỗi bà, có phải bà là Poe, có con gái đang học vẽ phải không ạ?".

Người phụ nữ trả lời: "Không đâu ạ. Tôi là bà Poe, người phải nhảy ra khỏi bồn tắm để trả lời điện thoại".

C. CHÚ THÍCH

Hãy chú ý câu

She asked / whether / they have a daughter
if

Nghĩa là: Liệu có như vậy không.

Is that the *Mrs Poe who has a daughter who takes painting lessons?*

D. BÀI TẬP

A. WHICH OF THESE SENTENCES ARE TRUE (T) AND WHICH ARE FALSE (F)? WRITE T OR F IN THE BOXES.

1. Peter studied painting with a lot of other children. ☐

2. One of the other students was called Celia.
3. There were a lot of Poes in the telephone book.
4. The first one that Peter's mother telephoned was Celia's mother.
5. Peter's mother spoke to Poe politely.
6. The woman in her bath when the telephone rang.

B. ANSWER THESE QUESTIONS

1. How old was Peter?
2. Where did he study painting?
3. Why did he want to telephone Celia?
4. Why was it not easy to do this?
5. How did his mother plan to help him?
6. What did she say to the first woman she telephoned?
7. And what was the woman's answer?
8. How did the woman feel, do you think?

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

62 Bà Triệu - Hà Nội - ĐT (84.04) 9434044-9430219 Fax: 048229078

Chi nhánh: 270 Nguyễn Đình Chiểu - Quận III TP Hồ Chí Minh -

ĐT: (08) 9303262

NỤ CƯỜI NƯỚC ANH
L.A.HILL

NGUYỄN QUỐC HÙNG, MA biên soạn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

MAI THỜI CHÍNH

Chịu trách nhiệm bản thảo:

PHẠM ĐỨC

Biên tập:

QUỲNH LIÊN

Vẽ bìa:

TRẦN ĐẠI THẮNG

Sửa bản in thử:

LAN HƯƠNG

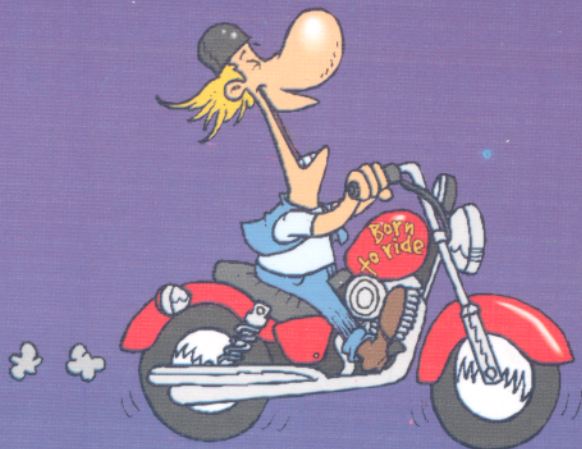
In 800 cuốn khổ 13 x 19cm. In tại Xí nghiệp In Thương mại

Số XB: 251/97 CXB cấp ngày 28/1/2002.

In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2003.

L.A. HILL

NU CƯỜI NƯỚC ANH



GIÁ: 30.000E